

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT



Kỷ Yếu

HỘI THẢO KHOA HỌC

**NIỀM TIN VÀ KỶ VỌNG CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
KHI HỢP NHẤT 2 TỈNH ĐỒNG NAI - BÌNH PHƯỚC**



Đồng Nai, tháng 8 năm 2025

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC

NIỀM TIN VÀ KỶ VỌNG CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHI HỢP NHẤT HAI TỈNH ĐỒNG NAI - BÌNH PHƯỚC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

ThS. Nguyễn Văn Liệt - Phó Chủ tịch Phụ trách Liên hiệp các Hội KH&KT

BAN BIÊN TẬP:

- ThS. Đào Đức Trình - Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT
- ThS. Nguyễn Ngọc Vũ - Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT
- ThS. Nguyễn Văn Nhân - Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT
- KS. Phạm Văn Tuyền - Chuyên viên Liên hiệp các Hội KH&KT

THƯ KÝ:

KS. Phạm Văn Tuyền - Chuyên viên Liên hiệp các Hội KH&KT

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC
“Niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức khi hợp nhất
hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước”

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các chuyên gia nhà khoa học cùng đội ngũ trí thức tỉnh nhà thân mến!

Lời đầu tiên, thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về tham dự Hội thảo khoa học “Niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức khi hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước”. Kính chúc các đồng chí lãnh đạo cùng toàn thể quý vị đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Kính thưa quý vị!

Việc hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển đồng bộ và bền vững các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm. Trong bối cảnh đó, việc hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (cũ) thành tỉnh Đồng Nai mới là hết sức cần thiết - hai địa phương có vị trí chiến lược, tiềm năng phát triển lớn và truyền thống lịch sử - đã đặt ra nhiều vấn đề vừa cấp thiết vừa mang tính lâu dài.

Sự kiện này không chỉ là vấn đề tổ chức hành chính, mà còn là một bước chuyển quan trọng về mặt tư duy, cách tiếp cận phát triển vùng, đặt ra những thách thức và cơ hội lớn đối với toàn xã hội, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò trung tâm trong việc dẫn dắt nhận thức, tham mưu chiến lược và tạo dựng niềm tin xã hội.

Là những người hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: giáo dục, khoa học, công nghệ, văn hóa, y tế, kinh tế v.v.. vì vậy, đội ngũ trí thức có trách nhiệm đặc biệt quan trọng trong việc:

Phân tích, lý giải, phản biện và đồng hành cùng chính quyền và nhân dân để hiểu rõ hơn những lợi ích lâu dài cũng như khó khăn trước mắt;

Gợi mở tầm nhìn phát triển, đảm bảo quá trình tái cấu trúc hành chính đi liền với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân;

Duy trì và phát huy bản sắc văn hóa - xã hội riêng biệt của từng địa phương, hướng tới một bản sắc chung giàu tính kế thừa và sáng tạo;

Tạo dựng niềm tin xã hội, góp phần truyền thông, giải thích và lan tỏa tinh thần đổi mới vì lợi ích chung.

Chúng ta cần nhìn nhận rằng: niềm tin của trí thức chính là nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự thành công của các chính sách lớn. Kỳ vọng của đội ngũ này không dừng ở việc hành chính hợp nhất, mà hướng tới một sự hội nhập phát triển thực chất, hài hòa và bền vững.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Được sự cho phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và sau thời gian chuẩn bị hết sức tỉ mỉ, chu đáo bắt tay thực hiện ngay từ Quý I: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai (cũ) đã cùng với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Bình Phước (cũ) chủ động phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức khi hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước”. Hội thảo đã nhận được sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí lãnh đạo, các Sở, ban ngành, các địa phương, các chuyên gia, các nhà khoa học và đội ngũ trí thức trong và ngoài tỉnh.

Kính thưa các đồng chí!

Tại buổi Hội thảo hôm nay, Ban Tổ chức mong muốn các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các chuyên gia, các nhà khoa học và đội ngũ trí thức tập trung thảo luận, trao đổi các khía cạnh liên quan đến chủ đề mà chúng ta đặt ra, cụ thể như là:

- Bối cảnh và ý nghĩa của quá trình sau khi hợp nhất;
- Vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức trong bối cảnh hợp nhất;
- Niềm tin của đội ngũ trí thức vào sự thành công của việc hợp nhất;
- Những kỳ vọng của trí thức đối với cơ cấu tổ chức, quản lý, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mới;
- Thách thức và đề xuất giải pháp phát huy vai trò trí thức trong giai đoạn mới;
- Kết luận kiến nghị với cấp có thẩm quyền.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý vị đại biểu, các chuyên gia, các nhà khoa học cùng đội ngũ trí thức thân mến!

Trong quá trình chuẩn bị tổ chức Hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự ủng hộ và nhiều ý kiến sâu sắc, những chia sẻ kiến nghị, đề xuất có giá trị của các đồng chí lãnh đạo, các chuyên gia, các nhà khoa học, đội ngũ trí thức trong và ngoài tỉnh về chủ đề cũng như nội dung của Hội thảo tại các bài tham luận.

Và với hơn **30** tham luận gửi về, chúng tôi đã chọn lọc, biên tập và đưa vào cuốn Kỷ yếu hội thảo này được **30** bài; số tham luận còn lại chưa phù hợp với

buổi Hội thảo chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu bổ sung vào dịp khác. Chúng tôi hy vọng rằng, thông qua hội thảo này, các đại biểu sẽ cùng nhau trao đổi cởi mở, chia sẻ những sáng kiến hay, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, có thể áp dụng ngay trong thời gian tới. Hơn lúc nào hết, trong thời khắc quan trọng này, niềm tin và sự kỳ vọng của đội ngũ trí thức chính là chất xúc tác để giúp tỉnh Đồng Nai mới không chỉ diễn ra thuận lợi về mặt tổ chức, mà còn thực sự mang lại giá trị phát triển mới, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân tỉnh nhà và của đất nước.

Nhân đây xin gửi lời cảm ơn đến các đồng chí Lãnh đạo: Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Lãnh đạo các Sở ngành và các trường học, các chuyên gia, các nhà khoa học, đội ngũ trí thức trong và ngoài tỉnh... đã phối hợp với chúng tôi tổ chức thành công Hội thảo này.

Thay mặt Ban Tổ chức Hội thảo, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí đại biểu đã về tham dự, góp phần vào thành công chung của Hội thảo hôm nay. Kính chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống!

Xin chân thành cảm ơn!

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp để nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW

TS. Lê Anh Đức
Trường Đại học Đồng Nai

Đặt vấn đề

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới [1].

Với quan điểm trên, đội ngũ trí thức là lực lượng quan trọng, vừa trực tiếp lao động sản xuất, vừa nghiên cứu tạo ra tài nguyên mới, tài nguyên trí tuệ và dữ liệu lớn trở thành lực lượng sản xuất mới. Do đó phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN) cũng là phát triển lực lượng sản xuất.

Đội ngũ trí thức phải được hiểu rộng hơn vì họ có mặt ở tất cả các nơi như trong cơ quan nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp (DoN) trong cũng như ngoài nước. Do đó gắn kết đội ngũ trí thức với DoN vừa là mục tiêu vừa là động lực chính góp phần vào thành công của Nghị quyết 57-NQ/TW.

Kết quả hợp tác giữa đội ngũ trí thức và DoN

Với 11 cơ sở đào tạo tại tỉnh Đồng Nai (cũ), hầu hết các trường đều có liên kết với DoN, trong đó đội ngũ trí thức và DoN chủ yếu là tiếp nhận thông tin thị trường lao động, cung ứng nhân sự; tham gia góp ý và cải tiến chương trình đào tạo, xác định chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) mà DoN yêu cầu đối với lao động ở từng vị trí việc làm; hỗ trợ sinh viên đến tham quan, thực hành, thực tập; hỗ trợ chuyên gia đến giảng dạy, hướng dẫn cho giáo viên, sinh viên; cử thành viên tham gia chấm thi tốt nghiệp.

Các hoạt động hợp tác nghiên cứu để đưa ra phương pháp mới, công nghệ mới cho DoN cũng như nhà trường chiếm tỷ lệ rất nhỏ, ở lĩnh vực công nghiệp thì 2 bên cùng nghiên cứu cải tiến dây chuyền sản xuất với giá thành rẻ hơn so với phải mời chuyên gia từ nước ngoài (Ví dụ một số DoN nhỏ và vừa không có đủ chuyên môn và công cụ để thực hiện kiểm tra, giải quyết những sự cố hiếm gặp nhưng tốn kém, hoặc chờ đợi lâu ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh). Các trường phối hợp với nông dân nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học cho nông nghiệp, cây trồng, chỉ dẫn địa lý.

Các hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) cũng được quan tâm thực hiện, cách đây hơn 01 năm (5/2024), UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/5/2025 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, theo đó tập trung tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về ĐMST và sở hữu trí tuệ (SHTT); Thúc đẩy đăng ký tài sản trí tuệ trong và ngoài nước; Nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác tài sản trí tuệ; Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội. [4]

Số liệu đăng ký được công nhận bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu của Đồng Nai, Bình Phước và các địa phương lân cận còn khiêm tốn, cụ thể trong 2 năm 2023, 2024 các giải pháp được công nhận như sau:

Tên tỉnh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
	Nhãn hiệu	Sáng chế	Kiểu dáng	Nhãn hiệu	Sáng chế	Kiểu dáng	
Bình Dương	434	11	63	756	06	55	
Bà Rịa - Vũng Tàu	113	14	27	217	06	22	
Đồng Nai	382	11	27	854	03	18	
Bình Phước	40	03	01	102	02	01	
Tp.HCM	6.206	135	295	11.942	117	389	

Nguồn Cục Sở hữu trí tuệ (<https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/danh-sach-sang-che-kieu-dang-cong-nghiep-nhan-hieu-cua-63-tinh-thanh/>)

Số liệu thống kê 2 năm nêu trên cho thấy các hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo của Đồng Nai và các tỉnh lân cận còn nhiều dư địa để tiếp tục nghiên cứu, phát triển (Vì cao nhất là Tp.HCM thì mỗi năm có chưa tới 150 bằng sáng chế, trong khi từ năm 2015 - 2024, Singapore có tổng số khoảng 40.000 bằng sáng chế, trung bình mỗi năm có 4.000 bằng sáng chế (dữ liệu từ Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới - WIPO, Văn phòng Sở hữu Trí tuệ Singapore - IPOS) [5].

Mặt khác bài học từ Singapore khi ứng dụng KHCN cũng cho thấy từ ngày 1/4/2025, các nhà cung cấp nhiên liệu của Singapore sẽ được yêu cầu sử dụng dịch vụ tiếp nhiên liệu kỹ thuật số và phát hành phiếu giao nhiên liệu điện tử (e-BDN). Điều này sẽ giúp quá trình giao dịch tại các cảng của Singapore trở

nên hiệu quả, minh bạch đồng thời giúp ngành cảng biển Singapore tiết kiệm khoảng 40.000 ngày công mỗi năm. Cơ quan Hàng hải và Cảng vụ Singapore (MPA) cho biết thêm rằng sáng kiến này là cột mốc quan trọng để tăng cường khả năng cạnh tranh và hiệu quả tiếp nhiên liệu tại Singapore. Tiếp nhiên liệu kỹ thuật số cũng sẽ hợp lý hóa hoạt động, giảm lỗi, tăng cường trách nhiệm giải trình và cải thiện tính tuân thủ, ngoài ra, sẽ giúp phát hiện gian lận dễ dàng hơn [6].

Hoạt động KHCN có ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nhân lực. Những năm qua nhà nước, nhà trường và DoN đã cố gắng, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam so với các nước trong khu vực ASEAN có cải thiện (giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam là 5,1%, cao hơn mức trung bình của ASEAN). Tuy nhiên, năng suất lao động nói chung của Việt Nam vẫn thấp, tụt hậu khá xa với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cho biết năm 2022, năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 12,2% so với mức của Singapore, 63,9% của Thái Lan hay 94,2% của Philippines. So với các nước trong khu vực, kỹ năng lao động của Việt Nam chỉ đạt 46/100 điểm (xếp thứ 103), thứ hạng này thấp hơn nhiều so với nhóm ASEAN-4. Cũng theo Mekong ASEAN, nếu tính năng suất lao động trên một giờ làm việc theo sức mua tương đương (PPP 2017) năm 2019 của Việt Nam chỉ bằng 8,99% mức năng suất của Singapore; 9,13% mức năng suất của Brunei; 23,21% của Malaysia; 40,31% của Thái Lan; 49,31% của Indonesia; 57,35% của Philippines; 99,51% của Lào [2].

Nguyên nhân chính làm cho năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam thấp là do chất lượng nguồn lao động của Việt Nam thấp, dẫn đến làm chậm phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ở chiều ngược lại khi KHCN chậm phát triển tác động đến đào tạo chất lượng nguồn lao động; mặt khác thiếu gắn kết giữa nhà trường, nhà khoa học, đội ngũ trí thức với DoN và nơi làm việc thật (chủ yếu tập trung ở phòng thí nghiệm), nặng lý thuyết và nhẹ thực hành, làm cách biệt khá xa giữa nơi nghiên cứu với nơi sử dụng sản phẩm sau nghiên cứu.

Nhu cầu đặt ra cho đội ngũ trí thức

Trước khi sáp nhập, tỉnh Đồng Nai có 11 trường cao đẳng, đại học (không tính trường của công an, quân đội, các phân hiệu của các trường khác) với lực lượng giáo viên có trình độ cao về chuyên môn kỹ thuật, khả năng ứng dụng KHCN, có mối quan hệ với các DoN trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

Sau khi sáp nhập, Đồng Nai (mới) có 12 trường cao đẳng, đại học (kể cả phân hiệu của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TpHCM là Trường Cao đẳng Bình Phước). Các lĩnh vực được quan tâm phát triển nhân lực, KHCN theo quy hoạch phát triển vùng Đông Nam bộ theo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị và từng địa phương như Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 với Đồng Nai và Quyết định 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 với Bình Phước, bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- (1) Khai thác hiệu quả Cảng hàng không quốc tế Long Thành; (2) Hoàn thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu. Trong đó, tập trung vào hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng y tế, giáo dục, an sinh xã hội. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD); (3) Xây dựng các Khu công nghiệp xanh, thực hiện chuyển đổi các Khu công nghiệp hiện hữu theo lộ trình thực hiện mục tiêu giảm phát thải cac-bon. Tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hiện đại, có giá trị gia tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu; (4) Xây dựng khu trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ thông tin tập trung, các dự án chuyển đổi số, phát triển các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho Vùng Đông Nam Bộ; (5) Triển khai các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp . . . (QĐ 586/QĐ-TTg).

Đối với tỉnh Bình Phước, trọng tâm phát triển theo QĐ 1259/QĐ-TTg và QĐ 1489/QĐ-TTg năm 2023 gồm:

- (1) Phát triển mạng lưới khu công nghiệp, phấn đấu đến năm 2030, quy mô phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đạt 18.105ha (100% các khu, cụm công nghiệp, đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; trên 70% chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định); (2) Phát triển các tuyến cao tốc kết nối tỉnh Bình Phước với các địa phương trong vùng; (3) Bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; (4) Phát triển nông nghiệp với tư duy kinh tế nông nghiệp, tiếp cận theo hướng cụm ngành, chuỗi giá trị, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp. . . nâng cao đời sống người nông dân và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu (QĐ 1259/QĐ-TTg và 1489/QĐ-TTg năm 2023).

Với quy hoạch của vùng Đông Nam bộ nói chung và 2 tỉnh trước khi sáp nhập. Đào tạo nhân lực trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đang hướng đến việc mở

rộng quy mô đào tạo với nhiều ngành, nghề mới phục vụ cho Sân bay, bến cảng, khu công nghệ cao, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp giá trị cao, bảo vệ môi trường, phát triển giao thông, xây dựng . . . Theo đó, nhu cầu nhân lực có chuyên môn, kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai là rất lớn, đến năm 2030 cả Đồng Nai và Bình Phước đặt mục tiêu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ phải đạt 40%. Riêng Đồng Nai là từ 21,9% (năm 2021, với dân số hơn 3 triệu người) lên 40% (năm 2030 với dân số khoảng 4.000.000 người) [3]. Đây là thách thức khá lớn so với năng lực hiện có của các cơ sở đào tạo vì phải tăng quy mô lên gấp 5 lần hiện nay.

Cùng với cách làm truyền thống là tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để xác định các hoạt động KHCN, trình bày kết quả nghiên cứu thì trong thời gian tới đội ngũ trí thức phải cùng với DoN đưa các giải pháp cụ thể như sau:

(1) Kiến nghị Nhà nước xây dựng phần mềm quản lý thông suốt tạo ra môi trường số để làm việc, kinh doanh, lưu thông hàng hóa trên môi trường này: Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

Phần mềm quản lý có thể tích hợp chuyên mục KHCN để tạo diễn đàn trao đổi thông tin về nhu cầu, các bài toán thực tế của người nông dân, DoN đang cần giải quyết, tìm ra cách giải quyết kịp thời.

(2) Các DoN xác định lợi ích của việc chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ là để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực.

(3) Các Trường và DoN đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho nhân viên, giảng viên thông qua các DoN đã thành công trong lĩnh vực này.

(4) Kết nối 3 nhà, thành lập Ban tư vấn KHCN với sự phối hợp 3 bên như nhà nước, nhà trường và DoN để thảo luận “bàn tròn” trên môi trường số (có thể không cần gặp mặt hàng ngày), qua đó kịp thời nắm bắt nhu cầu, xu hướng thay đổi cũng như các bài toán cụ thể mà các bên liên quan đang gặp, từ đó đưa ra hỗ trợ/khuyến nghị kịp thời.

(5) Kiến nghị các cơ chế, chính sách để giúp hỗ trợ công bố quốc tế, thực hiện huy động đội ngũ trí thức của 3 nhà, kể cả ở nước ngoài (nhà nước-nhà trường-nhà DoN) thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để nghiên cứu trọng điểm theo định hướng phát triển của tỉnh Đồng Nai mới và QĐ số 1262/QĐ-

UBND ngày 04/5/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai về Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

(6) Các DoN đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, Internet, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là bảo mật, an toàn dữ liệu cho các trường học, bệnh viện, DoN khác thuê theo chủ trương của NQ 57-NQ/TW.

Các giải pháp nêu trên không những phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo làm tăng năng suất lao động, mà còn giúp cho người dân được tiếp cận kỹ thuật mọi lúc, mọi nơi; giúp cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong môi trường số, người dân được hưởng lợi vì hạn chế việc di chuyển từ Bình Phước đến Đồng Nai và ngược lại.

Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp đề xuất nêu trên, rất cần có 01 cơ quan chủ trì, phối hợp các bên liên quan cùng thiết kế các hoạt động KHCN phù hợp, thiết thực, kịp thời như xác định chủ đề/vấn đề thực tế DoN đang cần, tổ chức hội thảo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, xúc tiến thương mại, liên doanh, liên kết . . . trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị, Nghị quyết 57-NQ/TW (2024), Về đột phá phát triển Khoa học, công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số quốc gia.
2. Mekong ASEAN (08/02/2023), <https://mekongasean.vn/viet-nam-thu-hep-khoang-cach-nang-suat-lao-dong-voi-mot-so-nuoc-asean-post17448.html>
3. UBND tỉnh Đồng Nai (2023), Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
4. UBND tỉnh Đồng Nai (2024), Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/5/2025.
5. <https://vietnamnet.vn/dai-hoc-phai-la-cai-noi-cua-bang-sang-che-doi-moi-sang-cao-2375218.html>.

<https://vneconomy.vn/cang-dau-tien-tren-the-gioi-tiep-nhien-lieu-bang-ky-thuat-so-tu-1-4-2025.htm>.

Tinh gọn tổ chức - Không tinh giản trí tuệ

ThS. Nguyễn Văn Liệt

Phó Chủ tịch Phụ trách Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Đồng Nai

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, quý đại biểu trí thức!

Tinh gọn tổ chức bộ máy là một yêu cầu tất yếu trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính, hướng tới xây dựng một bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, trong tiến trình ấy, nếu không nhận thức đầy đủ và hành động đúng đắn, chúng ta có thể đối mặt với nguy cơ mất đi những nguồn lực quý giá nhất - đó chính là trí tuệ của đội ngũ cán bộ, công chức, trí thức đang ngày đêm âm thầm cống hiến.

Với tinh thần trách nhiệm, tôi xin chia sẻ một số quan điểm tại Hội thảo hôm nay với chủ đề: “Tinh gọn tổ chức - Không tinh giản trí tuệ.”

I. Tinh gọn bộ máy - Xu hướng tất yếu của quản trị hiện đại

Tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là bước đi đúng đắn và cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm tầng nấc trung gian và nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý là nhiệm vụ quan trọng, góp phần tạo ra một hệ thống hành chính linh hoạt, tinh giản và phục vụ hiệu quả hơn cho người dân, doanh nghiệp.

Đặc biệt, trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ, tinh gọn bộ máy không chỉ là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc để đáp ứng đòi hỏi về tốc độ, hiệu quả và tính minh bạch trong quản lý nhà nước. Bộ máy hành chính không được phép cồng kềnh, chồng chéo; tinh gọn không chỉ là nội hàm kỹ thuật tổ chức, mà là một bước đi mang tính thể chế, phản ánh năng lực quản trị quốc gia.

Việc Quốc hội thông qua đề án sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước thành tỉnh Đồng Nai mới là một bước ngoặt lớn, không chỉ mang ý nghĩa cơ cấu lại địa giới hành chính, mà còn mở ra cơ hội để xây dựng mô hình quản trị hiện đại, tối ưu hóa nguồn lực, loại bỏ sự chồng chéo chức năng và nâng cao hiệu suất phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tinh gọn tổ chức giúp giảm gánh nặng ngân sách, giảm tầng nấc trung gian, đẩy nhanh tiến độ ra quyết định và tăng khả năng thích ứng trước biến động toàn cầu. Đây là những yếu tố then chốt trong nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra điều đó. Tại Singapore, chính phủ chỉ duy trì 16 bộ, nhưng với cơ chế vận hành hiện đại và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, họ vẫn bảo đảm hiệu quả điều hành cao. Tại Vương quốc Anh, từ thập niên 1980, mô hình "quản lý công mới" đã được áp dụng, chuyển một số dịch vụ

công sang khu vực tư nhân, tinh gọn bộ máy hành chính nhưng tăng đáng kể hiệu suất làm việc.

Các quốc gia phát triển đều lựa chọn song hành giữa tinh giản đầu mối tổ chức với nâng cấp năng lực công chức, cùng với việc chuyển đổi số mạnh mẽ để bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Đó là xu hướng không thể đảo ngược.

II. Tinh gọn tổ chức - Nhưng không đồng nghĩa với tinh giản trí tuệ

Tinh gọn không có nghĩa là cắt giảm máy móc. Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ rõ: “Tinh giản không phải là cắt giảm cơ học, mà là loại bỏ những vị trí không cần thiết, giảm những công việc không hiệu quả.”⁽¹⁾

Nói cách khác, tinh gọn bộ máy phải được thực hiện có chọn lọc, khoa học, nhân văn. Đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là trí thức - những người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu, tư duy phản biện và năng lực cải tiến cần được giữ lại, phát huy và bố trí phù hợp. Đây chính là lực lượng nòng cốt trong việc hoạch định chính sách, phản biện xã hội, và dẫn dắt đổi mới sáng tạo trong quản trị công.

Nếu tinh giản theo kiểu “bình quân” hoặc “đồng loạt”, chúng ta sẽ đối mặt với nguy cơ lãng phí chất xám, mất động lực sáng tạo, và tạo ra khoảng trống trong việc hoạch định chính sách phát triển bền vững. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và phản biện chính sách, mà còn làm suy yếu khả năng phản ứng linh hoạt của bộ máy trước các vấn đề phức tạp, đa chiều trong xã hội hiện đại.

Thực tế tại nhiều quốc gia cho thấy, quá trình tinh giản thành công đều gắn với việc phát triển hệ thống đánh giá năng lực minh bạch, chú trọng trọng dụng người tài, đồng thời khuyến khích đào tạo lại, luân chuyển và sử dụng linh hoạt nguồn nhân lực chất lượng cao. Tinh gọn chỉ có ý nghĩa khi nó đi đôi với tái cấu trúc trí tuệ, giữ vững tính kế thừa và sáng tạo của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị và hành chính công. Không những thế, điều này còn ảnh hưởng đến tính kế thừa và sự ổn định trong bộ máy công quyền, khiến một số lĩnh vực thiếu người có khả năng dẫn dắt cải cách hoặc triển khai chính sách quan trọng.

Thực tiễn cho thấy, trong các cuộc cải cách tổ chức tại một số quốc gia, việc không chú trọng đánh giá chính xác năng lực cán bộ trước khi tinh giản đã dẫn đến hiện tượng “tinh giản nhầm người tốt, giữ lại người an toàn”, gây trì trệ và làm mất niềm tin nội bộ. Do đó, cần áp dụng hệ thống đánh giá minh bạch, định lượng và có tham vấn chuyên môn để quá trình sàng lọc thực sự công bằng và hướng đến hiệu quả lâu dài.

Tinh gọn tổ chức, về bản chất, là để nâng cao chất lượng hoạt động và chất lượng ấy chỉ được đảm bảo khi trí tuệ, phẩm chất, kinh nghiệm của người làm công vụ được trọng dụng đúng cách, đúng nơi, đúng lúc.

III. Hợp nhất tỉnh - Cơ hội để tái thiết lập hệ giá trị phát triển mới

Sáp nhập hai tỉnh không đơn thuần là việc gộp hai đơn vị hành chính thành một. Đây là một tiến trình xã hội rộng lớn, liên quan trực tiếp đến cơ cấu tổ chức, mô hình vận hành, tư duy lãnh đạo và bản sắc văn hóa - chính trị - xã hội. Việc hợp nhất Đồng Nai và Bình Phước thành một tỉnh mới là cơ hội quý báu để tái cấu trúc toàn diện hệ thống tư duy phát triển, định hình lại hướng đi chiến lược, và đặc biệt là xây dựng một bản sắc Đồng Nai mới năng động, sáng tạo, hội nhập và nhân văn.

Trong quá trình đó, đội ngũ trí thức không chỉ giữ vai trò hiến kế, phản biện, tư vấn chính sách, mà còn là lực lượng góp phần định hướng giá trị cốt lõi cho xã hội:

Đồng Nai mới sẽ theo đuổi những giá trị trung tâm nào? Chúng ta muốn xây dựng một mô hình tỉnh kiểu mẫu dựa trên những nguyên tắc phát triển ra sao?

Câu trả lời cho những câu hỏi trên chính là khởi đầu của việc hình thành hệ giá trị nền tảng. Những giá trị như: khai phóng tư duy, lòng bao dung, tinh thần trách nhiệm, năng lực đổi mới sáng tạo, khả năng hợp tác và phát triển bền vững... cần được khơi mở, định hình và lan tỏa một cách có chủ đích. Và chính đội ngũ trí thức - với khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy chiến lược và kinh nghiệm thực tiễn, là chất xúc tác quan trọng nhất để những giá trị đó thấm thấu dần vào tư duy của cán bộ, vào sinh hoạt cộng đồng, vào văn hóa tổ chức và trong từng chính sách điều hành.

Việc tái thiết lập hệ giá trị phát triển không thể đến từ mệnh lệnh hành chính hay khẩu hiệu đơn thuần. Nó cần được vun đắp qua đối thoại, thực nghiệm, phản biện chính sách, giáo dục cộng đồng và cả cách tổ chức lại đời sống hành chính -kinh tế - xã hội.

Một Đồng Nai mới sẽ không thể mạnh nếu chỉ dừng lại ở việc lớn hơn về địa giới và dân số. Đồng Nai mới phải trở thành một mô hình phát triển kiểu mới với hệ giá trị phát triển rõ ràng, hành chính tinh gọn, vận hành hiệu quả và đặt con người, đặc biệt là trí tuệ con người ở vị trí trung tâm.

IV. Một số giải pháp kiến nghị

Tinh giản có chọn lọc, tránh đồng loạt: Xây dựng tiêu chí đánh giá khoa học, giữ lại người thực tài.

Đào tạo lại và tái bố trí nhân sự: Cập nhật kỹ năng mới như công nghệ số, dữ liệu lớn, ngoại ngữ... để thích ứng với vị trí mới.

Chuyển đổi số toàn diện: Số hoá quy trình, tích hợp dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ ra quyết định nhanh, chính xác.

Trọng dụng nhân tài, xây dựng cơ chế khuyến khích: Đãi ngộ xứng đáng, thăng tiến công bằng, môi trường minh bạch.

Mở rộng không gian linh hoạt trong làm việc: Cho phép làm việc từ xa, làm bán thời gian cho chuyên gia có trình độ cao nhưng giới hạn thời gian.

Giao quyền nhiều hơn cho cơ sở: Tăng tính tự chủ trong điều hành của cấp huyện, xã; rút ngắn cấp phê duyệt, giảm thời gian xử lý hành chính.V. Kết luận: Tinh gọn thực chất là làm mới lại tư duy quản trị

Thưa quý vị,

Tinh gọn tổ chức là phương tiện, chứ không phải đích đến. Cái đích cuối cùng là xây dựng một nền hành chính công hiện đại, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách tốt nhất. Nhưng nếu quá trình ấy đánh đổi bằng việc mất đi những người giỏi, làm thui chột tư duy đổi mới, thì đó là một thất bại.

Tinh gọn tổ chức nhưng không tinh giản trí tuệ - cần trở thành một nguyên tắc xuyên suốt trong tiến trình cải cách bộ máy hành chính ở mọi cấp. Đó là con đường đúng đắn để chúng ta kiến tạo một Đồng Nai mới: **“Vững mạnh về tổ chức nhưng sâu sắc về tư tưởng, linh hoạt về hành động và kiên định về giá trị phát triển”**.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị!

Tài liệu tham khảo:

⁽¹⁾ Xem thêm đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm: “*Phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm cao nhất để hoàn thành sớm việc tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; góp phần tăng tốc, bứt phá vượt các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2024, 2025 và cả nhiệm kỳ Đại hội XIII; chuẩn bị thật tốt đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng*”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1051 (12-2024), tr. 7

Giải pháp phát huy hiệu quả vai trò của đội ngũ trí thức trong phát triển tỉnh Đồng Nai (mới)

ThS. Nguyễn Ngọc Vũ

Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Đồng Nai

I. Mở đầu

Việc Quốc hội thông qua Nghị quyết thành lập tỉnh Đồng Nai mới trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước là một dấu mốc quan trọng trong cuộc cải cách thể chế, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia.

Tỉnh mới sau sáp nhập hội tụ nhiều tiềm năng, thế mạnh. Trong đó, đội ngũ trí thức của tỉnh là một trong những nguồn lực quan trọng. Nhưng làm thế nào để phát huy được vai trò, tiềm năng và trí tuệ của đội ngũ trí thức nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh là vấn đề luôn nhận được nhiều sự quan tâm. Nếu không sớm nhận diện và có cơ chế phù hợp để sử dụng trí thức một cách chiến lược, tỉnh sẽ đứng trước nguy cơ lãng phí nguồn lực chất xám.

II. Nhận diện đúng về trí thức để trọng dụng đúng người

Ai là Trí thức? Trong cách hiểu phổ biến hiện nay, trí thức thường được xác định là những người có trình độ cao đẳng trở lên, đang hoạt động trong các lĩnh vực như khoa học, giáo dục, công nghệ, y tế, văn hóa, báo chí, nghệ thuật, quản lý, ...

Tuy nhiên, học vị hay chức danh chỉ là một phần biểu hiện bề ngoài. Trí thức, xét ở nghĩa sâu hơn là những người có tư duy độc lập, năng lực sáng tạo, khả năng phản biện và tinh thần dấn thân, góp phần tạo ra các giá trị trí thức phục vụ cộng đồng và phát triển xã hội. Họ không chỉ làm việc trong các viện nghiên cứu, trường đại học, mà có thể là doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia tư vấn chính sách, nghệ nhân giữ tri thức bản địa, hoặc người Việt ở nước ngoài, cán bộ đã nghỉ hưu có nhiều cống hiến... Nhận diện đúng và toàn diện về trí thức sẽ giúp địa phương xây dựng chính sách sử dụng người tài một cách linh hoạt, hiệu quả và không bị ràng buộc cứng nhắc bởi các tiêu chí hành chính thuần túy.

Trí thức cần gì? Đã là trí thức thì ai cũng mong muốn được ghi nhận đúng, được tạo không gian sáng tạo, được lắng nghe và được mời gọi đóng góp một cách thực chất. Do đó, việc trọng dụng trí thức đòi hỏi trước tiên phải nhận diện đúng. Không bó hẹp trong khung hành chính hay chỉ số bằng cấp. Kế đến phải tạo cơ chế mở, cho phép họ đóng góp bằng chuyên môn, sáng kiến, tư duy phản biện. Và, cuối cùng là trao quyền và tạo động lực cho trí thức. Không nên

chỉ ghi nhận hình thức, mà căn cơ chế đặt hàng, công nhận giá trị đầu ra, và vinh danh kịp thời.

Nếu thiếu sự thấu hiểu đúng bản chất này, rất dễ rơi vào tư duy sử dụng trí thức theo kiểu hình thức, dẫn đến lãng phí nguồn lực quan trọng này.

III. Nhóm giải pháp chiến lược

1. Cơ chế nhận diện, kết nối và sử dụng trí thức

Giao cho Liên hiệp Hội chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu trí thức tỉnh Đồng Nai (mới), phân loại rõ lĩnh vực ngành nghề, kinh nghiệm, thành tựu, trí thức trẻ, trí thức kiều bào...

Tổ chức định kỳ Diễn đàn trí thức, tạo không gian hiến kế trước các quyết sách lớn như điều chỉnh quy hoạch, đầu tư công, chuyển đổi số, phát triển nông thôn - đô thị - văn hóa.

Có cơ chế đặt hàng nghiên cứu, phản biện chính sách bằng ngân sách công, gắn trách nhiệm sử dụng kết quả.

2. Nâng cao vai trò của Hội trí thức (Liên hiệp Hội)

Định vị Liên hiệp Hội là tổ chức có khả năng tập hợp, đoàn kết trí thức, kết nối chuyên gia, phản biện chính sách. Từ đó, giao thẩm quyền để Liên hiệp hội phối hợp với HĐND, UBND, UBMTTQ, các ban, sở ngành trong việc tập hợp trí thức, tư vấn - phản biện, tổ chức các hoạt động sáng tạo.

Thành lập Câu lạc bộ Trí thức Đồng Nai (mới) hoạt động theo nhóm chuyên đề, có không gian trao đổi học thuật và hội nhập quốc tế.

3. Chính sách động viên, tôn vinh, tài trợ

Ban hành Quy chế tôn vinh trí thức tiêu biểu gắn với giải thưởng khoa học cấp tỉnh.

Tổ chức Lễ tuyên dương thạc sĩ, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc và vinh danh trí thức trẻ, trí thức tiêu biểu hàng năm nhằm truyền cảm hứng học tập, cống hiến.

Thành lập Quỹ Phát triển Trí thức Đồng Nai (mới), tài trợ các đề tài ứng dụng thực tiễn trong các lĩnh vực...

4. Gắn kết với chiến lược quốc gia về KH&CN và chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) và các chiến lược quốc gia về khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Xác lập cơ chế phối hợp giữa Liên hiệp các Hội KH&KT với Sở KH&CN trong việc tham mưu, tổ chức các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ. Liên hiệp hội là nơi quy tụ trí thức, Sở KH&CN là cơ quan quản lý nhà nước; sự gắn kết này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để dẫn dắt các chương trình KH&CN và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Xây dựng tỉnh Đồng Nai (mới) thành trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Nam Bộ, với các cấu phần:

- + Trung tâm nghiên cứu - ứng dụng KH&CN
- + Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- + Hệ sinh thái dữ liệu mở - công nghệ - AI
- + Chính quyền số - kinh tế số - xã hội số.

IV. Kết luận

Trong suốt tiến trình lịch sử, trí thức luôn được coi là “nguyên khí quốc gia”. Một bộ máy hành chính dù được tinh gọn tốt đến đâu, nếu thiếu vắng cơ chế phát huy chất xám, sẽ khó tạo ra đột phá.

Ngược lại, nếu biết trân trọng, tập hợp, sử dụng đội ngũ trí thức một cách đúng đắn và bền vững, tỉnh Đồng Nai (mới) sẽ có thêm động lực phát triển toàn diện.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật cần được xác lập vai trò là nơi quy tụ và lan tỏa trí tuệ khoa học, đồng hành cùng tỉnh trong từng bước kiến tạo tương lai - nơi mà trí tuệ, thay vì chỉ là nguồn lực, sẽ trở thành nền tảng định hướng phát triển bền vững và hài hòa.

Kế thừa và phát huy nguồn lực trí thức sau sáp nhập hai tỉnh

ThS. Lại Doãn Anh Tuấn

Trường Đại học Hùng Vương, TP. HCM

Tóm tắt

Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức trong việc kế thừa và phát huy nguồn lực trí thức sau quá trình sáp nhập hai tỉnh Bình Phước và Đồng Nai thành một tỉnh mới.

Trong bối cảnh tái cơ cấu bộ máy hành chính, đội ngũ trí thức - bao gồm cán bộ khoa học, chuyên gia, nhà nghiên cứu đang đứng trước những biến động về vị trí công tác, vai trò xã hội và cơ hội đóng góp chuyên môn. Tuy nhiên, tiến trình sáp nhập cũng tạo điều kiện tái định hình không gian hợp tác liên vùng, nâng cao năng lực tư vấn, phản biện chính sách và tham gia vào các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Bài viết đề xuất một số giải pháp, từ việc xây dựng cơ chế chuyển tiếp minh bạch, đầu tư hạ tầng kết nối, đến thúc đẩy các sáng kiến khoa học - công nghệ mang tính liên kết vùng. Qua đó, góp phần định hình mô hình phát triển địa phương bền vững dựa trên nền tảng tri thức và sự đồng hành của giới trí thức.

Từ khóa: Đổi mới sáng tạo, Quản trị, Sáp nhập hành chính, Tái cấu trúc nhân sự, Trí thức.

1. Đặt vấn đề

Sáp nhập là quá trình hợp nhất hai hoặc nhiều đơn vị hành chính cấp tỉnh nhằm tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (Khoản 2, Điều 8). Nghị quyết 202/2025/QH15 của Quốc hội quy định hiệu lực thi hành từ ngày 12/06/2025, kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 28 tỉnh và 6 thành phố; trong đó có 19 tỉnh và 4 thành phố hình thành sau sắp xếp quy định tại nghị quyết này. Đồng thời, Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/04/2025 đã quyết định hợp nhất tỉnh Bình Phước và Đồng Nai thành tỉnh mới mang tên Đồng Nai, trung tâm hành chính đặt tại Biên Hòa.

Trong bối cảnh các địa phương bước vào giai đoạn chuyển tiếp chính sách và tổ chức, vấn đề kế thừa và phát huy nguồn lực đội ngũ trí thức trở thành yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng tư duy quản trị, tư vấn chính sách và tính liên tục trong hoạt động nghiên cứu. Theo Nghị quyết 167-KL/TW của Bộ Chính trị (14/06/2025), cơ quan nhà nước và địa phương phải “khẩn trương hoàn thiện phân công cán bộ” để các đơn vị sáp nhập có thể đi vào hoạt động ổn định từ ngày 01/07/2025. Tuy nhiên, trong quá trình sắp xếp lại bộ máy, không ít trí thức địa phương đang rơi vào trạng thái hoang mang và thiếu định hướng,

khi chưa rõ vị trí, vai trò hay cơ hội đóng góp của mình trong thời gian tới sau sáp nhập. Sự thiếu vắng thông tin, cơ chế chuyển tiếp cụ thể càng khiến họ cảm thấy bị đứng ngoài lề của tiến trình chuyển đổi.

Theo dự thảo phương án sắp xếp cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, dự kiến sau sáp nhập số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới còn 14 cơ quan, giảm 13 cơ quan, đạt 48,1% (số lượng phòng chuyên môn thuộc sở từ 173 phòng, chi cục giảm còn 88 phòng, chi cục, tỷ lệ giảm 49,1%; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở giảm từ 167 đơn vị còn 140 đơn vị, tỷ lệ giảm 16,2%). Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Đồng Nai mới dự kiến còn 10 đơn vị, giảm 6 đơn vị, đạt 35,3%. Quỹ tài chính của UBND tỉnh Đồng Nai mới còn 8 tổ chức. Tổ chức hội của UBND tỉnh Đồng Nai mới còn 15 tổ chức do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Doanh nghiệp nhà nước tỉnh Đồng Nai mới còn 7, giảm 1 doanh nghiệp. Nếu không chắc chắn về lộ trình chuyển tiếp hoặc không có cơ chế xét duyệt năng lực một cách rõ ràng, các chuyên gia, nhà khoa học có thể bị rơi vào trạng thái “chờ đợi” hoặc không được triển khai chuyên môn, ảnh hưởng trực tiếp đến tính liên tục và chiến lược dài hạn.

Mỗi địa phương có đội ngũ trí thức riêng với chuyên môn đa lĩnh vực và bề dày nghiên cứu nên cần được kế thừa, không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng, trách nhiệm và vị thế trong việc kiến tạo chính sách sau sáp nhập. Đây không chỉ là chuyện nhân sự, mà còn là câu chuyện về chiến lược phát triển vùng có ý nghĩa quốc gia, giúp đảm bảo tỉnh mới không chỉ gọn gàng về cơ chế, mà vững chắc về nền tảng tri thức và đổi mới sáng tạo.

2. Cơ hội phát huy nguồn lực trí thức

Quá trình sáp nhập hai tỉnh như Đồng Nai - Bình Phước mở ra nhiều cơ hội quan trọng để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Trước hết, việc hợp nhất hành chính tạo ra không gian hợp tác rộng mở hơn giữa các chuyên gia, giúp kết nối và chia sẻ tri thức theo chiều sâu. Sáp nhập sẽ giúp “tăng cường kết nối liên vùng, khai thác lợi thế so sánh bộ máy quản lý hiệu quả”, từ đó đội ngũ trí thức có thể tham gia nhiều hơn vào các dự án phát triển vùng. Trong giai đoạn sáp nhập, các cải cách thể chế liên quan đến đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng đang được đẩy mạnh nhằm tạo đột phá cho phát triển vùng. Việc ban hành Nghị định số 97/2025/NĐ-CP đã đưa ra loạt chính sách ưu đãi và cơ chế hỗ trợ đặc thù dành cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC), qua đó không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu phát triển, mà còn mở rộng không gian hợp tác giữa trí thức, doanh nghiệp và nhà nước. Những chính sách này được kỳ vọng sẽ hình thành môi trường thuận lợi để cộng đồng trí thức địa phương tham gia sâu hơn vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương sau sáp nhập.

Theo Nghị quyết 2025/QH15, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km², quy mô dân số là 4.491.408 người. Đây cũng là dịp để tái cấu trúc cơ chế phân bổ nguồn lực, tạo điều kiện cho trí thức trẻ xuất hiện trong các vị trí lãnh đạo mới và hội đồng tư vấn khoa học ở cấp tỉnh. Từ đó hình thành “thế hệ trí thức chủ động”, góp phần tạo ra môi trường chính sách minh bạch, sáng tạo và dựa trên cơ sở trí thức.

3. Những thách thức

Đi cùng với những tiềm năng thì cũng kéo theo những thách thức đáng kể trong việc giữ gìn và phát huy nguồn lực trí thức địa phương sau sáp nhập:

Thứ nhất: Tái cấu trúc bộ máy và biến động nguồn nhân lực. Theo báo cáo của Chính phủ, hiện ước tính có khoảng 447.600 cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện sắp xếp. Việc bố trí lại nhân sự, xử lý dôi dư, sắp xếp trụ sở hành chính (khoảng 4.200 trụ sở không còn sử dụng). Nếu không có quy trình chuyển tiếp rõ ràng, minh bạch và công bằng, đội ngũ trí thức gồm cán bộ khoa học, chuyên gia, nhà nghiên cứu v.v sẽ phải đối mặt với tâm lý hoang mang, mất phương hướng, nhất là khi vị trí công tác bị điều chuyển hoặc không còn phù hợp, khiến họ dễ rơi vào trạng thái thụ động, ảnh hưởng tới công việc và phát triển sự nghiệp cá nhân.

Thứ hai: Quy mô địa bàn rộng, gia tăng khoảng cách quản trị và kết nối tri thức. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh tất yếu dẫn đến việc mở rộng quy mô địa lý và phạm vi quản trị. Khoảng cách giữa trung tâm hành chính mới và các khu vực vùng sâu, vùng xa không chỉ là vấn đề địa lý, mà còn thiếu sự tương tác hiệu quả giữa các cấp quản lý với đội ngũ trí thức cơ sở.

Thứ ba: Gián đoạn nghiên cứu và hợp tác khoa học. Quá trình chuyển giao sau sáp nhập dễ khiến các dự án khoa học - công nghệ bị ngưng trệ do thiếu nhân sự phụ trách hoặc gián đoạn nguồn tài trợ khi cơ chế mới chưa rõ ràng. Hệ quả là năng lực sáng tạo bị suy giảm, chuỗi giá trị nghiên cứu ứng dụng bị rút ngắn và mất kết nối liên vùng.

Thứ tư: Thiếu định hướng và hỗ trợ chuyển tiếp. Sáp nhập đòi hỏi lộ trình rõ ràng về bổ nhiệm, đào tạo và hỗ trợ phát triển đội ngũ trí thức. Nếu thiếu chuẩn bị trong giai đoạn chuyển tiếp, đặc biệt với trí thức trẻ, sẽ dễ dẫn đến mất phương hướng, hạn chế cơ hội hòa nhập và phát huy năng lực trong hệ thống mới.

4. Đề xuất giải pháp

Thứ nhất, thiết lập cơ chế chuyển tiếp nhân sự công khai và linh hoạt. Để giảm thiểu tâm lý hoang mang và xáo trộn trong đội ngũ trí thức, cần xây dựng quy trình chuyển tiếp rõ ràng, minh bạch và dựa trên đánh giá năng lực. Các địa

phương nên ban hành kế hoạch tái cơ cấu có tham vấn chuyên gia và đại diện giới trí thức. Đồng thời thiết lập các "bản đồ nguồn nhân lực khoa học" nhằm định hướng bố trí lại đúng người - đúng việc, đảm bảo duy trì động lực công hiến.

Thứ hai, xây dựng nền tảng kết nối liên vùng và hỗ trợ từ xa. Trước thách thức địa bàn mở rộng, các địa phương cần phát triển hạ tầng số phục vụ kết nối học thuật và hành chính. Việc thiết lập các nền tảng dữ liệu dung chung, hệ thống thông tin điều phối nhân lực trí thức và tổ chức các nhóm làm việc trực tuyến liên vùng sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách, nâng cao khả năng tương tác giữa trí thức cơ sở với trung tâm hành chính mới.

Thứ ba, duy trì và chuyển giao bền vững các dự án khoa học hiện hành. Cần có cơ chế "bảo lãnh chuyển tiếp" cho các dự án nghiên cứu sáng tạo đang triển khai tại hai địa phương trước khi sáp nhập. Thiết lập các ban điều phối liên ngành để rà soát, đánh giá, và duy trì tiến độ các sáng kiến khoa học. Ngoài ra, nên có chính sách khuyến khích hợp tác liên tỉnh nhằm bảo vệ và mở rộng chuỗi giá trị ứng dụng tri thức.

Thứ tư, xây dựng chương trình định hướng và bồi dưỡng năng lực trí thức trong giai đoạn chuyển tiếp. Cần tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo và diễn đàn chuyên đề nhằm hỗ trợ trí thức, đặc biệt là thế hệ trẻ nhanh chóng hòa nhập với thể chế quản trị mới. Việc thành lập bộ phận tư vấn chuyển tiếp hoặc trung tâm hỗ trợ trí thức sau sáp nhập sẽ là điểm tựa quan trọng để duy trì động lực, niềm tin và định hướng phát triển dài hạn.

6. Kết luận

Sáp nhập địa phương là bước đi quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển vùng, nhưng cũng đặt ra thách thức không nhỏ trong việc sử dụng và phát huy nguồn lực trí thức - một tài sản mềm nhưng có ý nghĩa chiến lược. Việc kế thừa và phát triển đội ngũ trí thức không thể để mặc cho sự tự điều tiết mà cần được thiết kế một cách chủ động, bài bản và có tầm nhìn dài hạn. Nếu có thể kết nối và khai thác đúng cách, nguồn lực trí thức không chỉ đóng vai trò cố vấn mà còn trở thành đối tác chiến lược trong phát triển kinh tế, văn hóa, công nghệ và quản trị tại tỉnh mới hình thành. Đây là cơ hội để thiết lập một mô hình phát triển địa phương dựa trên tri thức - minh bạch, bền vững và thích ứng.

Tài liệu tham khảo:

Dự thảo phương án sắp xếp cơ quan tại Đồng Nai.

<https://binhphuoc.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien-421/thuong-truc-tinh-uy-binh-phuoc-va-dong-nai-thong-nhat-noi-dung-ve-to-chuc-sap-xep-bo-may-khi-sap-nhap-41988.html>

Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-To-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-2025-so-65-2025-QH15-639241.aspx>

Nghị định số 97/2025/NĐ-CP. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-dinh-97-2025-ND-CP-co-che-chinh-sach-uu-dai-Trung-tam-Doi-moi-sang-tao-Quoc-gia-655454.aspx>

Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-1211-2016-UBTVQH13-tieu-chuan-don-vi-hanh-chinh-phan-loai-don-vi-hanh-chinh-317085.aspx>

Nghị quyết 167-KL/TW. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Ket-luan-167-KL-TW-2025-chu-truong-thuc-hien-sap-xep-to-chuc-bo-may-don-vi-hanh-chinh-660732.aspx>

Nghị quyết 60-NQ/TW. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-60-NQ-TW-2025-Hoi-nghi-lan-thu-11-Ban-chap-hanh-Trung-uong-Dang-khoa-XIII-651377.aspx>

Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội: Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. <https://chinhphu.vn/pageid=27160&docid=213930>

Niềm tin và kỳ vọng của trí thức khi sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước: Từ chuyển mình địa phương đến vươn tầm quốc gia

PGS. TS. Mai Xuân Quyết

Hội khoa học Tâm lý - Giáo dục tỉnh Đồng Nai

1. Mở đầu

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đang được tiến hành ở nước ta hiện nay thực sự là một cuộc cách mạng trong toàn hệ thống chính trị. Trong bối cảnh đó, việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước là sự kiện mang tính bước ngoặt, thu hút sự quan tâm sâu sắc của các nhà hoạch định chính sách, giới chuyên gia và đặc biệt là đội ngũ trí thức ở địa phương.

Đội ngũ trí thức, với vai trò là lực lượng tiên phong trong nhận thức, nghiên cứu, phản biện và kiến tạo, không chỉ là những người quan sát mà còn là chủ thể mang trong mình những niềm tin và kỳ vọng lớn lao về một tương lai phát triển mạnh mẽ hơn cho khu vực và sự đóng góp vào sự cường thịnh chung của quốc gia. Họ là những người có năng lực phân tích sâu sắc, tầm nhìn chiến lược và khả năng đề xuất các giải pháp dựa trên cơ sở khoa học, thực tiễn. Do đó, việc lắng nghe, thấu hiểu và phát huy vai trò của trí thức trong tiến trình sáp nhập là yếu tố then chốt để đảm bảo sự thành công và bền vững của quyết sách này. Bài tham luận khoa học này nhằm mục đích phân tích một cách hệ thống và toàn diện những niềm tin và kỳ vọng đa dạng của đội ngũ trí thức trước tiến trình sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước

Việc sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước diễn ra trong bối cảnh khu vực Đông Nam Bộ đang ngày càng khẳng định vai trò là một động lực tăng trưởng kinh tế chủ chốt của Việt Nam. Khu vực này đóng góp tỷ trọng lớn vào GDP cả nước, là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, đô thị lớn và đầu mối giao thông quan trọng. Tuy nhiên, sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, những hạn chế về quy mô hành chính, sự trùng lặp về chức năng và nguồn lực, cũng như những thách thức về kết nối hạ tầng và phát triển bền vững đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tái cấu trúc và tối ưu hóa mô hình phát triển của khu vực, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là mục tiêu đến năm 2045: “Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực Châu Á” ⁽¹⁾.

Đồng Nai, với diện tích khoảng 5.864 km² và dân số 3.341.716 người tính đến ngày 01/4/2024 ⁽²⁾, là một trong những tỉnh có nền công nghiệp phát triển năng động hàng đầu cả nước. Tỉnh sở hữu nhiều khu công nghiệp lớn, hệ thống

hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ (quốc lộ, đường cao tốc, cảng biển, sân bay quốc tế Long Thành đang xây dựng) và nguồn nhân lực dồi dào. Kinh tế Đồng Nai chủ yếu dựa vào công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao.

Bình Phước, với diện tích khoảng 6.874 km² và dân số 1.060.448 người tính đến ngày 01/4/2024 ⁽³⁾, là tỉnh có lợi thế lớn về nông nghiệp (cây công nghiệp như điều, cao su, tiêu), lâm nghiệp, du lịch sinh thái và quỹ đất phát triển còn rộng lớn. Tỉnh nằm ở cửa ngõ giao thương với Campuchia, có tiềm năng phát triển logistics. Tuy nhiên, Bình Phước vẫn còn những hạn chế về hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao và quy mô kinh tế so với các tỉnh lân cận trong vùng.

Sau khi sáp nhập thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mới có diện tích tự nhiên 12.737,2 km² và quy mô dân số 4.427.700 người ⁽⁴⁾.

2.2. Tiềm năng đa chiều của việc sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước

Việc sáp nhập Đồng Nai và Bình Phước hứa hẹn mang lại những tiềm năng to lớn trên nhiều lĩnh vực, tạo tiền đề cho một sự chuyển mình mạnh mẽ từ cấp độ địa phương đến vươn tầm quốc gia.

Thứ nhất, tăng cường sức cạnh tranh và đa dạng hóa kinh tế.

Sự hợp nhất hai nền kinh tế có thể tạo ra một vùng kinh tế có quy mô lớn hơn, đa dạng hơn về cơ cấu ngành nghề và có khả năng chống chịu tốt hơn trước các biến động kinh tế. Nổi bật là Công nghiệp và Nông nghiệp bổ trợ lẫn nhau. Đồng Nai là trung tâm công nghiệp lớn với các ngành chế biến, chế tạo, công nghệ cao. Bình Phước mạnh về nông nghiệp với các cây công nghiệp chủ lực như điều, cao su, hồ tiêu. Việc sáp nhập sẽ tạo điều kiện cho chuỗi giá trị nông nghiệp được khép kín và nâng cao. Nông sản Bình Phước có thể được chế biến sâu tại Đồng Nai, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Ngược lại, công nghệ và kinh nghiệm quản lý công nghiệp của Đồng Nai có thể được chuyển giao cho Bình Phước để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực mà còn tạo ra một nền kinh tế cân bằng, ít phụ thuộc vào một ngành duy nhất.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tối ưu hóa nguồn lực.

Việc hợp nhất bộ máy hành chính có thể mang lại những lợi ích đáng kể trong việc nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực, hướng tới một nền hành chính tinh gọn, hiện đại và phục vụ. Việc hợp nhất các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ giúp loại bỏ sự trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, giảm thiểu bộ máy cồng kềnh và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị. Điều này cũng giúp giảm bớt các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng.

Việc sáp nhập tạo ra cơ hội để quy hoạch và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng một cách toàn diện và đồng bộ trên cả hai vùng lãnh thổ, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ (cao tốc, quốc lộ, đường vành đai), đường sắt (kết nối các khu công nghiệp, cảng biển), đường thủy (khai thác tiềm năng sông Đồng Nai, sông Bé) và đặc biệt là hoàn thiện sân bay quốc tế Long Thành sẽ tạo thành một mạng lưới giao thông đa phương thức, hiện đại, kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm, các trung tâm đô thị và các cửa khẩu quốc tế. Điều này sẽ thúc đẩy giao thương, đi lại, giảm chi phí vận chuyển và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ tư, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đa dạng.

Sự kết hợp giữa bản sắc văn hóa đặc trưng của Đồng Nai (văn hóa công nghiệp, đô thị, giao thoa nhiều vùng miền) và Bình Phước (văn hóa nông nghiệp, văn hóa các dân tộc thiểu số, văn hóa biên giới) sẽ tạo ra một bức tranh văn hóa phong phú và đa dạng. Sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng dân cư, các nhóm dân tộc sẽ tạo ra những giá trị văn hóa mới, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân. Các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán độc đáo của từng địa phương có thể được giới thiệu và lan tỏa rộng rãi hơn. Đồng thời, khai thác và phát huy các di sản văn hóa, lịch sử (như di chỉ khảo cổ, địa đạo, căn cứ cách mạng), các danh lam thắng cảnh tự nhiên (rừng, hồ, thác nước) và tiềm năng du lịch sinh thái (vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên) của cả hai tỉnh để phát triển ngành du lịch bền vững, tạo nguồn thu và việc làm cho người dân địa phương.

2.3. Thách thức và rào cản trong quá trình sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước

Bên cạnh những tiềm năng to lớn, quá trình sáp nhập Đồng Nai và Bình Phước cũng đặt ra không ít thách thức và rào cản cần được nhận diện và giải quyết một cách hiệu quả để đảm bảo sự thành công và bền vững.

Một là, xung đột văn hóa và xã hội.

Sự khác biệt về văn hóa, tập quán sinh hoạt, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nhận thức giữa người dân hai tỉnh có thể dẫn đến những xung đột và khó khăn trong quá trình hòa nhập. Người dân Đồng Nai quen với nhịp sống công nghiệp, đô thị hóa cao, trong khi người dân Bình Phước có lối sống gắn liền với nông nghiệp, khu vực nông thôn. Sự khác biệt này có thể gây ra những va chạm trong sinh hoạt hàng ngày, trong cách ứng xử và giao tiếp. Việc sáp nhập có thể khiến một bộ phận người dân cảm thấy “mất đi” bản sắc địa phương, khó khăn trong việc hòa nhập vào cộng đồng mới. Nếu không có chính sách phù hợp, sự chênh lệch về trình độ phát triển, cơ hội việc làm và thu nhập giữa các khu vực có thể dẫn đến sự phân hóa xã hội, gây ra những bức xúc và bất ổn.

Hai là, tổ chức lại bộ máy hành chính và nhân sự.

Việc sắp xếp lại bộ máy hành chính, bố trí lại cán bộ, công chức là một quá trình phức tạp, nhạy cảm và có thể vấp phải sự phản ứng từ một bộ phận cán bộ, công chức. Đây là thách thức lớn nhất. Việc tinh giản biên chế, bố trí lại vị trí việc làm, chuyển đổi nhiệm vụ cho hàng ngàn cán bộ, công chức đòi hỏi sự công khai, minh bạch, công bằng và có lộ trình rõ ràng. Tâm lý lo lắng về việc làm, thu nhập, vị trí công tác có thể ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc và tinh thần cống hiến. Trong giai đoạn chuyển tiếp, việc duy trì sự ổn định và hoạt động thông suốt của bộ máy hành chính là cực kỳ quan trọng để không làm gián đoạn các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Các vấn đề về lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm, hưu trí của cán bộ, công chức cần được giải quyết thỏa đáng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ.

Ba là, giải quyết các vấn đề về quy hoạch, quản lý đất đai và tài nguyên.

Việc thống nhất quy hoạch sử dụng đất, giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trên một phạm vi lãnh thổ rộng lớn hơn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và các ngành chức năng. Hai tỉnh có hai quy hoạch sử dụng đất riêng biệt. Việc thống nhất quy hoạch, điều chỉnh các dự án đang triển khai, và đảm bảo tính hiệu quả của quy hoạch mới là một nhiệm vụ phức tạp, đòi hỏi sự đồng bộ và tầm nhìn dài hạn.

Bốn là, đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi cho người dân.

Cần có các chính sách phù hợp để đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đặc biệt là những đối tượng có thể bị ảnh hưởng bởi quá trình sáp nhập. Quá trình tái cấu trúc kinh tế và hành chính có thể dẫn đến sự thay đổi trong cơ cấu việc làm, ảnh hưởng đến thu nhập của một bộ phận người dân. Cần có các chương trình đào tạo lại, hỗ trợ tìm việc làm mới và chính sách an sinh xã hội để đảm bảo ổn định đời sống.

Năm là, duy trì ổn định chính trị và an ninh trật tự.

Quá trình sáp nhập có thể tạo ra những xáo trộn nhất định trong đời sống xã hội. Do đó, việc duy trì ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh là vô cùng quan trọng. Những bất đồng, bức xúc trong quá trình sáp nhập nếu không được giải quyết kịp thời có thể dẫn đến việc phát sinh các điểm nóng về an ninh trật tự.

2.4. Niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước

Đội ngũ trí thức, với năng lực phân tích sâu sắc, tầm nhìn dài hạn và ý thức trách nhiệm xã hội cao, mang trong mình những niềm tin và kỳ vọng đa dạng, sâu sắc trước tiến trình sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước. Những niềm tin và kỳ vọng này không chỉ phản ánh mong muốn về sự phát triển mà còn thể hiện sự trăn trở, tâm huyết của họ đối với tương lai của địa phương và đất nước.

Thứ nhất, niềm tin vào sự phát triển đột phá và toàn diện.

Trí thức tin tưởng rằng việc sáp nhập sẽ tạo ra một động lực mới, một sức mạnh tổng hợp để khu vực có thể đạt được những bước phát triển đột phá về kinh tế, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời đảm bảo sự phát triển hài hòa trên các mặt xã hội và môi trường. Về kinh tế, đội ngũ trí thức kỳ vọng một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững, với cơ cấu ngành nghề hiện đại, có giá trị gia tăng cao. Họ tin rằng sự kết hợp nguồn lực sẽ tạo ra những khu công nghiệp, khu kinh tế chuyên biệt có sức cạnh tranh quốc tế, thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp sạch. Đặc biệt, họ kỳ vọng vào sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, đưa tỉnh mới trở thành hình mẫu về phát triển bền vững.

Thứ hai, kỳ vọng vào một môi trường sống văn minh, hiện đại và chất lượng cao.

Đội ngũ trí thức kỳ vọng vào việc xây dựng một môi trường sống đáng sống cho người dân, với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, dịch vụ công hiệu quả và một không gian sống văn minh, an toàn. Trước hết là kỳ vọng vào việc xây dựng các đô thị thông minh, hiện đại, có quy hoạch bài bản, hệ thống giao thông thuận tiện, không gian công cộng xanh. Đồng thời, các khu vực nông thôn cũng được đầu tư phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm thiểu sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

Thứ ba, kỳ vọng vào sự phát huy vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đội ngũ trí thức tin rằng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là chìa khóa để đạt được sự phát triển bền vững và vươn tầm quốc gia. Họ kỳ vọng tỉnh mới sẽ trở thành một trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu. Kỳ vọng vào việc tăng cường đầu tư công và khuyến khích đầu tư tư nhân vào nghiên cứu và phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ sinh học, vật liệu mới, trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo.

Thứ tư, kỳ vọng vào một hệ thống giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

Đội ngũ trí thức nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Do vậy, kỳ vọng vào việc đổi mới toàn diện chương trình và phương pháp giáo dục ở tất cả các cấp, từ phổ thông đến đại học và giáo dục nghề nghiệp, chú trọng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo và kỹ năng mềm. Mong muốn có các chính sách thu hút, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ cao, tâm huyết với nghề. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động, đảm bảo sinh viên, học sinh ra trường có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp.

***Thứ năm,** kỳ vọng vào sự tham gia tích cực của trí thức vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách.*

Đội ngũ trí thức mong muốn được tạo điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò tư vấn, phản biện và giám sát, đóng góp trí tuệ của mình vào các quyết sách quan trọng của tỉnh. Kỳ vọng vào việc thiết lập các cơ chế chính thức và hiệu quả để trí thức có thể tham gia tư vấn, phản biện các dự thảo chính sách, quy hoạch, dự án lớn trước khi được ban hành hoặc triển khai.

***Thứ sáu,** kỳ vọng vào sự vươn tầm quốc gia và hội nhập quốc tế sâu rộng của tỉnh.*

Trí thức tin tưởng rằng một tỉnh mới với quy mô lớn hơn, tiềm lực mạnh mẽ hơn sẽ có khả năng đóng góp quan trọng hơn vào sự phát triển chung của đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Do vậy, kỳ vọng tỉnh mới sẽ xây dựng được một hình ảnh, thương hiệu mạnh mẽ, năng động, sáng tạo, thu hút đầu tư, du lịch và nhân tài. Mong muốn tỉnh mới sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà khoa học, chuyên gia, lao động chất lượng cao từ khắp nơi trên thế giới, tạo ra một môi trường đa văn hóa và tri thức.

2.5. Kiến nghị chính sách nhằm phát huy vai trò của đội ngũ trí thức

Để hiện thực hóa những niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức, đồng thời phát huy tối đa vai trò của họ trong quá trình sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, xin đề xuất một số kiến nghị chính sách cụ thể:

***Một là,** xây dựng cơ chế tham vấn và phản biện hiệu quả.*

Thành lập Hội đồng tư vấn chuyên môn cấp tỉnh. Hội đồng này bao gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quy hoạch, môi trường, quản lý hành chính... có uy tín và kinh nghiệm. Hội đồng sẽ có nhiệm vụ tư vấn, phản biện độc lập các dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chính sách lớn của tỉnh, đảm bảo tính khoa học và khả thi. Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức các diễn đàn, hội thảo khoa học chuyên đề về các vấn đề phát triển của tỉnh, mời trí thức tham gia trình bày, thảo luận và đóng góp ý kiến. Các kết quả của diễn đàn cần được tổng hợp và xem xét nghiêm túc trong quá trình ra quyết định.

***Hai là,** tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.*

Có thể nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Quỹ này sẽ hỗ trợ tài chính cho các đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng, các dự án đổi mới sáng tạo, đặc biệt là những dự án có tiềm năng giải quyết các vấn đề phát triển của tỉnh và tạo ra giá trị kinh tế cao. Đồng thời, xây dựng chính sách ưu đãi cho hoạt động nghiên cứu và khởi nghiệp. Áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao và các viện nghiên cứu.

Bên cạnh đó, thúc đẩy mô hình liên kết giữa “ba nhà” (Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp).

Ba là, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài.

Cung cấp các suất học bổng toàn phần hoặc bán phần cho sinh viên, nghiên cứu sinh giỏi theo học các ngành nghề mũi nhọn, công nghệ cao, quản lý hành chính công tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Áp dụng các chính sách đặc biệt để thu hút các chuyên gia, nhà khoa học giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại tỉnh, bao gồm chế độ đãi ngộ hấp dẫn, hỗ trợ về nhà ở, thủ tục hành chính.

Bốn là, nâng cao năng lực quản trị và điều hành của chính quyền.

Cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về quản trị hiện đại. Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị công, quản lý dự án, kỹ năng lãnh đạo, tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là các vị trí chủ chốt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường tính minh bạch.

3. Kết luận

Tiến trình sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước là một quyết sách chiến lược, mang tính lịch sử, hứa hẹn tạo ra một vùng phát triển năng động, có sức cạnh tranh cao và đóng góp quan trọng vào sự thịnh vượng chung của quốc gia. Đây là một cơ hội lớn để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý và hiện thực hóa khát vọng vươn tầm quốc gia. Đội ngũ trí thức, với niềm tin và kỳ vọng lớn lao vào sự chuyển mình của địa phương và khả năng vươn tầm quốc gia, sẵn sàng đồng hành và đóng góp trí tuệ, tâm huyết của mình vào quá trình này.

Tài liệu tham khảo:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022.

(2), (3) Cục Thống kê - Bộ Tài chính (2025), Thông cáo báo chí kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>.

(4) Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, số 759/QĐ-TTg, ngày 14/4/2025.

Hợp nhất hai trong một - Sức mạnh đoàn kết của đội ngũ trí thức - trụ cột của kỷ nguyên vươn mình

ThS. Lê Văn Nghĩa
Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ và thách thức đan xen, tinh thần “vươn mình” như một lời hiệu triệu mạnh mẽ đã được đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh trong bài phát biểu chuyên đề về kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Lời hiệu triệu ấy không chỉ là định hướng chiến lược cho quốc gia mà còn là lời kêu gọi dành riêng cho đội ngũ trí thức - những người gánh vác sứ mệnh khai mở tri thức, định hình tương lai và đồng hành cùng dân tộc trên con đường phát triển.

Trên tinh thần đó, tham luận hôm nay tác giả xin được chia sẻ với chủ đề: **Hợp nhất hai trong một - Sức mạnh đoàn kết của đội ngũ trí thức - trụ cột của kỷ nguyên vươn mình**. Bài tham luận tập trung làm rõ: cơ sở lý luận; thực trạng và tiềm năng trí thức; Hợp nhất hai trong một - Sức mạnh đoàn kết của đội ngũ trí thức - trụ cột của kỷ nguyên vươn mình, để thực hiện hiệu quả định hướng này.

Từ khóa: Hợp nhất, đội ngũ trí thức, kỷ nguyên vươn mình,...

1. Cơ sở lý luận và tư tưởng

Nền tảng tư tưởng cho việc xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức được Đảng ta khẳng định rõ trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" là:

“Trong mọi thời đại, tri thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển.

Mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đòi hỏi phải lựa chọn con đường phát triển rút ngắn, phát huy đến mức cao nhất mọi nguồn lực, tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Mục tiêu này đã trở nên gần hơn 5 năm rồi.

Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, nhất là từ công nhân và nông dân; phần lớn trưởng thành trong xã hội mới, được hình thành từ nhiều nguồn đào tạo ở trong và ngoài nước, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau, trong đó có bộ phận trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

Đội ngũ trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, luôn gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bằng hoạt động sáng tạo, trí thức nước ta đã có đóng góp to lớn trên tất cả các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trí thức nước ta còn nhiều mặt hạn chế cần sớm được khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới”.

Trong bài phát biểu với chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh một luận điểm có tính định hướng chiến lược sâu sắc: *“Trí thức cần phải đoàn kết, đồng hành, đổi mới tư duy và dẫn thân phụng sự để cùng đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình”*. Đây không chỉ là một lời hiệu triệu đối với tầng lớp trí thức cả nước, mà còn là kim chỉ nam hành động cho các cấp lãnh đạo, tổ chức chính trị - xã hội khi hoạch định và thực thi các chính sách liên quan đến đội ngũ trí thức. Qua đó đã định vị rõ, vai trò của trí thức như một lực lượng tiên phong của đổi mới tư duy, là tầng lớp có khả năng dẫn dắt, kiến tạo và lan tỏa tri thức trong xã hội. Trong kỷ nguyên mới - nơi mà khoa học công nghệ, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo trở thành động lực then chốt của phát triển, vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên thiết yếu.

Bốn yếu tố: *“Đoàn kết - đồng hành - đổi mới tư duy - dẫn thân phụng sự”* chính là yêu cầu toàn diện đặt ra đối với đội ngũ trí thức, vượt qua giới hạn chuyên môn thuần túy để tham gia sâu rộng vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước. Từ đó, hình thành một cộng đồng trí thức không giới hạn không gian; không giới hạn khoảng cách, không chỉ giới chuyên môn mà còn thấm nhuần lý tưởng phụng sự đất nước. Bởi vì, *“Đất nước là quê hương”*¹ - một

¹ Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt triển khai Nghị quyết Trung ương 11 khóa XIII, ngày 16/4/2025

câu nói đơn giản nhưng hàm chứa sức mạnh của tầm nhìn chiến lược, của tình yêu tổ quốc lớn hơn mọi địa phương, dòng họ, làng xã.

2. Quá trình hình thành, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức ở Đồng Nai và Bình Phước

Từ khi mới thành lập Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai (thành lập năm 1997)² và Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước (thành lập năm 2007)³ đã bắt tay vào xây dựng, tập hợp đội ngũ trí thức để góp sức xây dựng quê hương giàu đẹp, đến nay đội ngũ trí thức của tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước đã lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Tính đến cuối năm 2022, số lượng trí thức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có khoảng **46.950** người là lực lượng trí thức đang làm việc ở các cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh, huyện và cơ sở; các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, huyện; trong đó, tiến sĩ 148 người, thạc sĩ 2.779 người, đại học 32.564 người, cao đẳng 5.552 người. Riêng đội ngũ trí thức trong khối Đảng và đoàn thể là 1.037 người, trong đó, tiến sĩ 7 người, thạc sĩ 200 người... Trong số 46.950 người là lực lượng trí thức đang làm việc ở các cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh, huyện và cơ sở; các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, huyện có 877 người đạt trình độ cao cấp lý luận chính trị, 5.318 người đạt trình độ trung cấp, 6.454 người đạt trình độ sơ cấp, cử nhân 21 người⁴.

Đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2022, tổng số trí thức toàn tỉnh là **40.924** người, chiếm 4,0% dân số, trong đó có 90 tiến sĩ, 2.114 thạc sĩ, 32.510 trí thức có trình độ Đại học, 6.210 trí thức trình độ Cao đẳng⁵.

Đến nay, đội ngũ cán bộ, công chức của hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước cơ bản đạt chuẩn trình độ chuyên môn, chính trị theo quy định, từ đó, tạo điều kiện để trí thức phát huy tính năng động, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Cùng với sự lớn mạnh về số lượng và chất lượng thì ý thức, trách nhiệm của đội ngũ trí thức ngày một được nâng cao; đội ngũ trí thức ngày càng tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng về phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao

² Lịch sử hình thành và phát triển Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, truy cập ngày 30/5/2025 tại website <http://dusta.dongnai.gov.vn/pages/gioithieu.aspx>

³ Giới thiệu về Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước, truy cập ngày 30/5/2025 tại website <https://lienhiephoibinhphuoc.vn/about/>

⁴ Văn kiện Đại hội Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ V, năm 2021-2026; và Đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, truy cập ngày 30/5/2025 tại website <https://dongnai.gov.vn/Pages/newsdetail.aspx?NewsId=38385&CatId=112>

⁵ Văn kiện Đại hội Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước, nhiệm kỳ IV, năm 2022-2027

trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đội ngũ trí thức thường xuyên được tham gia các cuộc họp, hội nghị đóng góp tư duy, trí tuệ, quyết sách chiến lược góp phần hoàn thiện các nghị quyết, chương trình hành động của Đảng bộ, các kế hoạch, quy hoạch, mục tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

Đội ngũ trí thức tham gia công tác quản lý, lãnh đạo ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các đoàn thể đã luôn phát huy tốt vai trò và khả năng của mình, không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành, phát huy tốt trách nhiệm, tập trung nghiên cứu, áp dụng những kiến thức đã được học vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, từ đó chất lượng trong việc xử lý công việc được nâng lên rõ rệt.

Trường Chính trị của 2 tỉnh vừa là Hội thành viên tổ chức⁶, vừa là Câu lạc bộ trí thức⁷ góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị, lập trường, tư tưởng chính trị cho đội ngũ trí thức:

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ trí thức của tỉnh và thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức trong hệ thống chính trị.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được Trường Chính trị triển khai chặt chẽ theo kế hoạch đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt. Trường đào tạo, bồi dưỡng từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với từng đối tượng vị trí việc làm, tiêu chuẩn, ngạch chức danh và nhu cầu của từng cơ quan đơn vị địa phương.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Trường Chính trị, các cấp ủy chính quyền và các ngành đoàn thể thường xuyên tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, thông tin kịp thời các chủ trương, đường lối của đảng và chính sách pháp luật của nhà nước cho đội ngũ trí thức của tỉnh.

Nhiều đồng chí sau đào tạo, rèn luyện, kinh qua các vị trí công tác đã phát huy tốt năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy

⁶ Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai là Hội thành viên tổ chức của Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai

⁷ Trường Chính trị tỉnh Bình Phước là Câu lạc bộ trí thức của Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước

đưa vào nguồn quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, được bố trí giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, huyện, góp phần quan trọng vào sự đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị.

Có thể khẳng định, trong những năm qua, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật 2 tỉnh Đồng Nai và Bình Phước luôn phát huy vai trò nòng cốt trong việc tập hợp đoàn kết và phát huy sức mạnh sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ góp phần đưa khoa học công nghệ trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Song song đó, trí thức khoa học công nghệ trong việc tham gia hoạch định, thực hiện các chủ trương, chính sách, tham gia tư vấn phản biện, giám định xã hội nhiều dự án, công trình trọng điểm của tỉnh; tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiều hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất đời sống và bảo vệ môi trường; Phổ biến kiến thức khoa học công nghệ trong nhân dân; hàng năm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở tới cấp nhà nước được Liên hiệp hội, hội thành viên và các tổ chức khoa học chủ trì phối hợp thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực.

Đội ngũ văn - nghệ sĩ của Đồng Nai và Bình Phước cũng không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng, qua đó, Hội Văn học Nghệ thuật 2 tỉnh đã tập hợp, động viên, hỗ trợ và định hướng cho đội ngũ văn - nghệ sĩ trên địa bàn tỉnh phát huy sáng tạo, sáng tác và quảng bá nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển văn hóa của tỉnh, góp phần nâng cao hình ảnh của đất nước và con người Đồng Nai - Bình Phước, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong thời kỳ mới.

3. Hợp nhất hai trong một - Sức mạnh đoàn kết của đội ngũ trí thức - trụ cột của kỷ nguyên vươn mình

Sự phát triển của quốc gia, mỗi dân tộc trong mỗi kỷ nguyên đều xuất hiện một cách khách quan những yêu cầu lịch sử đòi hỏi các giai cấp, tầng lớp nhân dân phải đáp ứng tốt nhất để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã xác định. Trong định hướng phát triển của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: từ Đại hội XIV Việt Nam chính thức bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tư tưởng đoàn kết luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử phát triển của dân tộc ta. Trong kỷ nguyên mới, đoàn kết không chỉ là tinh thần chính trị, mà cần được hiện thực hóa bằng các hành động cụ thể. Trong đó, việc tập hợp đội ngũ trí thức giữa 2 tỉnh đồng hướng, đồng lòng phát triển là một yêu cầu cấp thiết.

Đồng Nai và Bình Phước là hai tỉnh nằm ở cửa ngõ Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước. Với những đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân cư có nhiều điểm tương đồng và tiềm năng phát triển đặc sắc, hai địa phương đang cùng nhau chuyển mình mạnh mẽ, hướng đến những mục tiêu phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập sâu rộng.

Việc hợp nhất, kết nối, phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ trí thức giữa Đồng Nai và Bình Phước không chỉ mang ý nghĩa về sự đoàn kết vùng miền, mà còn là chiến lược quan trọng để hình thành một lực lượng trí tuệ tập trung, đủ tầm nhìn, đủ năng lực và đủ khát vọng để đồng hành cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Hành trang bước vào “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, như Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định, đó là tinh thần yêu nước, là ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, với sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và văn hóa, con người Việt Nam... Trong đó, nhân mạnh nguồn lực con người giữ vai trò nền tảng; khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo là tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững, là bước đột phá chiến lược để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Theo đó, để thực hiện thắng lợi mục tiêu “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là bước đột phá về tư duy lãnh đạo của Đảng ta trong định hướng con đường chiến lược và thể chế để Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và tạo thành nguồn lực, hào khí mạnh mẽ thôi thúc cả dân tộc tự tin, vươn mình cất cánh sánh vai với các cường quốc năm châu như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với vị trí địa lý liền kề, tương đồng nhiều đặc điểm lịch sử - văn hóa - kinh tế - xã hội, Đồng Nai và Bình Phước có tiềm năng lớn trong việc phát triển liên vùng. Việc hợp nhất đội ngũ trí thức hai tỉnh sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp, sức mạnh từ sự đoàn kết và giao thoa văn hóa.

Điểm nổi bật của Đồng Nai và Bình Phước không chỉ nằm ở số lượng trí thức ngày càng tăng, mà còn ở chất lượng đa dạng và sự hòa quyện văn hóa. Hai địa phương là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc anh em như: Kinh, S'tiêng, Chơ Ro, Khmer, Tày, Nùng, Hoa..., tạo nên một bản sắc văn hóa phong phú, đa chiều trong một không gian mở, mang đậm bản sắc vùng Đông Nam Bộ. Chính từ sự đa dạng đó, đội ngũ trí thức không chỉ kế thừa các giá trị truyền

thống văn hóa của dân tộc, mà còn có trách nhiệm lớn trong việc bảo tồn, phát huy, chuyển hóa những giá trị ấy thành nguồn lực mềm phục vụ phát triển du lịch, văn hóa, giáo dục và đặc biệt là thúc đẩy sự hội nhập của cộng đồng dân tộc thiểu số trong dòng chảy phát triển chung.

4. Kết lại

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đã bắt đầu, với tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng phát triển mạnh mẽ. Trong hành trình đó, trí thức không chỉ là người đi trước mở đường, mà còn là nhịp cầu kết nối các thế hệ, các dân tộc, các vùng miền. Việc hợp nhất đội ngũ trí thức hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước không đơn thuần là sự sát nhập hành chính, mà là sự hội tụ của tri thức, của khát vọng, của văn hóa và của lòng yêu nước.

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đội ngũ trí thức cần phải bước ra khỏi ranh giới địa phương để đồng hành cùng nhau trên một tầm nhìn rộng lớn hơn - tầm nhìn vùng, tầm nhìn quốc gia, tầm nhìn thời đại.

Chúng ta tin tưởng rằng, với tầm nhìn chiến lược, với tinh thần đoàn kết, với sự quyết tâm và đồng hành của toàn hệ thống chính trị, đội ngũ trí thức hai tỉnh sẽ cùng nhau viết nên những trang mới cho khu vực Đông Nam Bộ và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng quê hương giàu, đẹp trong kỷ nguyên phát triển mới./.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt triển khai Nghị quyết Trung ương 11 khóa XIII, ngày 16/4/2025.*
- 2. Giới thiệu về Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước, truy cập ngày 30/5/2025 tại website <https://lienhiephoibinhphuoc.vn/about/>.*
- 3. Lịch sử hình thành và phát triển Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, truy cập ngày 30/5/2025 tại website <http://dusta.dongnai.gov.vn/pages/gioithieu.aspx>.*
- 4. Văn kiện Đại hội Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Phước, nhiệm kỳ IV, năm 2022-2027.*
- 5. Văn kiện Đại hội Liên hiệp Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ V, năm 2021-2026.*

Niềm tin và kỳ vọng của trí thức khi sáp nhập tỉnh - cơ hội và thách thức với các tổ chức khoa học và công nghệ

ThS. Đoàn Quang Trọng

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cao su Bình Long

I. Mở đầu

Kính thưa quý lãnh đạo, quý đại biểu, quý nhà khoa học!

Với niềm tự hào là một trí thức trẻ trưởng thành từ thực tiễn sản xuất tại doanh nghiệp trên địa bàn Bình Phước, đồng thời là thành viên Câu lạc bộ Trí thức tỉnh Bình Phước (cũ), tôi xin trân trọng trình bày tham luận này như một tiếng nói chân thành, đại diện cho lớp trí thức đang ngày đêm đồng hành cùng tiến trình phát triển địa phương.

Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết 202/2025/QH15 sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước thành tỉnh mới Đồng Nai, đánh dấu một bước chuyển lớn về thể chế hành chính. Nhưng trên hết, là lời hiệu triệu về tinh thần đổi mới, hợp tác và sáng tạo giữa các địa phương. Trong bối cảnh đó, đội ngũ trí thức nói chung, và các tổ chức KH&CN trong hệ thống Liên hiệp hội nói riêng, có vai trò tiên phong trong việc dẫn dắt tư duy phát triển, kiến tạo giá trị, và củng cố niềm tin xã hội.

II. Niềm tin của trí thức trong tiến trình sáp nhập

Chúng tôi tin rằng, việc sáp nhập không chỉ là sự cộng gộp hành chính đơn thuần, mà là cơ hội để phát huy tiềm năng, thế mạnh của hai địa phương. Một tỉnh công nghiệp phát triển (Đồng Nai), một tỉnh giàu tài nguyên đất đai, lao động và truyền thống nông nghiệp (Bình Phước) đã mạnh hơn khi sáp nhập.

Cá nhân tôi tin tưởng vào:

- Một mô hình phát triển cân bằng hơn, nơi giá trị nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ có thể cộng hưởng hài hòa.
- Một không gian sáng tạo rộng mở, nơi các nhà khoa học, kỹ sư, chuyên gia, giảng viên, cán bộ kỹ thuật trẻ có thêm điều kiện học hỏi, hợp tác và nâng cao trình độ.
- Một thể chế hành chính hiện đại, nơi các ý tưởng cải tiến, sáng kiến sản xuất, nghiên cứu ứng dụng được lắng nghe và hỗ trợ kịp thời.

III. Kỳ vọng về cơ cấu tổ chức và quản lý trong tỉnh mới

Chúng tôi cũng kỳ vọng:

- Về một cơ cấu tổ chức hành chính linh hoạt, đồng bộ và có cơ chế đặc thù để hỗ trợ các tổ chức KH&CN ngoài công lập, doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu - đổi mới sáng tạo;

- Củng cố vai trò của Liên hiệp hội và các hội thành viên như những tổ chức xã hội - nghề nghiệp đặc thù, có tư cách pháp nhân, được tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và phản biện xã hội;

- Kỳ vọng về chính sách phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng tri thức;

- Đẩy mạnh liên kết vùng giữa các khu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ trên địa bàn tỉnh mới;

- Khuyến khích phát triển khoa học công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp, chế biến, logistics và chuyển đổi số trong doanh nghiệp;

- Có các chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng cho lực lượng trí thức trẻ, trí thức doanh nghiệp và cộng đồng khoa học tại địa phương.

- Phân bổ nguồn lực công bằng, ưu tiên cho vùng khó khăn.

IV. Cơ hội và thách thức đối với các tổ chức KH&CN sau sáp nhập

Về cơ hội:

- Mở rộng phạm vi hoạt động, tăng tính liên kết vùng và chuyên ngành;

- Tiếp cận tốt hơn các nguồn lực tài chính, dự án KH&CN, quỹ đổi mới sáng tạo;

- Nâng cao vị thế và vai trò trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

Về thách thức:

- Sự chênh lệch về năng lực tổ chức, chất lượng hội viên giữa hai vùng;

- Nguy cơ một số tổ chức bị thu hẹp vai trò hoặc hoạt động hình thức nếu thiếu cơ chế bảo vệ và phát triển;

- Yêu cầu cấp thiết về chuyển đổi số, kiện toàn bộ máy, xây dựng chiến lược hoạt động phù hợp với thực tiễn mới.

V. Liên hiệp Hội và MTTQ Việt Nam tỉnh: Hợp tác vì phát triển bền vững

Với tư cách là nhà khoa học trẻ, tôi đặc biệt kỳ vọng vào sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa Liên hiệp hội và UBMTTQ Việt Nam tỉnh. Đây là hai kênh phản biện, vận động chính sách và kết nối quần chúng, trong đó có đội ngũ trí thức một cách hiệu quả.

Sự phối hợp này sẽ đưa tiếng nói của trí thức đến gần hơn với chính quyền và người dân; Lan tỏa tinh thần đổi mới và minh bạch trong hoạch định chính sách; Thúc đẩy các chương trình hành động về phát triển tri thức cộng đồng, khoa học cho nông thôn và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

VI. Kiến nghị

- Tỉnh mới cần ưu tiên hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao các đề tài nghiên cứu, đặc biệt là các mô hình, giải pháp đã đạt giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật do Liên hiệp hội tổ chức vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đời sống.

- Cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Liên hiệp hội với các doanh nghiệp trong tỉnh, các doanh nghiệp khoa học - công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài tỉnh nhằm phát huy sức mạnh liên kết đa ngành.

- Tôi cũng đề xuất nên có chủ trương hình thành Quỹ hỗ trợ sáng kiến và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh nhằm khuyến khích trí thức trẻ, nhóm nghiên cứu, nhà khoa học tham gia đóng góp ý tưởng phát triển địa phương.

Với niềm tin, kỳ vọng và trách nhiệm với tỉnh mới, chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục được đồng hành cùng lãnh đạo Liên hiệp hội trong công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ trí thức và các hoạt động tư vấn, phản biện, tham mưu chính sách.

Xin trân trọng cảm ơn!

Xây dựng đội ngũ trí thức Đồng Nai: cơ hội và thách thức mới

ThS. Phạm Gia Hải

Nguyên Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai

I. Đặt vấn đề

Trí thức Việt Nam nói chung và đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai nói riêng là lực lượng lao động sáng tạo quan trọng, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Xây dựng một đội ngũ trí thức vững mạnh, đoàn kết, đổi mới và sáng tạo chính là đầu tư cho “nguyên khí quốc gia”.

Hiện nay, đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với yêu cầu đổi mới sáng tạo và phát triển nhanh, bền vững. Trong bối cảnh đó, việc hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước thành một tỉnh mới là một bước đi mang tính lịch sử, mở ra thời cơ lớn để tái cấu trúc toàn diện nguồn lực, nhất là nguồn lực trí thức.

II. Cơ sở chính sách về xây dựng đội ngũ trí thức

Từ Đại hội X đến Đại hội XIII, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức:

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Hội nghị Trung ương 7 khóa X xác định 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng đội ngũ trí thức, bao gồm: hoàn thiện môi trường làm việc, chính sách trọng dụng và đãi ngộ, nâng cao chất lượng đào tạo, phát huy vai trò của các hội trí thức, và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức.

Đại hội XII nhấn mạnh việc trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực, kết quả cống hiến, cùng với bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và có cơ chế đặc thù thu hút nhân tài.

Đại hội XIII đề cao dân chủ, sáng tạo và cơ chế đặc biệt thu hút, đãi ngộ các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước, đồng thời coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của đội ngũ trí thức.

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Trung ương Đảng khóa XIII tiếp tục khẳng định trí thức là lực lượng lao động trí óc có trình độ cao, có vai trò trong liên minh công - nông - trí, là nguyên khí quốc gia, cần được tôn vinh, phát huy và đầu tư xứng đáng.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định đây là động lực chiến lược để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới.

III. Thực trạng đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai và Bình Phước

Tỉnh Đồng Nai (trước khi sáp nhập):

Thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW và các kế hoạch của tỉnh ủy, đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai đã lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Tính đến cuối

năm 2023, toàn tỉnh có khoảng 46.950 trí thức đang công tác trong hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp. Trong đó có: 148 tiến sĩ, 2.279 thạc sĩ, 32.564 cử nhân đại học, 5.552 cao đẳng. Đặc biệt, 877 người đạt trình độ cao cấp lý luận chính trị.

Đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai đã và đang phát huy vai trò trong công tác tư vấn, phản biện, xây dựng chính sách, trực tiếp tham gia lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và đoàn thể; đồng thời chú trọng ứng dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn công tác chuyên môn.

Tỉnh đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ trí thức có trọng điểm, ưu tiên công nghệ cao (công nghệ sinh học, bán dẫn), công nghệ thông tin, và hợp tác với Đại học Quốc gia TP. HCM, Đại học Quốc gia Hà Nội để thu hút trí thức trẻ và người Đồng Nai được đào tạo ở nước ngoài trở về phục vụ địa phương.

Tỉnh Bình Phước (trước khi sáp nhập):

Tính đến năm 2022, Bình Phước có khoảng 40.924 trí thức, trong đó có: 90 tiến sĩ, 2.114 thạc sĩ, 32.510 đại học, 6.210 cao đẳng. Đây là lực lượng quan trọng bổ sung vào sức mạnh khoa học - công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới.

IV. Tỉnh Đồng Nai mới: Cơ hội và yêu cầu mới

Sau khi sáp nhập, tỉnh Đồng Nai mới có diện tích tự nhiên trên 12.700 km², dân số hơn 4,2 triệu người, gồm 95 đơn vị hành chính cấp xã/phường, là một trong những tỉnh có quy mô dân số và diện tích lớn nhất cả nước.

Tỉnh sở hữu trên 50 khu công nghiệp, hơn 2.200 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 42 tỷ USD, đứng trong nhóm dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài.

Ngoài thế mạnh công nghiệp, tỉnh còn có khoảng 95.000 ha cây ăn quả, nhiều vùng chuyên canh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi gia súc tập trung, và tiềm năng lớn về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản.

Đặc biệt, Đồng Nai mới là nơi hội tụ lực lượng lao động trẻ, dồi dào, có trình độ, với nhiều trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu và đào tạo nghề, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Về hạ tầng, tỉnh nằm trên trục giao thông chiến lược phía Nam, với các tuyến cao tốc (TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây, Bến Lức - Long Thành), quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam, và là nơi triển khai sân bay quốc tế Long Thành- công trình giao thông trọng điểm quốc gia, tạo lợi thế vượt trội trong kết nối liên vùng và quốc tế.

Đồng Nai mới còn có vị trí địa - kinh tế chiến lược, đóng vai trò trung tâm công nghiệp, logistics, đô thị và đổi mới sáng tạo trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cầu nối giữa Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ, giữa TP.HCM với các tỉnh miền Đông.

Sự kết hợp giữa hai đội ngũ trí thức đưa tổng số trí thức của tỉnh mới lên gần 90.000 người - tạo tiền đề to lớn để phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trên toàn vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

V. Giải pháp xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức tỉnh Đồng Nai mới

Nhận thức rõ: Việc sáp nhập không chỉ là cộng gộp đơn thuần về địa lý, dân cư mà là cơ hội để tạo ra giá trị mới theo cấp số nhân - đúng như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Củng cố nhận thức chính trị, nâng cao trách nhiệm của trí thức với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ của tỉnh trong bối cảnh mới.

Tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc ban hành, tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách đãi ngộ, trọng dụng trí thức; tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức tham gia tư vấn, phản biện, xây dựng các quy hoạch, đề án, dự án trọng điểm.

Đổi mới toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phù hợp yêu cầu phát triển của tỉnh mới.

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thông qua hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh. Hình thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ đội ngũ trí thức phát huy ý tưởng và nghiên cứu ứng dụng.

Có cơ chế trợ cấp thu hút đặc biệt đối với trí thức có trình độ cao, chuyên gia đầu ngành, ngoài các khoản lương, phụ cấp theo quy định, cần có mức hỗ trợ tính theo hệ số lương tối thiểu nhằm tạo động lực lâu dài.

Xây dựng tổ chức Đảng trong Liên hiệp Hội và các hội thành viên trong sạch, vững mạnh, thực sự là lực lượng nòng cốt về chính trị trong công tác tập hợp, đoàn kết và phát huy trí thức.

VI. Kết luận

Chúng ta đang đứng trước thời cơ phát triển vượt bậc trong kỷ nguyên mới. Đội ngũ trí thức cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình, phát huy tinh thần cống hiến, đoàn kết, đổi mới và sáng tạo, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh không chỉ là một mục tiêu, mà còn là động lực phát triển bền vững của tỉnh Đồng Nai mới và của đất nước.

Tài liệu tham khảo:

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII
- Nghị Quyết số 27 NQ/TW ngày 06/8/2008 của Hội nghị TW 7 khóa X về Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Cổng Thông tin UBND tỉnh Đồng Nai.

Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao sau sáp nhập tỉnh Đồng Nai - Bình Phước: vai trò đội ngũ trí thức

Trần Anh Minh

Khoa Kỹ thuật, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

*Email: trananhminh@dntu.edu.vn

Tóm tắt

Việc sáp nhập Đồng Nai và Bình Phước mở ra cơ hội phát triển vùng Đông Nam Bộ, nhưng cũng bộc lộ thách thức về chênh lệch trình độ công nghiệp và thiếu hụt nhân lực kỹ thuật chất lượng cao. Bài viết phân tích vai trò then chốt của đội ngũ trí thức trong đào tạo, kết nối và chuyển giao công nghệ. Tác giả đề xuất các giải pháp như: xây dựng mạng lưới trí thức liên tỉnh, trung tâm đào tạo công nghệ cao, cơ chế đặt hàng đào tạo - thực tập - khởi nghiệp và thúc đẩy học tập suốt đời, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật cho tỉnh mới sau sáp nhập.

Từ khóa: Nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao; Đội ngũ trí thức; Sáp nhập tỉnh;

1. Mở đầu

Sáp nhập Đồng Nai - Bình Phước là cơ hội tái cấu trúc phát triển, nhưng khoảng cách về nền tảng công nghiệp và nhân lực kỹ thuật đặt ra yêu cầu cấp thiết về giải pháp nhân sự. Đội ngũ trí thức cần phát huy vai trò kết nối giữa nhà trường - doanh nghiệp - quản lý. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực kỹ thuật, hướng đến phát triển bền vững và hội nhập sâu của tỉnh mới.

2. Thực trạng nguồn nhân lực kỹ thuật tại Đồng Nai và Bình Phước

Đồng Nai và Bình Phước có sự chênh lệch rõ rệt về nền tảng công nghiệp và chất lượng nhân lực kỹ thuật. Đồng Nai là trung tâm công nghiệp lâu năm với tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 25-30%, tập trung vào các ngành cơ khí, điện tử và công nghiệp hỗ trợ (Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp, 2023). Ngược lại, Bình Phước - tỉnh công nghiệp mới nổi - dù phát triển nhanh về chế biến nông sản và công nghệ cao, nhưng thiếu hụt lao động kỹ thuật, đặc biệt ở kỹ năng số và kỹ năng mềm (Báo Pháp Luật, 2023).

Cả hai tỉnh đều gặp khó khăn trong việc kết nối đào tạo với thực tiễn sản xuất: chương trình lỗi thời, thiết bị thực hành thiếu đồng bộ, phương pháp giảng dạy chưa đổi mới và liên kết doanh nghiệp - nhà trường còn hạn chế (Báo Bình Phước, 2024). Nếu không sớm khắc phục, sự chênh lệch này sẽ cản trở quá trình đồng bộ hóa lực lượng lao động sau sáp nhập và ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế vùng.

Bảng 1. So sánh tỷ lệ lao động kỹ thuật tại Đồng Nai và Bình Phước

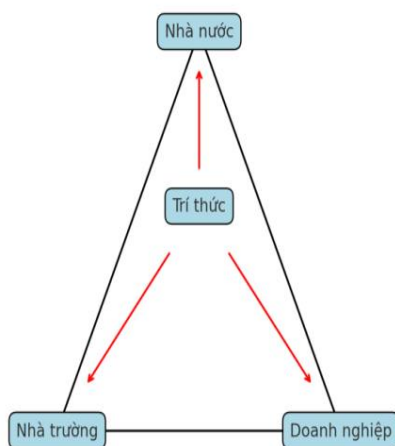
Chỉ tiêu	Đồng Nai	Bình Phước
Tỷ lệ lao động kỹ thuật qua đào tạo	25-30%	~22%
Lao động kỹ thuật tay nghề cao	Thấp hơn 30%	Thấp hơn 20%
Ngành chủ lực	Cơ khí, điện tử, chế biến	Chế biến nông sản, công nghệ hỗ trợ

(Nguồn: Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp, 2023)

Bảng 1 cho thấy sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động kỹ thuật giữa hai tỉnh. Đồng Nai có tỷ lệ lao động qua đào tạo cao, tập trung vào các ngành cơ khí, chế biến và điện tử; trong khi Bình Phước chủ yếu phát triển công nghiệp chế biến nông sản và thiếu nhân lực tay nghề cao.

Khoảng cách này đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng nhân lực kỹ thuật một cách đồng bộ. Đội ngũ trí thức cần đóng vai trò kết nối, định hướng đào tạo và chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và tăng sức cạnh tranh cho tỉnh mới sau sáp nhập.

3. Vai trò kết nối của đội ngũ trí thức trong phát triển nhân lực kỹ thuật



Hình 1. Mô hình kết nối ba nhà thông qua vai trò đội ngũ trí thức

Hình 1 minh họa mô hình kết nối “ba nhà”: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp, với đội ngũ trí thức giữ vai trò trung tâm. Trí thức không chỉ giảng dạy và nghiên cứu, mà còn kết nối các bên để xác định nhu cầu nhân lực, điều chỉnh chương trình đào tạo, tham mưu chính sách và hỗ trợ thực tập, khởi nghiệp. Mô hình cho thấy vai trò then chốt của trí thức trong liên kết hệ thống, tối ưu nguồn lực và phát triển bền vững nhân lực kỹ thuật chất lượng cao sau sáp nhập.

3.1 Trí thức trong lĩnh vực giáo dục - kỹ thuật

Theo lý thuyết nguồn vốn con người, trình độ và kỹ năng nghề quyết định năng suất lao động và sức cạnh tranh địa phương. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, đội ngũ trí thức đóng vai trò trung tâm trong truyền đạt tri thức, thúc đẩy đổi mới và kết nối nguồn lực phát triển.

Tại các cơ sở giáo dục kỹ thuật, giảng viên và chuyên gia vừa đảm nhiệm đào tạo, vừa gắn kết lý thuyết với thực tiễn, giúp người học tiếp cận công nghệ mới. Việc chủ động cải tiến chương trình, tích hợp kỹ năng số, tư duy phản biện và năng lực mềm là nền tảng hình thành lực lượng kỹ thuật toàn diện, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và tăng năng lực cạnh tranh sau sáp nhập.

3.2 Trí thức trong doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia kỹ thuật trong doanh nghiệp, hiệp hội nghề đóng vai trò cầu nối giữa đào tạo và thực tiễn sản xuất. Họ hiểu rõ tiêu chuẩn kỹ năng, quy trình công nghệ và yêu cầu đối với lao động kỹ thuật.

Việc phối hợp với cơ sở đào tạo trong thiết kế chương trình, tổ chức thực tập và hướng dẫn sinh viên giúp người học sớm tiếp cận môi trường làm việc thực tế, tăng tính ứng dụng và rút ngắn khoảng cách lý thuyết - thực hành. Sự tham gia chủ động của trí thức doanh nghiệp góp phần hình thành đội ngũ kỹ thuật thích ứng nhanh, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh.

3.3 Trí thức tham gia hoạch định chính sách

Ngoài giảng dạy và sản xuất, nhiều trí thức đảm nhiệm vai trò quan trọng trong cơ quan hoạch định chính sách và quản lý nhà nước. Nhờ chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tiễn, họ tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhân lực kỹ thuật phù hợp với quy hoạch vùng, đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập (Bộ Nội vụ, 2023).

Họ cũng đóng vai trò phản biện, đề xuất cơ chế đào tạo nghề, phát triển kỹ năng và thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo. Sự tham gia chủ động của đội ngũ này giúp chính sách sát thực tiễn hơn, tạo nền tảng phát triển bền vững cho lực lượng lao động kỹ thuật tỉnh mới.

4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao

4.1 Hình thành mạng lưới trí thức giáo dục kỹ thuật liên tỉnh

Một giải pháp trọng tâm là xây dựng mạng lưới liên kết trí thức giáo dục kỹ thuật giữa Đồng Nai và Bình Phước, kết nối giảng viên, chuyên gia và cán bộ quản lý từ các cơ sở đào tạo. Mạng lưới tạo điều kiện trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật công nghệ.

Thông qua các diễn đàn học thuật, hội thảo chuyên đề và nhóm nghiên cứu ngành trọng điểm, mạng lưới hỗ trợ điều chỉnh chuẩn đầu ra sát thực tế,

đồng thời làm cầu nối với doanh nghiệp để triển khai đào tạo thực hành và tham mưu chính sách nhân lực.

Mô hình này phù hợp với hợp tác “ba nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp), giúp khai thác hiệu quả nguồn lực và nâng cao chất lượng đào tạo kỹ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.2 Thành lập Trung tâm đào tạo kỹ thuật công nghệ cao liên tỉnh

Bên cạnh mạng lưới trí thức, việc thành lập Trung tâm đào tạo kỹ thuật - công nghệ cao liên tỉnh là giải pháp thiết thực để đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trình độ cao. Trung tâm cần hoạt động theo mô hình hợp tác ba bên (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp), đảm bảo thống nhất từ khâu xác định nhu cầu đến giảng dạy và đánh giá.

Trung tâm sẽ đào tạo các ngành mũi nhọn như cơ khí, ô tô, điện - điều khiển, tự động hóa và CNTT, với chương trình linh hoạt, cập nhật công nghệ mới, ưu tiên học thông qua thực hành và dự án. Ngoài sinh viên, nơi đây còn bồi dưỡng giảng viên và chuyên gia kỹ thuật, góp phần lan tỏa công nghệ và nâng cao chất lượng nhân lực kỹ thuật trong vùng.

4.3 Thiết lập cơ chế đặt hàng đào tạo - thực tập - khởi nghiệp

Thiết lập cơ chế đặt hàng đào tạo - thực tập - khởi nghiệp giữa nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục là giải pháp then chốt nhằm phát triển nhân lực kỹ thuật chất lượng cao. Doanh nghiệp cần công khai nhu cầu tuyển dụng, tiêu chuẩn kỹ năng và công nghệ, làm căn cứ điều chỉnh chương trình đào tạo sát thực tiễn.

Đồng thời, cần phối hợp tổ chức thực tập tại doanh nghiệp, giúp sinh viên rèn kỹ năng nghề và tác phong công nghiệp. Chính quyền hỗ trợ thông qua chính sách ưu đãi, đầu tư thiết bị và tạo hành lang pháp lý khuyến khích khởi nghiệp kỹ thuật ngay từ khi còn học.

Cơ chế này góp phần thu hẹp khoảng cách đào tạo - thực tiễn và hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực sẵn sàng cho công nghiệp hiện đại.

4.4 Đẩy mạnh đào tạo số, học tập suốt đời và kỹ năng mềm

Trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, kỹ năng số và kỹ năng mềm là yêu cầu thiết yếu đối với lao động kỹ thuật. Các cơ sở đào tạo cần tích hợp các mô đun về công nghệ thông tin, giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề vào chương trình chuyên ngành, giúp người học vừa giỏi chuyên môn, vừa thích ứng nhanh với môi trường làm việc hiện đại.

Đồng thời, cần đẩy mạnh các hình thức học linh hoạt như đào tạo trực tuyến, khóa ngắn hạn và chương trình học mở. Việc xây dựng văn hóa học tập suốt đời sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp lực lượng kỹ thuật thích ứng tốt với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường lao động.

4.5 Thách thức và điều kiện thực hiện

Mặc dù các giải pháp đề xuất có tính khả thi, quá trình triển khai vẫn cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành và địa phương, cùng với bảo đảm nguồn lực đầu tư phù hợp. Thiếu đồng bộ trong thực hiện và hạn chế ngân sách có thể làm giảm hiệu quả giải pháp nếu không được xử lý sớm và quyết liệt.

5. Kết luận

Để tỉnh Đồng Nai mới phát triển bền vững sau sáp nhập, trọng tâm chiến lược là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật. Đội ngũ trí thức giữ vai trò then chốt, kết nối đào tạo - sản xuất - quản lý và thúc đẩy chuyển giao tri thức, công nghệ.

Các giải pháp cốt lõi như xây dựng mạng lưới trí thức liên tỉnh, trung tâm đào tạo công nghệ cao, cơ chế hợp tác đào tạo - thực tập - khởi nghiệp và văn hóa học tập suốt đời là nền tảng hình thành lực lượng kỹ thuật trình độ cao, thích ứng chuyển đổi số.

Mặc dù còn thách thức về phối hợp và nguồn lực, đầu tư đúng mức vào đội ngũ trí thức sẽ tạo đột phá cho tỉnh mới, hướng đến vai trò trung tâm công nghiệp - kỹ thuật và đổi mới sáng tạo của vùng Đông Nam Bộ.

Tài Liệu Tham Khảo

- [1]. Báo Bình Phước. (2024). Hợp nhất Bình Phước và Đồng Nai: Xu thế, cơ hội và động lực phát triển mới. Truy cập tại: <https://baobinhphuoc.com.vn/news/635/172471/hop-nhat-binh-phuoc-va-dong-nai-xu-the-co-hoi-va-dong-luc-phat-trien-moi>
- [2]. Báo Pháp Luật. (2023). Nguồn nhân lực chất lượng cao – Nút thắt phát triển của Đông Nam Bộ. Truy cập tại: <https://baophapluat.vn/nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-nut-that-phat-trien-cua-dong-nam-bo-post544788.html>
- [3]. Bộ Nội vụ. (2023). Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Truy cập tại: <https://moha.gov.vn/thanh-nien/tin-tuc/Pages/listbnv.aspx?CateID=34&ItemID=663>
- [4]. Tạp chí Tài chính. (2023). Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0. Truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn/giai-phap-nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-viet-nam-trong-boi-can-cach-mang-cong-nghe-4-0.html/>
- [5]. Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp. (2023). Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam trong thời gian tới. Truy cập tại: <https://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/pha-t-trien-nguon-nhan-lu-c-cha-t-luo-ng-cao-cho-viet-nam-trong-thoi-gian-toi-5938.4050.html>
- [6]. VnEconomy. (2023). 6 giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/6-giai-phap-nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc.htm>

Chiến lược thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức khi hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước

KS. Phạm Văn Tuyên

Chuyên viên Liên hiệp các Hội KH&KT Đồng Nai

Tóm tắt

Trong bối cảnh đổi mới tổ chức hành chính, việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước là chủ trương chiến lược nhằm tinh gọn bộ máy và phát triển vùng bền vững. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là trong việc thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức, lực lượng giữ vai trò cốt lõi trong hoạch định chính sách, phát triển khoa học - công nghệ và gìn giữ bản sắc địa phương.

Bài tham luận đề xuất một số chiến lược tổng thể nhằm giải quyết các khó khăn về thể chế, văn hóa tổ chức, phân bổ nguồn lực và tâm lý nghề nghiệp của trí thức trong giai đoạn chuyển tiếp. Từ đó, hướng đến một nền quản trị mới, hiện đại và nhân văn cho tỉnh sau sáp nhập.

Từ khóa: Niềm tin tổ chức, Quản trị nhân lực, Sáp nhập hành chính, Trí thức, Đổi mới.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới tổ chức hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh đang được xem là một xu thế tất yếu, góp phần tối ưu hóa nguồn lực và tạo đà phát triển bền vững cho vùng. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định chủ trương sáp nhập tỉnh, thành, không tổ chức cấp huyện là một định hướng lớn, mang tầm chiến lược, bước đột phá về thể chế chuẩn bị cho "tầm nhìn trăm năm" phát triển.

Kết luận 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có đề cập chủ trương nghiên cứu bỏ cấp huyện, định hướng sáp nhập tỉnh thành và tiếp tục sắp xếp cấp xã. Tuy nhiên, đi kèm với những kỳ vọng về sự chuyển mình tích cực là không ít thách thức về quản trị, trong đó có vấn đề nổi bật: làm sao để thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức - những người đóng vai trò nòng cốt trong hoạch định chính sách, phát triển khoa học công nghệ, giáo dục và văn hóa xã hội của địa phương. Trường hợp sáp nhập tỉnh Đồng Nai - Bình Phước, với sự khác biệt về địa lý, truyền thống hành chính, quy mô phát triển, càng đặt ra yêu cầu cấp thiết cần có những chiến lược phù hợp để xây dựng niềm tin và khơi dậy khát vọng cống hiến của đội ngũ trí thức trong thời kỳ chuyển tiếp.

Thực tiễn cho thấy, trí thức là lực lượng có tri thức chuyên sâu, ý thức trách nhiệm xã hội cao, nhưng cũng đồng thời rất nhạy cảm với các thay đổi thể chế và cơ chế sử dụng nguồn nhân lực. Nếu không có chính sách kịp thời, rõ ràng và mang tính gắn kết lâu dài, nguy cơ “chảy máu chất xám”, tinh thần ly tâm hay cảm giác bị “vô hình hóa” trong bộ máy hành chính mới hoàn toàn có thể xảy ra. Ngược lại, nếu tạo dựng được môi trường làm việc minh bạch, cơ hội phát triển công bằng và sự ghi nhận đúng mức; địa phương sau sáp nhập sẽ sở hữu một lực lượng trí thức vừa kế thừa truyền thống, vừa đổi mới tư duy để đồng hành cùng quá trình phát triển bền vững.

Vì vậy, nghiên cứu và đề xuất chiến lược thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức không chỉ là một yêu cầu quản trị nhân lực, mà còn là nền tảng để xây dựng niềm tin xã hội, phát triển nguồn lực trí tuệ nội sinh và tạo lập bản sắc tỉnh mới sau sáp nhập. Đây cũng là cách để khơi dậy tinh thần kiến tạo, đồng hành và dẫn thân của đội ngũ trí thức, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược phát triển của vùng trong dài hạn.

2. Khái niệm và vai trò của nền tảng trí thức

2.1 Khái niệm

Thẩm nhuần quan điểm của dân tộc “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm khoa học, toàn diện, xuyên suốt về trí thức và đã sớm khẳng định vai trò quan trọng của trí thức trong sự nghiệp cách mạng: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc, ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế”. Theo Nguyễn Đình Ninh (2022), trí thức là một khái niệm mang tính xã hội, là những người có trình độ học vấn cao và tri thức chuyên môn sâu, tham gia tích cực vào quá trình sáng tạo, truyền bá và ứng dụng kiến thức trong xã hội.

Đội ngũ trí thức là những người tham gia vào việc sáng tạo, ứng dụng tri thức bao gồm các nhà khoa học, giảng viên, chuyên gia, kỹ sư, bác sĩ, nhà nghiên cứu, nhà quản lý có năng lực tư duy độc lập và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định trí thức là một lực lượng tinh hoa có khả năng góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (Thanh, 2022).

2.1. Vai trò của nền tảng trí thức

Trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính cấp tỉnh, đội ngũ trí thức đóng vai trò thiết yếu trên nhiều bình diện:

Thứ nhất, trí thức là lực lượng tham mưu và phản biện chính sách có căn cứ khoa học. Họ cung cấp tri thức nền, phân tích cơ hội - rủi ro và kiến nghị các mô hình tổ chức phù hợp cho bộ máy mới hình thành.

Thứ hai, trí thức là cầu nối giữa truyền thống và đổi mới. Họ góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa - xã hội vùng miền, đồng thời dẫn dắt chuyển giao tri thức, công nghệ mới cho tỉnh mới sau sáp nhập.

Thứ ba, đội ngũ trí thức có năng lực đào tạo, dẫn dắt thế hệ kế cận, đặc biệt là trí thức trẻ. Trong giai đoạn chuyển tiếp, sự hiện diện của những người có hiểu biết sâu rộng và tầm nhìn dài hạn sẽ giúp định hướng phát triển nguồn nhân lực địa phương một cách bền vững.

Thứ tư, trí thức là tác nhân khơi gợi niềm tin xã hội. Một tỉnh mới muốn phát triển không thể thiếu một lực lượng trí thức đủ mạnh, đủ tâm huyết và đủ gắn bó để truyền cảm hứng đổi mới trong hệ thống chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

3. Một số thách thức trong tiến trình sáp nhập

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh Đồng Nai và Bình Phước tuy mang lại nhiều kỳ vọng về sự tinh gọn bộ máy và phát triển vùng bền vững, nhưng cũng đồng thời đặt ra không ít thách thức lớn về thể chế, nhân lực và văn hóa tổ chức. Dưới đây là một số thách thức bao gồm:

Thứ nhất, khác nhau về hệ thống tổ chức và quy trình hành chính. Hai tỉnh sáp nhập thường có cách thức tổ chức bộ máy, quy trình ra quyết định và mô hình quản lý khác nhau, dẫn đến khó khăn trong việc đồng bộ hóa hệ thống. Việc hợp nhất các sở, ngành, ban chỉ đạo... đòi hỏi thời gian để điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm.

Thứ hai, tâm lý bất ổn trong đội ngũ cán bộ, trí thức. Sáp nhập hành chính thường kéo theo cắt giảm biên chế, thay đổi vị trí công tác, khiến nhiều cán bộ và trí thức lo ngại về vị trí, cơ hội thăng tiến và sự công nhận. Nếu không có cơ chế rõ ràng và minh bạch, điều này có thể dẫn đến tâm lý hoang mang, mất động lực hoặc không hài lòng.

Thứ ba, khác biệt về văn hóa tổ chức và bản sắc địa phương. Mỗi địa phương có bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống và phong cách làm việc riêng. Khi sáp nhập, nguy cơ xảy ra mâu thuẫn về thói quen ứng xử, cách truyền đạt, văn hóa điều hành là rất lớn. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả phối hợp liên ngành và khả năng gắn kết nội bộ.

Thứ tư, phân bổ nguồn lực không đồng đều. Sau sáp nhập, việc phân chia nguồn lực (tài chính, nhân sự, đầu tư phát triển) giữa các khu vực trong tỉnh mới rất dễ tạo ra cảm giác “thiên vị” hoặc “bị bỏ lại phía sau”, đặc biệt nếu có chênh lệch lớn về quy mô dân số, năng lực phát triển hoặc vị trí địa lý.

Thứ năm, thiếu chiến lược đồng bộ để phát huy nguồn lực trí tuệ. Dù hai tỉnh đều có đội ngũ trí thức riêng nhưng nếu không có chính sách nhận diện, kết nối và phát huy đúng mức, lực lượng này dễ bị “vô hình hóa” trong hệ thống hành chính mới. Việc không đồng bộ hóa các chương trình phát triển trí thức (như đề án nghiên cứu, đào tạo sau đại học, kết nối doanh nghiệp) có thể làm suy giảm động lực cống hiến.

4. Các giải pháp chiến lược nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức trong tiến trình sáp nhập tỉnh Đồng Nai - Bình Phước

Thứ nhất, đồng bộ hóa cơ cấu tổ chức và quy trình hành chính theo hướng “kiến tạo niềm tin”. Sự khác biệt về cơ chế vận hành giữa hai tỉnh có thể tạo ra khoảng cách trong tư duy hành chính và hiệu quả phối hợp. Để đội ngũ trí thức yên tâm cống hiến, cần:

- Thiết lập quy trình quản trị minh bạch, thống nhất từ đầu, đặc biệt tại các đơn vị có nhiều trí thức như Sở KH-CN, Giáo dục, Y tế, Viện - Trường.
- Tham vấn trí thức trong xây dựng mô hình tổ chức mới, từ đó tạo cảm giác được tôn trọng và là chủ thể của thay đổi.
- Ứng dụng công nghệ số để minh bạch quy trình hành chính, qua đó giảm “vùng mờ” quyền lực và tạo sự công bằng giữa các nhóm trí thức từ hai tỉnh.

Thứ hai, ổn định tâm lý và vị trí công việc của đội ngũ trí thức bằng chính sách bảo đảm công bằng và phát triển. Để giảm bớt lo ngại bị “tái cơ cấu” hoặc “vô hình hóa”, chính quyền tỉnh mới cần:

- Ban hành sớm các chính sách bảo lưu chức vụ, quyền lợi hoặc lộ trình thăng tiến, đặc biệt là những trí thức đã có thành tích trong công việc hoặc có nhiều đóng góp thiết thực cho sự phát triển của địa phương.
- Xây dựng hệ thống đánh giá dựa trên năng lực và cống hiến thực tế, thay vì vị trí địa lý hoặc lý lịch hành chính.
- Triển khai các chương trình truyền thông nội bộ về vai trò và cam kết của tỉnh đối với lực lượng trí thức, giúp củng cố niềm tin và giảm tâm lý bất an.

Thứ ba, tạo dựng môi trường hợp tác liên văn hóa và tinh thần đổi mới tổ chức để giải quyết xung đột tiềm ẩn về văn hóa làm việc và bản sắc địa phương.

- Thúc đẩy các chương trình giao lưu - hợp tác giữa trí thức kỳ cựu và trí thức trẻ của hai tỉnh, hướng đến “một bản sắc chung”.

- Áp dụng văn hóa tổ chức mở, khuyến khích phản biện và đóng góp sáng kiến trong quá trình sắp xếp lại cơ cấu hành chính - xã hội.

Thứ tư, bảo đảm phân bổ nguồn lực hợp lý, không tạo ra cảm giác bị “gạt ra bên lề”. Trí thức thường nhạy cảm với tín hiệu chính sách, do đó:

- Cần công bố công khai kế hoạch phân bổ nguồn lực trí tuệ, tài chính và nghiên cứu cho từng khu vực, trong đó thể hiện sự công bằng và ưu tiên cho các sáng kiến đổi mới sáng tạo.

Thiết kế các quỹ nghiên cứu, học bổng đào tạo, chương trình hỗ trợ công bố khoa học chung cho trí thức hai tỉnh, qua đó thúc đẩy sự công nhận ngang hàng và không phân biệt xuất thân.

Thứ năm, Xây dựng cơ chế nhận diện và phát triển trí thức dài hạn

- Thiết lập cơ sở dữ liệu liên thông về trí thức toàn tỉnh (chuyên môn, công trình, hoạt động...) để từ đó phát huy vai trò trong hoạch định chính sách, chuyển giao tri thức, đào tạo thế hệ kế cận.

- Áp dụng chính sách “trí thức theo lĩnh vực trọng điểm”, không rập khuôn nhằm tạo điều kiện cho sự luân chuyển linh hoạt và phát triển năng lực cá nhân.

- Tổ chức Lễ Tôn vinh trí thức tiêu biểu sau sáp nhập, kết hợp với cơ chế gắn bó lâu dài như bổ nhiệm hội đồng tư vấn khoa học địa phương, cộng tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu.

5. Kết luận

Trong bối cảnh hiện nay, việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước là một bước đi có tính chiến lược, nhằm tạo lập nền tảng phát triển vùng hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, quá trình này không chỉ là sự sắp xếp lại cơ học của bộ máy hành chính mà còn là một quá trình chuyển hóa sâu sắc về mặt con người, đặc biệt là đội ngũ trí thức - lực lượng then chốt trong xây dựng chính sách, thúc đẩy sáng tạo, và giữ gìn bản sắc văn hóa- xã hội của địa phương.

Việc thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức không thể xem nhẹ, càng không thể chỉ dựa vào các giải pháp mang tính hành chính hoặc cơ học. Những biến động về vị thế nghề nghiệp, văn hóa tổ chức, niềm tin vào chính quyền và khả năng phát triển cá nhân đều có thể ảnh hưởng đến tâm lý và hành vi gắn bó của trí thức. Chính vì vậy, cần một chiến lược tổng thể, mang tính hệ thống và dài hạn, nhằm vừa đảm bảo sự ổn định tổ chức, vừa tạo ra môi trường khuyến khích sáng tạo, học hỏi và đóng góp của trí thức.

Các giải pháp đề xuất trong nghiên cứu này, từ việc xây dựng cơ chế bảo đảm công bằng, đồng bộ hóa tổ chức, phát triển văn hóa tin cậy đến thiết kế chính sách khuyến khích trí thức theo hướng quản trị nhân lực hiện đại, đều

nhằm hướng tới mục tiêu cốt lõi: xây dựng một môi trường tổ chức đáng tin cậy - công bằng - sáng tạo, nơi trí thức cảm thấy được công nhận, có cơ hội phát triển, và được trao quyền đóng góp thực chất vào quá trình kiến tạo tình mới.

Về lâu dài, việc phát huy vai trò của trí thức không chỉ giúp đảm bảo sự chuyển tiếp hành chính suôn sẻ mà còn góp phần quan trọng vào việc hình thành một nền quản trị hiện đại, khai phóng và có năng lực cạnh tranh trí thức. Trong “tầm nhìn trăm năm” mà Đảng và Nhà nước đã định hướng, không thể thiếu bóng dáng của đội ngũ trí thức - những người không chỉ nắm giữ tri thức, mà còn là tác nhân lan tỏa niềm tin, giá trị và khát vọng phát triển của cả cộng đồng địa phương.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nxb CTQG-ST, H.2011
- Kết luận 126-KL/TW ngày 14/02/2025. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Ket-luan-126-KL-TW-2025-nhiem-vu-tiep-tuc-sap-xep-tinh-gon-to-chuc-bo-may-cua-he-thong-chinh-tri-643643.aspx>
- Lý thuyết động lực. Maslow, A. H. (1943). A theory of human motivation. *Psychological Review*.
- Niềm tin tổ chức. Dirks, K. T., & Ferrin, D. L. (2002). Trust in leadership: Meta-analytic findings and implications for research and practice. *Journal of Applied Psychology*, 87(4), 611–628. <https://doi.org/10.1037/0021-9010.87.4.611>
- Ninh, N. D. (2022). Developing intellectuals in Vietnam: Perspectives and reality. *International Journal of Health Sciences*, 6(S9), 1765–1775. <https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS9.12773>
- Quản trị nguồn nhân lực trí thức. Argote, L., & Ingram, P. (2000). Knowledge transfer: A basis for competitive advantage in firms. <https://doi.org/10.1006/obhd.2000.2893>
- Schuler, R. S., & Jackson, S. E. (1987). Linking competitive strategies with human resource management practices. *Academy of Management Executive*, 1(3), 207-219.
- Thanh, T. T. (2022). The policy of building and developing intellectuals to meet the needs of the Industrial Revolution 4.0. *Lex Humana*, 14(1), 307–323.

Niềm tin và kỳ vọng của trí thức trẻ đối với quá trình sáp nhập tỉnh và tinh gọn bộ máy

ThS. Chung Minh Tâm
Trường Đại học Mở TP.HCM

Đất nước ta đang bước vào một giai đoạn cải cách có ý nghĩa lịch sử: tinh gọn bộ máy, sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực điều hành và hướng tới phát triển bền vững. Trong tiến trình ấy, việc sáp nhập hai tỉnh **Đồng Nai và Bình Phước** không chỉ là một thay đổi về tổ chức, mà còn mở ra không gian phát triển mới, hiện thực hóa tầm nhìn liên kết vùng Đông Nam Bộ.

Chủ trương này được khởi xướng từ Đại hội XII và đẩy mạnh sau Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) với **Nghị quyết 18-NQ/TW (2017)**. Gần 8 năm triển khai cho thấy những bước tiến rõ rệt, nhưng vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng từ thực tiễn. Từ đầu năm 2024, với quyết tâm chính trị cao, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Tô Lâm, tiến trình tinh gọn tổ chức đã chuyển mình mạnh mẽ, đạt được những kết quả có tính đột phá trong giai đoạn đầu.

Việc sáp nhập Đồng Nai - Bình Phước kỳ vọng mang lại nhiều lợi ích thiết thực:

Phát triển kinh tế liên vùng: Tạo hành lang chiến lược kết nối TP.HCM - Tây Nguyên - Campuchia, phát huy lợi thế công nghiệp của Đồng Nai và quỹ đất nông - lâm nghiệp của Bình Phước.

Gia tăng cơ hội việc làm: Mở rộng thu hút đầu tư, phát triển khu công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao.

Cải thiện hạ tầng - dịch vụ công: Tái phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, nâng cấp hệ thống y tế, giáo dục, giao thông và hành chính công.

Tinh gọn bộ máy - giảm thủ tục: Đơn giản hóa quy trình, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Thúc đẩy đô thị hóa - liên kết vùng: Hình thành đô thị vệ tinh, tăng cường kết nối biên giới, phát triển kinh tế cửa khẩu.

Tuy nhiên, tiến trình này cũng đặt ra không ít thách thức: sự khác biệt văn hóa, mô hình quản trị, khả năng tổ chức... Điều cần thiết là có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đặt người dân làm trung tâm, bảo đảm sự hài hòa giữa các vùng.

Là một người con sinh ra tại Biên Hòa - Đồng Nai, sau thời gian học tập tại Phần Lan, Pháp và Vương quốc Anh, tôi đã lựa chọn trở về nước để sống, làm việc và đóng góp cho quê hương. Quyết định ấy không chỉ xuất phát từ tình cảm gia đình, mà còn từ một niềm tin mạnh mẽ vào tiềm năng phát triển của đất nước, nơi thế hệ trẻ có thể chủ động tham gia kiến tạo tương lai.

Khi biết đến chủ trương sáp nhập hai tỉnh quê hương, tôi nhìn thấy ở đó một cơ hội lớn để đổi mới mô hình quản trị địa phương, tận dụng lợi thế vùng, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và góc nhìn cá nhân, tôi xin chia sẻ một số kỳ vọng và đề xuất:

1. Xây dựng bộ máy hiệu quả và minh bạch

Tinh gọn có chọn lọc: Việc tái cấu trúc cần được thực hiện trên tinh thần tinh gọn thực chất, giảm tầng nấc trung gian, tránh hình thức, tăng tính chủ động và hiệu quả.

Rõ vai trò - rõ trách nhiệm: Bộ máy cần phân định chức năng rõ ràng, tránh chồng chéo, bảo đảm tính minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình trước nhân dân.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Loại bỏ vị trí không hiệu quả: Cần rà soát lại các vị trí kém hiệu suất, không còn phù hợp, tạo điều kiện cho đội ngũ tinh nhuệ hơn.

Tuyển dụng dựa trên năng lực: Thay vì dựa vào bằng cấp hình thức, hãy chú trọng đến hiệu quả công việc, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ.

Môi trường thu hút nhân tài: Tạo cơ chế đãi ngộ xứng đáng, khuyến khích sáng tạo, trao quyền phù hợp - là cách để thu hút và giữ chân người có năng lực, kể cả những người từng học tập, làm việc trong môi trường quốc tế.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Tự động hóa quy trình: Công nghệ là công cụ hữu hiệu để đơn giản hóa thủ tục, giảm can thiệp thủ công, từ đó tinh gọn bộ máy một cách bền vững.

Quyết sách dựa trên dữ liệu: Cần tăng cường sử dụng dữ liệu lớn và công cụ phân tích để hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, thay vì cảm tính.

4. Đổi mới tư duy và văn hóa công vụ

Chuyển từ “quản lý” sang “phục vụ”: Đây là thay đổi tư duy quan trọng, giúp bộ máy hành chính trở thành người đồng hành, tạo điều kiện thay vì kiểm soát.

Thúc đẩy sáng tạo và tinh thần trách nhiệm: Tạo môi trường khuyến khích đổi mới, giảm rào cản quy định cứng nhắc, và đề cao tinh thần chủ động – dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Kết luận

Từ góc nhìn của một trí thức trẻ đã có cơ hội tiếp cận nhiều mô hình quản trị tiên tiến, tôi có niềm tin vào quyết tâm chính trị và năng lực hành động của đất nước trong tiến trình cải cách lần này. Tôi cũng đặt nhiều kỳ vọng vào tỉnh mới được hình thành - không chỉ là sự cộng gộp địa giới hành chính, mà sẽ là một trung tâm phát triển hiện đại, nhân văn và bền vững.

Tôi tin rằng thế hệ trẻ - những người mang trong mình cả khát vọng đổi mới lẫn sự hiểu biết từ thực tiễn toàn cầu - sẽ đồng hành cùng chính quyền, chung tay góp sức trong chặng đường kiến tạo tương lai.

Tỉnh Đồng Nai mới - Chương mới cho lịch sử phát triển

TS. Nguyễn Xuân Tiến

Trường Đại học Văn hóa TP. HCM

Việc sáp nhập các tỉnh/thành - giảm từ 63 xuống còn 34 là một cải cách hành chính cấp quốc gia với tầm vóc to lớn, không chỉ đơn thuần đổi bản đồ tỉnh thành, mà là một bước ngoặt tái cấu trúc toàn diện để xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiện đại, đủ tầm đón đầu cơ hội trong kỷ nguyên mới.

Chúng ta cần hiểu rằng: sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh không phải là đánh mất bản sắc địa phương, mà là để nâng tầm địa phương, mở rộng không gian phát triển. Không phải là xóa bỏ lịch sử, mà là viết tiếp một chương mới với quy mô lớn hơn, tầm vóc cao hơn. Đây là lúc để toàn dân, toàn Đảng cùng nhau hành động vì lợi ích quốc gia - dân tộc, hùng cường hơn trong thế kỷ 21.

Bối cảnh lịch sử

Việt Nam trước đây có tới 63 tỉnh, thành phố, cấu trúc hành chính này vốn hình thành trong bối cảnh lịch sử đặc thù, nhưng đến nay đã bộc lộ rõ những giới hạn và trở thành một lực cản lớn đối với hiệu quả quản lý nhà nước cũng như năng suất quốc gia. Nhiều tỉnh quá nhỏ để phát triển độc lập, với dân số dưới 1 triệu người, thậm chí chỉ 300- 400 ngàn người, nguồn thu ngân sách thấp, cơ sở hạ tầng manh mún và mức độ phụ thuộc vào ngân sách trung ương rất cao. Bộ máy hành chính dàn trải, mỗi tỉnh có đầy đủ sở, ban, ngành – dẫn đến tình trạng trùng lặp chức năng, chồng chéo nhiệm vụ và chi phí hành chính không ngừng gia tăng. Bên cạnh đó, ranh giới địa giới hành chính cứng nhắc cũng đang cản trở nghiêm trọng việc tổ chức quy hoạch vùng, phát triển hạ tầng kết nối liên tỉnh và tối ưu hóa chuỗi giá trị theo không gian kinh tế.

Trong khi đó, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển theo chiều sâu – nơi tăng trưởng không thể tiếp tục dựa vào khai thác tài nguyên hay lao động giá rẻ, mà phải dựa vào năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và liên kết vùng hiệu quả. Những mục tiêu đó đòi hỏi các đơn vị hành chính phải có quy mô đủ lớn để quy hoạch dài hạn, hấp thụ đầu tư chiến lược, tổ chức không gian phát triển và điều phối các dòng vốn, dòng lao động, dòng công nghệ trên phạm vi vùng.

Mô hình hành chính nhỏ, manh mún như hiện nay không còn đủ sức phục vụ các chiến lược phát triển mới. Sáp nhập tỉnh chính là cách thiết kế lại đơn vị hành chính để phù hợp với yêu cầu phát triển thời đại. Hơn lúc nào hết, thời

điểm hiện nay hội tụ đủ các điều kiện để hành động. Về chính trị, Nghị quyết 60-NQ/TW đã định hướng rõ: đơn vị hành chính phải đủ lớn, đủ mạnh, không duy trì tình trạng tỉnh yếu kém, phụ thuộc kéo dài. Về pháp lý, Quốc hội đang hoàn tất quyết định. Về xã hội, niềm tin và kỳ vọng cải cách đang ở mức cao: người dân mong đợi một bộ máy hành chính phục vụ tốt hơn; doanh nghiệp mong muốn thủ tục đơn giản, tăng nấc gọn nhẹ và môi trường đầu tư minh bạch hơn. Sự đồng thuận chính trị - xã hội đã chín muồi. Nếu không thực hiện ngay, cơ hội lịch sử sẽ trôi qua, và đất nước sẽ tiếp tục bị kìm hãm bởi một thiết kế hành chính không còn phù hợp với tầm vóc phát triển mới.

Tầm nhìn cho không gian phát triển

Việc sáp nhập các tỉnh không chỉ là một cuộc cải cách hành chính đơn thuần, mà còn là đòn bẩy mạnh mẽ để kiến tạo các đơn vị hành chính có quy mô đủ lớn, đủ tầm phát triển và kết nối.

Trước hết, đó là điều kiện cần để hình thành các cực tăng trưởng mới trên bản đồ phát triển vùng. Các địa phương mới sẽ tạo ra không gian phát triển liên hoàn giữa đô thị trung tâm, vùng ven biển, đồng bằng và miền núi, từ đó kết nối chuỗi giá trị sản xuất - logistics - tiêu dùng - xuất khẩu một cách trọn vẹn. Ví dụ, riêng Đồng Nai chỉ có quy mô GRDP khoảng 260,3 ngàn tỷ đồng (2024)⁸, nhưng khi gộp thêm Bình Phước (GRDP khoảng 61.292,74 tỷ đồng)⁹, tổng GRDP có thể vượt 301 ngàn tỷ đồng và dân số hơn 4,4 triệu người, tương đương một tỉnh công nghiệp phát triển tầm trung tại Thái Lan.

Thứ hai, việc giảm từ 63 xuống còn 34 tỉnh thành sẽ kéo theo một sự tái cấu trúc toàn diện về bộ máy hành chính, giúp tinh gọn đầu mối và tiết kiệm chi phí vận hành đáng kể. Trước đây, mỗi tỉnh có trung bình 20-22 sở, ngành cấp tỉnh. Ước tính của một số chuyên gia cho thấy việc tinh giản này có thể giúp tiết kiệm đến cả nghìn tỷ đồng mỗi năm từ lương, chi thường xuyên và đầu tư trụ sở. Quan trọng hơn, những nguồn lực tiết kiệm được có thể tái đầu tư cho hạ tầng, giáo dục, y tế và chuyển đổi số - những lĩnh vực có sức lan tỏa lớn đến năng suất xã hội.

Thứ ba, các tỉnh quy mô lớn sẽ có năng lực tổ chức quy hoạch bài bản, triển khai chính sách kinh tế hiệu quả hơn và tăng sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư. Theo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024, các tỉnh có khả năng

⁸ **Tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai năm 2024 đạt 8,02%**, <https://www.dongnai.gov.vn/pages/newsdetail.aspx?NewsId=49551&CatId=145>

⁹ **Tình hình kinh tế xã hội tháng 12 và năm 2024**, <https://binhphuoc.gov.vn/vi/ctk/san-pham/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-12-va-nam-2024-723.html>

điều phối liên vùng như Quảng Ninh, Hải Phòng, Long An luôn nằm trong nhóm dẫn đầu. Ngược lại, những tỉnh nhỏ, thiếu kết nối và khó quy hoạch vùng thường tụt lại phía sau. Tỉnh lớn không chỉ thuận lợi trong đàm phán với các nhà đầu tư chiến lược mà còn hấp dẫn hơn với các tập đoàn xuyên quốc gia vốn yêu cầu quy mô thị trường và hạ tầng đủ tầm.

Thứ tư, sáp nhập tạo điều kiện để sử dụng ngân sách hiệu quả hơn và tăng năng suất đầu tư công. Một nghiên cứu đăng trên *SAGE Journals* năm 2021 cho thấy, mỗi 1% tăng chi đầu tư công, nếu được phân bổ hợp lý, có thể góp phần nâng GRDP địa phương thêm khoảng 0,196%. Việc duy trì quá nhiều tỉnh nhỏ đang khiến ngân sách quốc gia bị phân tán, đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp. Khi hợp nhất, các dự án sẽ được chọn lọc kỹ hơn, nguồn vốn được tập trung và quản lý tốt hơn, từ đó nâng cao hiệu quả chi tiêu công.

Thứ năm, các tỉnh lớn có lợi thế vượt trội trong việc tổ chức không gian phát triển vùng và điều phối hạ tầng liên tỉnh. Hiện nay, việc kết nối giao thông giữa TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương chỉ cách 40 km, vẫn mất gần hai giờ di chuyển vào giờ cao điểm do không có quy hoạch hạ tầng liên thông hiệu quả. Sự phối hợp giữa các tỉnh trong quy hoạch giao thông, logistics hay thoát nước đô thị còn lỏng lẻo và bị cản trở bởi ranh giới hành chính. Khi sáp nhập, nhiều dự án hạ tầng sẽ không còn bị "cắt khúc" bởi địa giới, từ đó giúp nâng cao năng lực điều hành, đồng bộ hóa quy hoạch và khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực.

Cuối cùng, sáp nhập tỉnh còn là công cụ hữu hiệu để thúc đẩy phát triển cân bằng giữa các vùng. Việc kết nối các tỉnh sẽ mở ra cơ hội phát triển các tuyến logistics xuyên vùng, các vành đai du lịch xanh - văn hóa - sinh thái, cũng như công nghiệp chế biến nông - lâm sản có giá trị gia tăng cao. Điều này không chỉ tăng cường liên kết vùng, mà còn thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong cả nước - một trong những mục tiêu cốt lõi của chính sách phát triển bền vững và bao trùm.

Triển khai cần đồng bộ, bài bản

Việc sáp nhập tỉnh không chỉ là một quyết định kỹ thuật, mà là một hành động chính trị có ý nghĩa chiến lược, thể hiện bản lĩnh cải cách của Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, tầm nhìn phát triển của Quốc hội, Chính phủ và khát vọng vươn lên của dân tộc. Tuy nhiên, để chuyển nhanh mà vẫn vững, cần triển khai bài bản, đồng bộ và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Trước hết, phải tổ chức lại bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả. Việc quy hoạch lại cơ quan, sắp xếp trụ sở, phân bổ nhân sự và giải

quyết chế độ cho cán bộ dôi dư cần bảo đảm minh bạch, công bằng và không gây xáo trộn xã hội.

Thứ hai, lộ trình thực hiện phải rõ ràng và khả thi. Khoảng thời gian ngắn đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương và sự vào cuộc nghiêm túc của địa phương.

Thứ ba, cần dẫn dắt truyền thông xã hội một cách chủ động. Phải nói rõ: sáp nhập là kiến tạo đơn vị hành chính đủ lớn để phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn.

Cuối cùng, chuyển đổi số phải được đặt ở trung tâm của quá trình tái tổ chức. Hệ thống dữ liệu số, nền tảng quản trị điện tử và công cụ giám sát thông minh sẽ giúp bộ máy mới vận hành hiệu quả, minh bạch và liên thông, thay vì chỉ thay đổi về mặt địa lý mà không cải thiện năng lực quản trị.

Cùng nhau hành động vì lợi ích của quốc gia - dân tộc

Thành công của cuộc cải cách này sẽ là minh chứng cho năng lực kiến tạo và bản lĩnh hành động của Đảng, Quốc hội và Chính phủ - những người dám vượt qua lối mòn, dám đối diện với lực cản, để mở đường cho một tương lai phát triển bền vững và toàn diện hơn. Nhưng để cuộc cải cách này thật sự đi vào cuộc sống, cần sự đồng lòng, đồng chí, đồng bộ, đồng loạt, đồng thời của cả hệ thống chính trị, từ Trung ương đến cơ sở; của mỗi cán bộ, đảng viên, và đặc biệt là của nhân dân.

Vai trò của Liên hiệp Hội Đồng Nai trong tập hợp, đoàn kết trí thức, định hình bản sắc văn hóa - lịch sử và thúc đẩy khoa học công nghệ tỉnh sau sáp nhập

Trần Hồng Quyết

Phó Chánh Văn phòng Liên hiệp các Hội KH&KT Đồng Nai

Kính thưa: Các đồng chí lãnh đạo và quý đại biểu.

Có thể nói việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước là một chủ trương lớn, đầy thử thách và cũng mở ra nhiều cơ hội. Trong tiến trình này, đội ngũ trí thức không chỉ đơn thuần là người chứng kiến hay phản biện, mà phải trở thành lực lượng chủ động góp phần kiến tạo tỉnh Đồng Nai mới - một đơn vị hành chính lớn mạnh cả về kinh tế, văn hóa lẫn khoa học công nghệ.

Tuy nhiên, để trí thức phát huy đúng vai trò, cần có một cơ chế tổ chức dẫn dắt, kết nối và bảo vệ tiếng nói chuyên môn - và đó chính là vai trò cốt lõi của Liên hiệp Hội.

1. Liên hiệp Hội - vai trò trung tâm trong tổ chức tập hợp và đoàn kết trí thức kết nối vào các hoạt động quan trọng của tỉnh

Trong điều kiện sau sáp nhập, việc sắp xếp lại hệ thống hội, cơ quan, tổ chức là điều tất yếu. Liên hiệp Hội Đồng Nai cần tiếp tục phát huy thế mạnh của mình là cầu nối để quy tụ lực lượng trí thức, duy trì mối liên kết giữa cá nhân trí thức với Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị xã hội của tỉnh.

Thông qua hoạt động phối hợp công tác với các hội thành viên, hội viên tổ chức chuyên ngành, Liên hiệp Hội tiếp tục làm cầu nối để trí thức phát huy vai trò trí tuệ đóng góp vào các hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các chủ trương, dự án, chương trình, chính sách quan trọng của tỉnh đặc biệt là: hoạt động tư vấn, phản biện các chủ trương phát triển địa phương, góp ý xây dựng các chương trình, quy hoạch vùng sau sáp nhập, bảo vệ di sản, di tích, bản sắc văn hóa truyền thống của hai tỉnh.

Đồng thời, Liên hiệp Hội cũng là nơi ghi nhận đóng góp, tôn vinh và bảo vệ quyền lợi chính đáng của trí thức, qua các Hội thi, Cuộc thi, các giải thưởng, hoặc hoạt động tôn vinh người trí thức trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ...

Trong không gian phát triển chung của tỉnh mới, nếu thiếu vắng tiếng nói phản biện từ đội ngũ trí thức, rất dễ nảy sinh những hệ quả không mong muốn. Một mặt, các giá trị văn hóa - xã hội đặc thù của từng địa phương có thể bị hòa lẫn một cách thiếu chọn lọc, dẫn tới hiện tượng "đồng hóa ngược" (tức là một nền văn hóa địa phương vốn có giá trị lại bị lùi sâu hoặc bị phủ mờ trong quá trình hợp nhất). Mặt khác, nếu các chiến lược phát triển chỉ thuần túy thiên về kỹ thuật - hành chính, thiếu sự dẫn dắt của tư duy nhân văn và phản biện khoa

học, thì rất dễ rơi vào trạng thái phát triển đơn chiều, máy móc (tức là “phát triển vô cảm”, xa rời nhu cầu thực chất của con người và cộng đồng).

Chính vì vậy, Liên hiệp Hội cần tiếp tục khẳng định vai trò là diễn đàn để đội ngũ trí thức cất lên tiếng nói có trách nhiệm, khách quan và mang hàm lượng tri thức khoa học cao, góp phần điều chỉnh và định hướng sự phát triển của tỉnh theo hướng hài hòa, bền vững và giàu bản sắc.

2. Liên hiệp Hội: Kết nối liên ngành, lan tỏa tinh thần trí thức tỉnh mới

Bên cạnh việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức chuyên sâu theo từng lĩnh vực, trong giai đoạn phát triển mới, tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập đặc biệt cần đến các nhóm chuyên gia liên ngành - những người có khả năng phối hợp đa lĩnh vực để giải quyết các vấn đề mang tính tổng hợp và liên kết như: đô thị hóa, biến đổi khí hậu, giao thoa văn hóa, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất, phát triển công nghiệp công nghệ cao như ngành bán dẫn... đúng theo định hướng của Nghị quyết 57 của Trung ương dành cho các địa phương.

Với đặc thù là tổ chức quy tụ các hội chuyên ngành và chuyên gia đa lĩnh vực, Liên hiệp Hội có thể mạnh đặc biệt trong việc tổ chức các nhóm tư vấn liên ngành, điều phối nguồn lực trí thức đến từ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, cũng như các nhà khoa học độc lập và nhà sáng chế trong và ngoài tỉnh.

Trong vai trò đó, Liên hiệp Hội không chỉ là nơi tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức, mà còn đóng vai trò như một trung tâm tư duy chiến lược - nơi ươm tạo ý tưởng, đề xuất giải pháp và phản biện chính sách từ góc nhìn khoa học.

Sau sáp nhập, tỉnh rất cần hình thành một bản sắc chung của đội ngũ trí thức. Đó là tinh thần năng động, khai phóng, chuyên môn vững nhưng luôn gắn bó với cộng đồng và không phân biệt nguồn gốc vùng miền. Việc xây dựng bản sắc ấy không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân, mà cần được tổ chức dẫn dắt, tạo điều kiện lan tỏa.

Liên hiệp Hội cần đi đầu trong việc hình thành một “Tuyên ngôn trí thức tỉnh Đồng Nai mới” không chỉ mang tính biểu đạt nhận thức, mà còn là cam kết hành động:

- Tham gia tư vấn, phản biện chính sách,
- Đồng hành trong các chương trình phát triển cộng đồng,
- Chủ động đề xuất ý tưởng, giải pháp thiết thực, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai mới văn minh, hiện đại và bền vững.

Đồng thời, cần thúc đẩy vai trò xã hội của trí thức thông qua các chương trình kết nối với doanh nhân, chủ doanh nghiệp, cùng nhau triển khai các hoạt động xã hội, chia sẻ tri thức, và ứng dụng khoa học công nghệ vào giải quyết các vấn đề thiết yếu trong đời sống, nhất là tại các địa bàn còn khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội.

Đó chính là cách để đội ngũ trí thức không đứng ngoài cuộc, mà trở thành lực lượng nòng cốt trong việc định hình bản sắc văn hóa - lịch sử và thúc đẩy khoa học công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập.

Dưới đây tôi xin đề xuất một số giải pháp cụ thể trong hoạt động của Liên hiệp Hội nhằm góp phần định hình bản sắc văn hóa lịch sử và thúc đẩy khoa học công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập để Hội thảo cùng trao đổi thảo luận:

1. Đẩy mạnh công tác phối hợp với Hội Khoa học lịch sử, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai và một số ngành liên quan tổ chức các Hội thảo khoa học về văn hóa, giữ gìn bản sắc lịch sử; thúc đẩy truyền thông khoa học văn hóa

Kết quả của Hội thảo, Hội nghị nói trên có thể phối hợp xuất bản bản tin làm thông tin định hướng, tuyên truyền trong tỉnh. Đồng thời tổ chức thêm các chuyên đề, tọa đàm chuyên sâu về bảo tồn di tích, lễ hội, văn hóa phi vật thể - tạo diễn đàn để trí thức phân tích, đề xuất định hướng bảo tồn và phát triển phù hợp trong không gian văn hóa lịch sử của hai tỉnh khi sáp nhập.

Thúc đẩy truyền thông khoa học văn hóa bằng việc đẩy mạnh xuất bản bản tin chuyên đề, tọa đàm trên truyền hình, mạng xã hội tạo sức lan tỏa đến các địa phương trong tỉnh.

2. Phát huy vai trò của Liên hiệp Hội trong tuyên truyền, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào đời sống

Tiếp tục thực hiện chức năng tổ chức nghiên cứu, phối hợp chuyển giao công nghệ, ứng dụng KH-CN vào đời sống và sản xuất trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kết nối chuyên gia từ Hội Tin học, Y tế cộng đồng, Sở KH-CN trong tổ chức tọa đàm định kỳ “Nhịp cầu Trí thức” trên sóng của Báo và Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai. Phát huy vai trò tư vấn, phản biện xã hội, giám định dự án trọng điểm với tư duy khoa học, minh bạch và trách nhiệm xã hội.

3. Tăng cường xây dựng mạng lưới trí thức đa lĩnh vực

Liên hiệp Hội Đồng Nai sau sáp nhập dự kiến gần 40 Hội thành viên, hội viên tổ chức với gần 55.000 trí thức (trên 50% từ cao đẳng trở lên), tập hợp đa ngành đa lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn cần chú trọng việc mở rộng kết nối với hệ thống VUSTA, Liên hiệp Hội các tỉnh, thành khác, và tổ chức khoa học đa ngành và khai thác kinh nghiệm sáp nhập tỉnh ở những địa phương lân cận hoặc tiêu biểu trong cả nước.

Tiếp tục củng cố hệ thống hội viên, cổ vũ trí thức trẻ, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp, hiến kế vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đặc biệt là những đóng góp vào phát triển công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn của tỉnh, mở rộng kết nối sáng tạo và nghiên cứu đa lĩnh vực khi cần.

4. Xây dựng cơ chế phối hợp hoàn chỉnh: Sớm bổ sung hoàn thiện Quy chế phối hợp với các cấp ủy, Sở - ngành, UBND tỉnh về tư vấn, phản biện, tổ chức hoạt động trí thức trong tình hình mới.

5. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu: Tổ chức các khóa kỹ năng phản biện chính sách, nghiên cứu khoa học công nghệ, kể cả chương trình ngắn hạn quốc tế cho cán bộ làm việc ở Liên hiệp Hội, các Hội thành viên, hội viên tổ chức.

Trên đây là một số ý kiến, quan điểm của cá nhân tôi đối với việc phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai trong việc tập hợp đoàn kết trí thức đối với định hình bản sắc văn hóa lịch sử và thúc đẩy khoa học công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập. Rất mong nhận được sự trao đổi, đóng góp của các đại biểu dự Hội thảo cho bài tham luận nói trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Tổ chức Hội thảo đã cho tôi có cơ hội để trao đổi trong diễn đàn khoa học ý nghĩa này. Trân trọng cảm ơn Quý vị đã quan tâm, theo dõi.

Cuối cùng tôi xin được gửi đến Quý vị lãnh đạo, cùng toàn thể đại biểu dự Hội thảo dồi dào sức khỏe và gặp nhiều may mắn, thuận lợi trong cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Mở rộng không gian địa lý gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai mới

ThS. Trần Quang Toại

Chủ tịch Hội khoa học Lịch sử Đồng Nai

Kính thưa quý lãnh đạo, quý đại biểu, thưa toàn thể hội nghị,

Tôi xin phép được trình bày tham luận với chủ đề “Mở rộng không gian địa lý gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai mới” - một nội dung theo tôi là quan trọng, thiết thực và mang tính chiến lược lâu dài trong bối cảnh sáp nhập hai tỉnh thành một đơn vị hành chính mới.

I. Bối cảnh và mục tiêu sáp nhập

Sáp nhập Đồng Nai và Bình Phước, là một bước đi chiến lược của Trung ương để tái cấu trúc không gian phát triển vùng Đông Nam Bộ. Sự bổ sung về địa lý - kinh tế - lịch sử giữa hai tỉnh này có thể tạo ra một động lực phát triển mới, nhưng cũng cần tính toán kỹ để đảm bảo hiệu quả, đồng thuận xã hội và hài hòa lợi ích.

Chủ trương sáp nhập hai tỉnh không chỉ là động tác mang tính cơ học, mà là một cuộc cải tổ nếu không nói là cách mạng về tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội. Đó là xu hướng tất yếu trong quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước hiện nay.

Tuy nhiên, khi không gian địa lý - hành chính được mở rộng, không chỉ đòi hỏi nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý điều hành phải có tâm, có tài và tầm nhìn, mà một vấn đề rất lớn đặt ra là: làm sao để bảo tồn và phát huy được bản sắc văn hóa đặc sắc của từng vùng trên cơ sở tài nguyên và tiềm năng về văn hóa, lịch sử, du lịch của hai tỉnh, tránh tình trạng đồng hóa, mai một hoặc lãng quên những giá trị đã hình thành từ hàng trăm năm. Trong vấn đề này cần có sự tham gia của đội ngũ chuyên gia trí thức khoa học, am hiểu chuyên môn, đặc trưng thể mạnh của địa phương hai tỉnh cùng phối hợp.

Như vậy, theo tôi việc sáp nhập hai tỉnh phải đạt 3 mục tiêu:

- Mở rộng không gian không gian địa lý hành chính: Tạo ra một đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn, dễ quy hoạch tổng thể hơn.

- Bổ sung thể mạnh kinh tế: *Đồng Nai* mạnh về công nghiệp, dịch vụ và đô thị hóa. *Bình Phước* có thể mạnh về nông nghiệp, tài nguyên và tiềm năng du lịch sinh thái - văn hóa.

- Tăng cường liên kết vùng và quốc tế: Phát triển hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong hợp tác với các tỉnh bạn (như Bình Dương, TP.HCM, Tây Ninh, Lâm Đồng...) và kết nối xuyên biên giới với Campuchia.

Để đạt được các mục tiêu trên hãy tìm hiểu xem sự tương đồng giữa hai tỉnh Đồng Nai, Bình Phước về lịch sử, văn hóa truyền thống, di tích lịch sử, bản sắc dân tộc thiểu số phong phú và độc đáo.

II. Đặc điểm địa lý và tính tương đồng hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước trong lịch sử

1. Về lịch sử hình thành

Biên Hòa và Bình Phước là vùng đất mới nằm trong quá trình mở đất từ thời các chúa Nguyễn vào Nam, gắn bó nhau qua lịch sử hình thành vùng đất và địa lý hành chính trong lịch sử. Năm 1808, Bình Phước, Đồng Nai nằm trong đất Trấn Biên, rồi Trấn Biên Hòa với 2 phủ: phủ Phước Long (gồm các huyện Phước Chánh, Bình An, An Ngãi, Phước Bình) và phủ Phước Tuy (gồm các huyện Long Thành, Phước An, Long Khánh); có diện tích tự nhiên trên 17.000 km².

Vào giai đoạn này, tỉnh Bình Phước chưa được tổ chức thành một đơn vị hành chính riêng biệt. Vùng đất này chủ yếu là đất rừng, thưa dân, chủ yếu là nơi sinh sống của các dân tộc bản địa như S'tiêng, M'ông, Khmer...

Ngày 20-12-1899, Toàn quyền Đông Dương Jules Georges Piquet ký Nghị định lập lại thành tỉnh Biên Hòa¹⁰ sau một thời gian lập Tiểu khu hành chính. Tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương), Bà Rá (nay thuộc tỉnh Bình Phước). Tổ chức hành chính này được giữ đến năm 1945.

Năm 1956 chính quyền Sài Gòn tách phần phía bắc của tỉnh Thủ Dầu Một để lập tỉnh mới tên là Bình Long, tỉnh lỵ là thị xã An Lộc (nay là thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước). Cùng năm này tỉnh Phước Long thành lập, tách từ vùng đất phía đông bắc của tỉnh Biên Hòa và phía tây của tỉnh Lâm Đồng, tỉnh lỵ: Thị xã Phước Bình (nay là thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước).

Hai tỉnh Bình Long và Phước Long (cả chính quyền Sài Gòn và chính quyền kháng chiến) tồn tại đến năm 1975. Sau 1975 hai tỉnh Bình Long và Phước Long hợp cùng Thủ Dầu Một thành tỉnh Sông Bé. Đến năm 1997 thì chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

2. Hai tỉnh Đồng Nai, Bình Phước có truyền thống trong kháng chiến

Cả hai tỉnh đều nằm trong khu vực miền Đông Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Khu ủy miền Đông rồi Phân liên khu miền Đông.

+ *Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*

Từ năm 1947, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập Phòng quốc dân thiểu số, mở rộng địa bàn chiến khu Đ về phía Bắc và gây dựng cơ sở cách mạng khu vực quốc lộ 14, trong các vùng cao su Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành. Tháng 12-

¹⁰ Tỉnh Biên Hòa chính thức hoạt động từ 1-1-1890.

1947, Chi đội 10 Biên Hòa¹¹ đánh trận Đồng Xoài tiêu diệt một số xe thiết giáp của quân Pháp. Qua kinh nghiệm này, ngày 1-3-1948, Chi đội 10 Biên Hòa cùng lực lượng quân khu mở trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 (khu vực nay thuộc huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai) giành thắng lợi vang dội. Tháng 7-1951, huyện Tân Uyên và huyện Hớn Quản sáp nhập lại thành huyện căn cứ Đồng Nai¹². Phạm vi Chiến khu Đ được mở rộng, bề dài 70km, bề rộng 60km, diện tích 3.700km², dân số 10.000 người¹³. Đến cuối giai đoạn kháng chiến chống Pháp chiến khu Đ đã mở rộng lên hướng Bình Phước.

+ *Trong chống Mỹ (1954-1975)*

Biên Hòa, Bình Phước đều có vị trí chiến lược quân sự quan trọng ở miền Đông Nam Bộ. Đặc biệt, hai tỉnh đã có nhiều đóng góp để hình thành đường chiến lược Trường Sơn (sau trở thành đường Hồ Chí Minh trên bộ). Tháng 5-1959, thực hiện Nghị quyết XV Trung ương (khóa II), Trung ương thành lập Đoàn 559 mở đường vào chiến trường miền Đông để chi viện nhân lực và phương tiện chiến tranh cho miền Nam. Theo chỉ đạo của Phân liên khu miền Đông, tỉnh ủy Biên Hòa và Bình Phước thành lập C200 xuất phát từ chiến khu Đ ngược lên phía Bắc để đón đoàn xe đường B90 của Trung ương từ Bắc vào, địa điểm hai đoàn gặp nhau vào tháng 10-1961 ở suối Dak Rti thuộc tỉnh Bình Phước. Đường Trường Sơn - con đường huyền thoại Hồ Chí Minh hình thành có ý nghĩa to lớn đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.

Bình Phước có trận An Lộc năm 1972 trong chiến dịch Xuân - Hè 1972, mở vùng giải phóng Lộc Ninh, Tà Thiết trở thành thủ đô chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Có chiến dịch đường 14- Phước Long giải phóng tỉnh lỵ Phước Long một tỉnh đầu tiên được giải phóng ở miền Nam. Thì Biên Hòa nổi tiếng với Chiến khu Đ, Chiến khu Rừng Sác; cuộc vượt ngục Tân Hiệp (2-12-1956), trận đánh Nhà Xanh (7-7-1959 - văn phòng phái bộ quân sự Mỹ MAAG ở Gò Me (nay nằm trong khuôn viên trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai)...; những trận đánh vào sân bay quân sự Biên Hòa, Tổng kho Long Bình (từ 1966-1972) tiêu diệt nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và Sài Gòn. Có chiến dịch Xuân Lộc (từ ngày 9 đến 21-4-1975) giải phóng thị xã Long Khánh, mở đường cho chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26-4-1975) toàn thắng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

¹¹ Thành lập tháng 6-1946, đơn vị vũ trang của Quân khu 7 nhưng đứng chân hoạt động ở tỉnh Biên Hòa (bao gồm Bình Phước).

¹² Huyện ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính, Mặt trận, Huyện đội, Công an và các cơ quan khác của huyện đều đứng chân ở Chiến khu Đ. Do bị địch chia cắt, sự lãnh đạo, chỉ đạo từ Chiến khu Đ về địa bàn Hớn Quản gặp nhiều khó khăn, cuối năm 1951, huyện Hớn Quản tách ra như cũ; huyện Đồng Nai mới còn lại các xã vùng trung tâm Chiến khu Đ như Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, Cộng Hòa, Chánh Hưng, Dân Chủ. Vùng Bà Đã, Sinh, Đất Cuốc, Đất Đạo nhập lại thành lập xã mới, gọi là Thanh Lâm.

¹³ Trung ương Cục miền Nam (1952), *Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952*, lưu trữ Phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, tài liệu LS. 164, tr. 1-2.

Trong kháng chiến, đồng bào các dân tộc ít người cả Bình Phước và Biên Hòa - Đồng Nai đều một lòng theo kháng chiến, tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng. Bình Phước nổi tiếng với sóc Bom Bo, với đội ngũ công nhân cao su Hớn Quản, Lộc Ninh, Chơn Thành kiên cường một lòng hướng theo cách mạng; thì Biên Hòa có khu dân tộc Chơ ro ở Tà Lài, Lý Lịch hết lòng hết sức vì kháng chiến, với đội ngũ công nhân cao su Bình Sơn, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, Túc Trưng... anh hùng.

3. Hai tỉnh Đồng Nai, Bình Phước có tài nguyên, tiềm năng phát triển du lịch

Tỉnh Đồng Nai mới (bao gồm tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước), có diện tích tự nhiên 12.737,18 km², quy mô dân số 4.491.408 người, 95 đơn vị hành chính cấp xã, phường. Cả hai địa phương có sự gắn bó lâu đời về lịch sử, tự nhiên đa dạng, phong phú, truyền thống đấu tranh; có sự tương đồng về dân tộc cùng sinh sống lâu đời như S'tiêng, Chơ ro, M'Nông, K'Ho...

Những chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường Biên Hòa, Bình Phước để lại truyền thống và nhiều di tích lịch sử cách mạng, trở thành tiềm năng du lịch ở hai tỉnh. Bia vượt ngục Tà Lài, Bà Rá, Sóc Bom Bo, Tà Thiết, Đồng Xoài, Lộc Ninh, Chiến khu Đ, Rừng Sác, La Ngà, căn cứ Trung ương Cục miền Nam...

Bình Phước có núi Bà Rá, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. Đồng Nai có khu du lịch núi Chúa Chan, khu Bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai. Hai tỉnh có chung Vườn Quốc gia Cát Tiên, nhiều vườn cây ăn trái nổi tiếng ở Long Khánh, Long Thành, Xuân Lộc... và nhiều di tích khảo cổ.

Việc sáp nhập hai tỉnh sẽ mở rộng không gian kinh tế, đối ngoại và bổ sung thế mạnh của nhau để cùng phát triển. Việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước không chỉ là bài toán về hành chính - kinh tế, mà còn là thách thức và cơ hội lớn để kết nối bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đa dạng và phong phú, truyền thống lịch sử - di sản đặc sắc của cả hai vùng. Cả Đồng Nai và Bình Phước lại đều có những giá trị văn hóa truyền thống. Vì vậy, để bảo tồn và phát huy các giá trị này sau khi sáp nhập, cần có chiến lược cụ thể, toàn diện và thực tiễn.

4. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển du lịch

Với tài nguyên thiên nhiên phong phú, lịch sử đa dạng, nhiều di tích lịch sử cách mạng và tín ngưỡng, văn hóa dân tộc bản địa... Đồng Nai, Bình Phước (tỉnh Đồng Nai mới) có đủ nguồn lực phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và tăng cường bản sắc vùng miền trong giai đoạn mới. Để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa khi mở rộng không gian địa lý, chúng ta cần một chiến lược đồng bộ, theo tôi cần tập trung vào một số nhóm giải pháp chính sau:

4.1. Tích hợp văn hóa vào quy hoạch phát triển vùng:

- Xây dựng bản đồ di sản văn hóa, tích hợp vào quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh sau sáp nhập.

- Xác định rõ vùng văn hóa trọng điểm, phân vùng bảo tồn và phát triển hợp lý.

4.2. Bảo tồn và phát triển di sản:

- Rà soát, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Đề xuất xếp hạng mới các di tích và lễ hội truyền thống có giá trị.

- Hỗ trợ các nghệ nhân dân gian, người giữ gìn tri thức bản địa.

4.3. Phát triển du lịch gắn với bản sắc văn hóa:

- Xây dựng tuyến du lịch liên kết văn hóa - sinh thái - cộng đồng, kết nối Đồng Nai - Bình Phước thành một hành trình khám phá văn hóa phong phú.

- Phát triển du lịch làng nghề, lễ hội, du lịch nông nghiệp.

- Tăng cường quảng bá văn hóa qua công nghệ số, mạng xã hội, bảo tàng ảo.

4.5. Giáo dục, truyền thông, sự tham gia cộng đồng:

- Đưa giáo dục văn hóa địa phương vào nhà trường, tổ chức các lớp học di sản cho thanh thiếu niên.

- Vận động người dân địa phương tham gia gìn giữ, giới thiệu văn hóa dân tộc mình.

- Tổ chức lễ hội giao lưu văn hóa hai tỉnh, làm nổi bật tinh thần “hội nhập nhưng không hòa tan”.

III. Kiến nghị

Mở rộng không gian địa lý là cơ hội lớn để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, nhưng chỉ thực sự bền vững khi bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy đúng mức. Giữ được văn hóa là giữ được “hồn cốt”, là duy trì “sức mạnh mềm”, là làm giàu thêm giá trị tinh thần cho mỗi người dân. Mong rằng, quá trình sáp nhập hai tỉnh sẽ không chỉ là sự thay đổi về địa giới hành chính, mà còn là bước chuyển mình mang tính nhân văn, kế thừa và sáng tạo văn hóa, để Đồng Nai và Bình Phước trở thành một hình mẫu trong phát triển bền vững.

Từ đó, tôi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sau sáp nhập cần thành lập Ban chỉ đạo về văn hóa - di sản và bản sắc Đồng Nai, có chức năng tư vấn, giám sát và điều phối thực hiện các chính sách bảo tồn văn hóa trong không gian mới.

Kiến nghị Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch có chính sách hỗ trợ đặc thù đối với những địa phương tiến hành sáp nhập hành chính, trong đó nhấn mạnh việc bảo tồn bản sắc văn hóa gốc thông qua Chương trình quốc gia về Mục tiêu văn hóa.

Tài liệu tham khảo:

- *Địa chí tỉnh Đồng Nai. Nxb Đồng Nai. 2007*
- *Địa chí tỉnh Bình Phước. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội. 2005*
- *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước 1930-2020. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội. 2020*
- *Địa danh hành chính lịch sử văn hóa tỉnh Đồng Nai. Nxb Đồng Nai. 2013*
- *Lịch sử Đảng bộ miền Đông lãnh đạo hai cuộc kháng chiến. Nxb Chính trị quốc gia. 2003*
- *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990). Nxb Trẻ TP HCM. 1993*
- *Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai Tập II. Nxb Đồng Nai. 2000*
- *Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai Tập III. Nxb Đồng Nai. 2000*

Xây dựng bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập: Thuận lợi, thách thức và đề xuất chiến lược

PGS.TS. Trần Hoài Anh
Trường Đại học Văn hóa TP.HCM

I. Mở đầu

Ngày 1/7/2025, theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước chính thức sáp nhập, hình thành tỉnh Đồng Nai mới với trụ sở hành chính đặt tại thành phố Biên Hòa. Sự kiện này không chỉ mang ý nghĩa hành chính đơn thuần mà còn đặt ra một yêu cầu chiến lược: xây dựng bản sắc văn hóa tỉnh mới như một nền tảng cho sự phát triển bền vững, hài hòa và hội nhập.

Bản sắc văn hóa trong bối cảnh này không chỉ là việc bảo tồn di sản, mà còn là quá trình hình thành một hệ giá trị chung, phản ánh sự đa dạng, dung hợp và năng lực phát triển của tỉnh mới. Tham luận này nhằm phân tích những thuận lợi và thách thức trong tiến trình đó, đồng thời đề xuất một số định hướng và chiến lược cụ thể nhằm xây dựng bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai mới.

II. Thuận lợi

1. Lợi thế địa lý - lịch sử

Tỉnh Đồng Nai mới có vị trí chiến lược quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng Nai (cũ) là tỉnh công nghiệp phát triển mạnh, với hơn 12.000 ha các cụm và khu công nghiệp, giáp ranh TP. Hồ Chí Minh và sở hữu sân bay quốc tế Long Thành - một trong những dự án hạ tầng lớn nhất cả nước. Trong khi đó, Bình Phước mang đặc trưng sinh thái rừng phong phú, nhiều di tích cách mạng và đa dạng dân tộc thiểu số, tạo nên một nền tảng văn hóa sâu dày.

Sự kết hợp này tạo nên một “bản sắc kép”: công nghiệp - sinh thái, hiện đại - truyền thống, tiềm ẩn khả năng cộng hưởng trong phát triển văn hóa và kinh tế.

2. Con người - văn hóa

Tỉnh mới có quy mô dân số gần 4,3 triệu người. Trong đó, Đồng Nai có hơn 3,1 triệu cư dân chủ yếu làm việc trong các khu công nghiệp và dịch vụ. Bình Phước có khoảng 1,2 triệu người, với 30- 40% dân số sống ở nông thôn, trong đó dân tộc thiểu số chiếm đến 20% (S'tiêng, Khmer, M'ông...).

Sự kết hợp giữa “bản lĩnh công nghiệp” của cư dân đô thị hóa nhanh và “trái tim sinh thái” của cộng đồng dân tộc mang lại hình ảnh tỉnh mới năng động, sáng tạo nhưng vẫn giữ được truyền thống cộng đồng.

3. Di sản văn hóa phong phú

Đồng Nai có các di tích như Văn miếu Trấn Biên, Nhà lao Tân Hiệp, làng bươi Tân Triều, mang đậm dấu ấn văn hóa vùng Gia Định xưa. Bình Phước có

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, di tích Sóc Bom Bo và Vườn Quốc gia Bù Gia Mập - vốn là di sản thiên nhiên và lịch sử quý giá. Sự đa dạng này tạo điều kiện lý tưởng để phát triển các tour trải nghiệm giáo dục - du lịch văn hóa kết hợp công nghiệp và sinh thái.

III. Thách thức

1. Chênh lệch kinh tế - xã hội

Sự chênh lệch kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh cũ Đồng Nai và Bình Phước là một thực tế đáng lưu ý, thể hiện rõ qua các chỉ số tổng hợp của năm 2024:

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh Đồng Nai đạt khoảng 260,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 8,02% so với năm trước. Trong khi đó, GRDP của tỉnh Bình Phước đạt 115,4 nghìn tỷ đồng, với mức tăng trưởng 9,32%.

GRDP bình quân đầu người của Đồng Nai đạt khoảng 148,9 triệu đồng/người/năm (tương đương 5.500 USD), trong khi của Bình Phước là khoảng 108,5 triệu đồng/người/năm (tương đương 3.860 USD). Đây là một khoảng cách không nhỏ, phản ánh sự khác biệt về năng suất lao động, cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển giữa hai địa phương.

Nếu không có chính sách phân bổ nguồn lực một cách hợp lý, hài hòa và có tính đến đặc thù địa phương, tình trạng này có thể dẫn đến tâm lý mặc cảm, cảm giác bất công hoặc sự chênh lệch trong cơ hội phát triển giữa các vùng sau sáp nhập. Do đó, việc xây dựng cơ chế điều tiết tài chính - kỹ thuật, hỗ trợ hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực cho các khu vực còn khó khăn là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm sự phát triển đồng đều và bền vững trong toàn tỉnh mới.

2. Sự khác biệt về dân tộc - phong tục

Bình Phước có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao (20%), trong khi Đồng Nai chủ yếu là người Kinh, có thêm một số nhóm Khmer, Hoa... Sự đa dạng này là lợi thế nhưng cũng đặt ra thách thức: làm sao để tránh tình trạng mất đồng nhất và nguy cơ “hòa tan” bản sắc của các cộng đồng yếu thế.

3. Thiếu chiến lược bản sắc - truyền thông

Tỉnh mới hiện chỉ có tên gọi và trụ sở hành chính. Việc xây dựng khẩu hiệu, bộ nhận diện, chiến lược truyền thông và công cụ kết nối cộng đồng chưa được triển khai đầy đủ. Thiếu vắng một hình ảnh tỉnh mới đồng bộ có thể gây khó khăn trong việc truyền tải thông điệp phát triển.

4. Tâm lý e ngại và thiếu đại diện

Một bộ phận người dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số, còn tâm lý e ngại bị “lấn át”, mất vai trò trong tỉnh mới. Việc đảm bảo tiếng nói và hình ảnh đại diện của các nhóm văn hóa này là cần thiết để xây dựng niềm tin và sự gắn kết.

IV. Đề xuất chiến lược xây dựng bản sắc

1. Chiến lược bản sắc văn hóa cấp tỉnh

Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng bản sắc với thành phần đa ngành: nhà nghiên cứu văn hóa, đại diện tôn giáo, tổ dân tộc thiểu số, truyền thông.

Xác định hệ giá trị cốt lõi của tỉnh mới: ví dụ “Sáng tạo - Hội nhập - Trách nhiệm - Tôn trọng đa dạng”.

Xây dựng bộ nhận diện gồm: logo, slogan, nhạc ca, màu sắc thị giác... truyền tải hình ảnh tỉnh Đồng Nai mới.

Gắn kết bản sắc vào chiến lược kinh tế: phát triển du lịch công nghiệp - sinh thái, liên kết giáo dục - văn hóa vùng miền.

2. Phát triển không gian giao lưu văn hóa

- Tổ chức “Tuần lễ Bản sắc Đồng Nai” định kỳ theo lịch luân phiên theo từng khu vực (Liên xã/Phường)

- Thành lập “Trung tâm Văn hóa Hội tụ” làm nơi giáo dục, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức hội thảo.

- Hỗ trợ sáng tác nghệ thuật, báo chí, phim tài liệu về bản sắc tỉnh mới.

3. Phong trào “Công dân tỉnh mới”

- Tôn vinh các cá nhân, cộng đồng có đóng góp giữ gìn và lan tỏa bản sắc.

- Tích hợp các đặc trưng của hai vùng/miền (Đồng Nai - Bình Phước) vào môn học “Giáo dục địa phương”, vào trường học;

- Tiến hành khảo sát xã hội học định kỳ để đo lường chỉ số gắn kết văn hóa và tự hào địa phương.

4. Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu

- Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ về quản lý đa văn hóa, truyền thông, xử lý xung đột văn hóa.

- Xây dựng chuyên ngành Văn hóa ứng dụng và Mở Mã ngành “Địa phương học” tại các trường đại học địa phương.

5. Phát huy vai trò tôn giáo - tín ngưỡng

- Tích hợp hoạt động cộng đồng qua các tổ chức tôn giáo (Công nhận Cây Di sản, Bảo tồn và trồng cây dược liệu, truyền thông Bảo vệ môi trường...).

- Thiết lập cơ chế tham vấn định kỳ giữa lãnh đạo tỉnh và đại diện tôn giáo - dân tộc.

V. Bản sắc văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

Chiến lược xây dựng bản sắc văn hóa không chỉ là vấn đề xã hội - văn hóa mà còn tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế. Các mô hình như:

- Du lịch công nghiệp - sinh thái: Kết hợp tham quan nhà máy - Khu Công nghiệp, rừng Nam Cát Tiên, Bù Gia Mập, Thảm cỏ xanh Bình Phước, Trảng cỏ Bù Lạch, trải nghiệm văn hóa công chiêng...

- Phát triển sản phẩm địa phương: sầu riêng Bình Phước, bưởi Tân Triều, hàng thủ công mỹ nghệ dân tộc ít người...

- Xúc tiến đầu tư dựa trên bản sắc: quảng bá hình ảnh tỉnh mới thân thiện, đa dạng và bền vững.

- Một bản sắc văn hóa rõ ràng sẽ mang tính hấp dẫn đầu tư, nâng cao chất lượng sống, thu hẹp khoảng cách phát triển xã hội.

VI. Kết luận

- Việc sáp nhập hai tỉnh là cơ hội tốt để hình thành một tỉnh mới với tầm nhìn chiến lược: hội tụ về không gian, liên kết về kinh tế và gắn kết về bản sắc. Quá trình xây dựng tỉnh Đồng Nai mới cần lấy văn hóa làm nền tảng, đồng thuận làm động lực và sáng tạo làm phương tiện.

- Bản sắc văn hoá không chỉ là thứ “nên có”, mà là điều “cần có” để tỉnh mới phát triển hài hòa, bền vững và khơi mở một tương lai chung. Thành công phụ thuộc vào tầm nhìn dài hạn và sự vào cuộc của toàn thể hệ thống chính trị - xã hội - cộng đồng.

Vai trò của trí thức trong việc định hình bản sắc văn hóa, lịch sử và khoa học công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập

TS. Bùi Quang Xuân

Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Kính thưa quý đại biểu, quý đồng nghiệp, thưa toàn thể hội thảo,

Mỗi vùng đất trên bản đồ Tổ quốc đều mang trong mình một dòng chảy lịch sử, một tầng sâu văn hóa và một khát vọng phát triển riêng biệt. Đồng Nai - vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi giao thoa giữa truyền thống và hiện đại đang bước vào một giai đoạn đặc biệt: tiến trình sáp nhập đơn vị hành chính mở ra cơ hội tái định hình tâm vóc và bản sắc tỉnh nhà trong một diện mạo mới.

Nhưng làm thế nào để giữa làn sóng chuyển mình ấy, chúng ta không đánh rơi những giá trị đã hun đúc nên căn cốt của Đồng Nai? Ai sẽ là người kết nối quá khứ - hiện tại - tương lai một cách bản lĩnh và sáng tạo? Câu trả lời, tôi tin, nằm nơi vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức.

Đồng Nai đang đứng trước một thời khắc lịch sử khi tiến trình sáp nhập hành chính được triển khai nhằm tái cơ cấu bộ máy, nâng cao hiệu quả quản trị và thúc đẩy phát triển toàn diện. Trong biến động hành chính - địa lý ấy, có một yếu tố cần được nhìn nhận không chỉ như nền tảng mà còn là động lực nội sinh: vai trò của đội ngũ trí thức trong việc định hình bản sắc văn hóa, lịch sử và khoa học công nghệ cho một Đồng Nai mới- bản sắc mà hiện đại, đổi mới mà sâu rễ bền gốc.

Đây không chỉ là một yêu cầu về mặt chính sách, mà là một đòi hỏi tự nhiên của tiến trình phát triển bền vững - nơi bản sắc văn hóa là căn cước địa phương, khoa học công nghệ là động cơ tăng trưởng, và đội ngũ trí thức là lực lượng hạt nhân cho mọi chuyển hóa xã hội.

Trong khuôn khổ hội thảo hôm nay, tôi xin được chia sẻ tham luận với một niềm tin sâu sắc: trí thức không chỉ là "tài sản tinh thần" của xã hội mà còn là "người kể chuyện" vĩ đại cho một Đồng Nai đang chuyển mình - nơi văn hóa, lịch sử và khoa học công nghệ không chỉ được giữ gìn, mà còn được làm mới, được lan tỏa, và được dẫn dắt đi xa hơn.

1. Định hình bản sắc văn hóa - giữ hồn cốt cho Đồng Nai mới

Sau sáp nhập, việc mở rộng không gian địa lý và dân số sẽ dẫn tới đa dạng hóa hệ sinh thái văn hóa, phong tục, tín ngưỡng. Đây là một lợi thế lớn nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ đồng hóa hoặc lãng quên những giá trị truyền thống từng gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng.

Trí thức - với vốn hiểu biết liên ngành và năng lực kết nối tri thức hiện đại với tinh thần dân tộc - đóng vai trò người gìn giữ và chuyển hóa bản sắc. Đó là những nhà nghiên cứu văn hóa lịch sử, nhà giáo dục, nhà sáng tạo nội dung,

người làm công tác xã hội, nghệ sĩ và học giả - những người không chỉ kể lại câu chuyện xưa, mà còn biết chọn lọc, tái thiết và định hướng cho di sản ấy sống dậy trong đời sống đương đại.

Trong kỷ nguyên số, bản sắc không chỉ còn là hình thức biểu hiện mang tính lễ nghi - mà cần được số hóa, lưu giữ, kể lại qua công nghệ, qua giáo dục, qua truyền thông và sản phẩm văn hóa sáng tạo. Trí thức có thể đưa bản sắc ấy vào trong trường học, viện nghiên cứu, bảo tàng, không gian công cộng, nền tảng số... Nhờ đó, Đồng Nai mới sẽ không chỉ “to lớn hơn” mà còn “sâu sắc hơn” trong căn cước tinh thần.

2. Kết nối lịch sử với hiện tại - trí thức là cầu nối ký ức cộng đồng

Trong quá trình sáp nhập, sự đứt gãy cảm xúc cộng đồng và nỗi lo mất mát bản sắc địa phương cũ là điều có thật. Trí thức, với vai trò là người trung gian giữa quá khứ và tương lai, có thể giúp kiến tạo những “khoảng khắc chuyển tiếp” êm dịu: thông qua các hoạt động nghiên cứu, kể chuyện lịch sử, tạo không gian đối thoại liên thế hệ, và nhất là dẫn dắt các thế hệ trẻ hiểu rằng: lịch sử không mất đi - nó chỉ chuyển hóa thành động lực nếu được gìn giữ đúng cách.

Trí thức cần đứng ra bảo vệ các di tích, không gian ký ức, truyền thống lễ hội và di sản phi vật thể - không chỉ bằng ngôn ngữ học thuật mà bằng ngôn ngữ gần gũi với cộng đồng. Họ cần tham gia cùng chính quyền, doanh nghiệp và người dân tạo nên một “bản đồ văn hóa Đồng Nai mới”, nơi mỗi địa phương, mỗi dòng họ, mỗi truyền thống đều có chỗ đứng trong không gian chung, không ai bị bỏ lại phía sau.

3. Khoa học công nghệ - đòn bẩy cho Đồng Nai hiện đại và hội nhập

Nếu bản sắc văn hóa là “gốc rễ” thì khoa học công nghệ chính là đôi cánh đưa Đồng Nai vươn xa trong kỷ nguyên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập toàn cầu. Sau sáp nhập, việc đồng bộ hạ tầng, xây dựng đô thị thông minh, kinh tế xanh, giáo dục số hay y tế thông minh... sẽ là thách thức lớn, nhưng cũng là cơ hội cho đội ngũ trí thức thể hiện năng lực và vai trò dẫn dắt.

Trí thức không chỉ nên “tham mưu” mà cần trở thành lực lượng trực tiếp tham gia thiết kế, phản biện, thực thi các chính sách KH&CN, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nông nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin. Họ cũng có thể đóng vai trò cầu nối trí thức - đưa công trình nghiên cứu đến với đời sống, kết nối doanh nghiệp với viện trường, kết nối công nghệ với cộng đồng.

Khoa học công nghệ không chỉ là máy móc hay quy trình, mà còn là cách tư duy, cách ứng xử với tài nguyên, môi trường, con người. Và người dẫn dắt cách tư duy ấy, không ai khác - chính là đội ngũ trí thức của tỉnh nhà.

4. Đồng hành cùng chính quyền trong thiết lập hệ giá trị mới

Sáp nhập không chỉ là bài toán kỹ thuật hay cơ cấu hành chính, mà là một tiến trình xã hội rộng lớn, đòi hỏi thiết lập lại hệ giá trị phát triển cho một Đồng Nai mới. Trong quá trình ấy, đội ngũ trí thức cần đồng hành cùng chính quyền, tham gia vào các hội đồng khoa học, hội đồng phản biện, cơ chế tư vấn chính sách.

Quan trọng hơn cả, họ cần góp phần định hình tinh thần cho xã hội - trả lời câu hỏi căn cốt: đâu là những giá trị mà một Đồng Nai mới cần theo đuổi? Đó có thể là: sự khai phóng, sự bao dung, tính trách nhiệm, tinh thần đổi mới, năng lực hợp tác... Những giá trị ấy không thể áp đặt, mà phải được hình thành từ quá trình lắng nghe, trao đổi, thực nghiệm. Trong đó, trí thức là chất xúc tác quan trọng nhất.

Tiến trình sáp nhập là một “phép thử lửa” cho tầm nhìn, sự đồng thuận và khả năng dẫn dắt của đội ngũ trí thức. Đây không chỉ là một cuộc sát hạch về năng lực chuyên môn, mà còn là bài kiểm tra về lòng can đảm, tinh thần phụng sự và bản lĩnh đồng hành cùng dân tộc trên chặng đường kiến thiết địa phương mới.

Chúng ta cần một Đồng Nai mới không chỉ “to lớn” về diện tích, dân số, tài nguyên, mà còn phải “lớn mạnh” về bản sắc, trí tuệ và tinh thần khai phóng. Để làm được điều ấy, đội ngũ trí thức - với vai trò người tiên phong, cần được tin tưởng, kết nối, lắng nghe và phát huy thực chất, chứ không dừng lại ở khẩu hiệu hay hình thức.

Hơn lúc nào hết, đây là thời điểm mà trí thức cần bước ra khỏi những giới hạn chuyên môn khép kín để trở thành người kiến tạo giá trị, người kể chuyện bản sắc và người thắp lửa đổi mới. Khi trí thức biết thương yêu mảnh đất này bằng trách nhiệm nghề nghiệp và tâm hồn cộng đồng, thì mọi cuộc sáp nhập sẽ không còn là chia cắt địa dư, mà là sự cộng sinh, cộng đồng trách nhiệm giữa con người với thiên nhiên, giữa văn hóa và lịch sử và kết nối quá khứ với tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn quý đại biểu đã lắng nghe!

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2022). Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hà Nội.
2. Quốc hội Việt Nam (2023). Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023–2025.
3. UBND tỉnh Đồng Nai (2024). Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025. Sở Nội vụ Đồng Nai.
4. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021). Vai trò của đội ngũ trí thức trong phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Tạp chí Cộng sản, số chuyên đề.

5. Nguyễn Trọng Phúc (2020). *Bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG TP.HCM (2023). *Báo cáo nghiên cứu khoa học cấp bộ: Di sản văn hóa phi vật thể vùng Đông Nam Bộ - Giá trị và giải pháp bảo tồn trong thời kỳ công nghiệp 4.0*.
7. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2022). *Chuyển đổi số và vai trò của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học xã hội, số 6 (2022).
8. Báo Đồng Nai điện tử (2023-2024). Chuyên đề “Sáp nhập đơn vị hành chính - Cơ hội và thách thức”. Truy cập tại: www.baodongnai.com.vn
9. UNESCO (2022). *Culture in crisis: Policy guide for a resilient creative sector*. Paris.
10. Hồ Chí Minh (1946). *Thư gửi giới trí thức Việt Nam*. Toàn tập, Tập 4. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.

Bảo tồn và số hóa di sản văn hóa thời chuyển đổi số: Cơ hội và thực tiễn tại Đồng Nai (mới)

CN. Lê Thanh Hương

Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai

Trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã trở thành lực đẩy chiến lược cho mọi lĩnh vực xã hội. Đối với Việt Nam - quốc gia sở hữu kho tàng di sản phong phú, số hóa không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu sống còn để gìn giữ ký ức dân tộc, vun đắp bản sắc và thúc đẩy phát triển bền vững.

Bài tham luận này tổng hợp toàn bộ nội dung về bảo tồn và số hoá di sản, nhằm khắc họa hiện trạng bảo tồn di sản, chỉ ra những bất cập, phân tích vai trò của số hóa và rút ra bài học quốc tế cho Việt Nam.

1. Khái niệm và phân loại di sản theo UNESCO

Di sản, trong bối cảnh chung, là một khái niệm rộng, bao gồm mọi sản phẩm vật chất, tinh thần, lịch sử, văn hóa, tự nhiên được truyền lại từ các thế hệ trước. Di sản được phân loại dựa trên các yếu tố như hình thái, tính chất và giá trị của chúng.

Di sản văn hoá là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

UNESCO định nghĩa di sản là toàn bộ những giá trị vật thể và phi vật thể mang ý nghĩa nổi bật về lịch sử, khoa học, văn hóa hoặc thiên nhiên, được lưu truyền qua các thế hệ. Di sản được chia thành ba nhóm: (i) di sản văn hóa - gồm di sản vật thể (kiến trúc, hiện vật, tác phẩm nghệ thuật) và di sản phi vật thể (lễ hội, tập quán, tri thức dân gian); (ii) di sản thiên nhiên - bao gồm cảnh quan, hệ sinh thái, địa hình; và (iii) di sản hỗn hợp - kết hợp cả giá trị văn hóa lẫn thiên nhiên.

2. Mục đích sử dụng của di sản văn hoá

Theo Điều 12 thì di sản văn hoá được sử dụng nhằm mục đích:

- Phát huy giá trị di sản văn hoá vì lợi ích của toàn xã hội;
- Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
- Góp phần sáng tạo những giá trị văn hoá mới, làm giàu kho tàng di sản văn hoá Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hoá quốc tế.

3. Hiện trạng bảo tồn di sản văn hóa tại Việt Nam

Hiện trạng bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam cho thấy có sự tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều thách thức. Việt Nam sở hữu một kho tàng di sản phong phú, bao gồm di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể, và di sản tự nhiên. Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản vẫn còn nhiều khó khăn, như

tình trạng khai thác cạn kiệt, áp lực phát triển kinh tế, và thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan.

Tính đến năm 2025, Việt Nam có 8 di sản thế giới do UNESCO công nhận (5 văn hóa, 2 thiên nhiên và 1 hỗn hợp), 16 di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh, cùng hơn 3.620 di tích cấp quốc gia, trong đó có 130 di tích quốc gia đặc biệt. Việt Nam đã ban hành Luật Di sản Văn hóa (2001) và đã qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, nhằm lấp các khoảng trống về di sản tư liệu, di sản công nghiệp và số hóa.

Dù đạt nhiều thành tựu, như gia tăng di sản UNESCO, hợp tác trùng tu (Mỹ Sơn, Hội An, Huế) và triển khai Chương trình số hóa di sản 2021-2030 - công tác bảo tồn vẫn đối mặt với thách thức nan giải: khung pháp lý chồng chéo, thiếu kinh phí bền vững, “xi-măng hóa” tu bổ, áp lực từ du lịch đại chúng, biến đổi khí hậu, tình trạng buôn lậu cổ vật và thiếu nhân lực chuyên sâu.

4. Vì sao phải số hóa di sản văn hóa?

Thứ nhất, số hóa bảo đảm lưu giữ thông tin gốc trước nguy cơ xuống cấp vật lý do thời gian, thiên tai, xung đột.

Thứ hai, công nghệ số mở rộng không gian giáo dục: học sinh có thể “du hành” trong mô hình 3D của Văn Miếu hay tham gia tour ảo Cố đô Huế, thay vì chỉ đọc sách giáo khoa.

Thứ ba, dữ liệu số hỗ trợ chuyên gia nghiên cứu, phục dựng và quản lý di tích bằng mô hình BIM, bản đồ GIS.

Thứ tư, du lịch thông minh kết hợp mã QR, AR/VR, vé điện tử gia tăng trải nghiệm và doanh thu mà vẫn kiểm soát sức tải.

Cuối cùng, số hóa đáp ứng chiến lược chuyển đổi số quốc gia, giúp Việt Nam không bỏ lỡ “làn sóng văn hóa số” toàn cầu.

5. Kinh nghiệm quốc tế đáng tham khảo

Pháp sử dụng quét laser và thực tế ảo để phục dựng Nhà thờ Đức Bà Paris;

Hàn Quốc đưa di sản vào trò chơi, phim ảnh và metaverse;

Nhật Bản ứng dụng AI, big data trong phục chế bản khắc gỗ;

Ý xây dựng “digital twin” cho Colosseum, Pompeii;

Trung Quốc lập bảo tàng số di sản phi vật thể với hơn một triệu tư liệu.

Những mô hình này gợi ý Việt Nam cần đẩy mạnh quét 3D di tích trọng điểm, hợp tác doanh nghiệp công nghệ, đưa di sản vào sản phẩm sáng tạo và kết nối dữ liệu di tích với hệ sinh thái du lịch thông minh.

6. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và phát triển kinh tế

Hiện nay, phát triển kinh tế di sản dựa trên khai thác các giá trị của di sản văn hóa đang ngày càng được chú trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Thời gian qua, việc phát triển kinh tế di sản ở nước ta đã đạt được

những kết quả nhất định, song cũng còn một số vấn đề đặt ra, đòi hỏi cần giải quyết để bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn hóa của nhân loại có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Như vậy, di sản văn hóa được khẳng định có vai trò quan trọng như một “động lực tinh thần” trong sự phát triển, song song với kinh tế và chính trị. “Di sản văn hóa là tài sản quý giá” của cộng đồng các dân tộc Việt Nam cũng bao hàm giá trị kinh tế của di sản dưới dạng các “sản nghiệp văn hóa”, của cái được kế thừa từ các thế hệ cha ông. Với quan điểm bảo tồn phát triển, khía cạnh kinh tế của di sản văn hóa được quan tâm đặc biệt. Những người theo quan điểm này cho rằng, di sản có thể trở thành nguồn lực cho phát triển nếu đáp ứng được yêu cầu thị trường. Và vì thế, cần đặt hoạt động bảo tồn trong mối quan hệ với phát triển, tức là bảo tồn di sản văn hóa phải đồng hành với việc sử dụng, phát huy giá trị của nó trong đời sống. Chỉ có như vậy, hoạt động bảo tồn mới thực sự có ý nghĩa và không đi ngược lại quá trình phát triển của xã hội. Với góc nhìn đó, đối với các nhà quản trị địa phương hiện nay, di sản là một trong những nguồn lực không thể bỏ qua và trở thành một lựa chọn cho kế hoạch phát triển; đồng thời kế hoạch bảo tồn di sản không tách rời các chiến lược phát triển khác. “Kinh tế di sản” không phải là thuật ngữ mới với thế giới, nhưng còn chưa được sử dụng thống nhất tại Việt Nam. Giá trị văn hóa góp phần làm giàu nguồn lực xã hội, thông qua đó tạo nên giá trị kinh tế. Sự phát triển của kinh tế sẽ tạo điều kiện để công tác bảo tồn được thực hiện tốt hơn.

Vấn đề đặt ra ở đây là các nhà quản trị địa phương nhận thức được điều đó để có kế hoạch cân đối/hợp lý trong việc vừa khai thác, vừa bổ sung/tái tạo hay không. Giá trị kinh tế của di sản văn hóa được thể hiện ở hai dạng: giá trị trực tiếp và giá trị gián tiếp. Giá trị trực tiếp lại được biểu hiện ở chức năng sử dụng/công năng và giá trị trao đổi với tư cách là hàng hóa đặc biệt, ẩn chứa trong các sản phẩm du lịch. Giá trị kinh tế gián tiếp của di sản văn hóa được hòa vào tổng thu của các ngành du lịch, giao thông, khoa học, công nghệ... đóng góp ngân sách quốc gia hằng năm.

Hiện nay, trong phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn có khả năng tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển cho các ngành có liên quan khác và góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại của đất nước. Việc phát triển du lịch văn hóa, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng được chú trọng. Di sản văn hóa chính là tài nguyên và nguồn lực chiến lược cho phát triển du lịch. Ngành du lịch và ngành di sản văn hóa có chung một đối tượng tác nghiệp là di sản văn hóa và thiên

nhiên, chung một đối tượng phục vụ là cộng đồng xã hội (du khách) và mục tiêu lớn cùng hướng tới là bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đối tượng bảo tồn của ngành di sản văn hóa trở thành đối tượng sử dụng, khai thác và phát huy của ngành du lịch. Bên cạnh việc góp phần vào phát triển văn hóa, định hình bản sắc, hệ thống di sản văn hóa đã và đang đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của các địa phương có di sản. Việc khai thác nguồn lực di sản văn hóa còn kéo theo sự phát triển của nhiều yếu tố khác, như kết cấu hạ tầng, dịch vụ, sự mở rộng giao lưu và gia tăng các dòng chảy hàng hóa, lao động,... tạo ra sự phát triển hài hòa.

Ngày càng nhiều cá nhân, doanh nghiệp, cộng đồng sử dụng, khai thác hiệu quả di sản trong kinh doanh, tạo ra nhiều lợi nhuận (điển hình như các tour, tuyến du lịch tâm linh, kết nối di sản); các bảo tàng ngoài công lập với các bộ sưu tập có giá trị của tư nhân, các chương trình nghệ thuật lớn trưng bày và trình diễn các loại hình di sản văn hóa rất hiệu quả...

Tuy nhiên, có rất nhiều bất cập trên các phương diện cụ thể như:

Thứ nhất, di sản văn hóa được sinh ra, nuôi dưỡng và trao truyền trong những bối cảnh tự nhiên và xã hội cụ thể nhưng nhiều khi chúng ta nhìn nó như một hiện tượng khu biệt, đơn lẻ. Nhiều di sản văn hóa đang đứng trước nguy cơ không thể bảo tồn do chúng ta triệt tiêu các điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội của nó. Ví dụ như không gian văn hóa công chiêng được bà con các buôn làng Tây Nguyên sáng tạo, trao truyền trong cuộc sống gắn bó chặt chẽ với đại ngàn. Mất rừng, mất cấu trúc buôn làng cổ truyền là mất không gian sáng tạo và nuôi dưỡng nó. Quy hoạch các khu nghỉ dưỡng ven biển nếu làm mất bến thuyền, cảng cá, đương nhiên làng chài sẽ chết và như vậy di sản văn hóa biển sẽ mất theo...

Thứ hai, chủ thể của đa số các di sản văn hóa vốn dĩ là đông đảo quần chúng nhân dân, nhưng đôi khi Nhà nước lại quá ôm đồm công tác bảo tồn, hoặc thiên lệch về phía các doanh nghiệp khiến cho chủ thể văn hóa bị mất vai trò vốn có và di sản văn hóa không giữ được những giá trị vốn có.

Thứ ba, với tư cách là một nguồn vốn xã hội trong phát triển, di sản văn hóa - cũng như các nguồn vốn khác - luôn là hữu hạn. Nếu không được khai thác hợp lý, không có sự bù đắp, tái tạo, bổ sung, một ngày nào đó, các di sản vật thể sẽ bị hủy hoại, còn các di sản văn hóa phi vật thể sẽ mai một dần. Bên cạnh đó, dù có nhiều nỗ lực triển khai với các phương thức rất đa dạng (như tại Hội An, Huế, Đà Nẵng...), nhưng hiệu quả từ kinh tế di sản ở Việt Nam vẫn chưa thật sự khai thác hết tiềm lực của di sản hiện có. Việc khai thác các di sản văn hóa với tư cách là một nguồn lực phát triển đang trong tình trạng thiếu kiểm soát nghiêm trọng. Trong khi còn nhiều di sản bị bỏ sót, thì cũng có những di sản bị khai thác quá mức.

7. Trường hợp Đồng Nai và Bình Phước

Đồng Nai sở hữu những danh thắng đặc trưng như Vườn quốc gia Cát Tiên, khu du lịch Bửu Long, Thành cổ Biên Hòa, Văn miếu Trấn Biên và nhiều vườn cây ăn trái nổi tiếng ở Long Khánh, Long Thành, Xuân Lộc... và nhiều di tích khảo cổ. Trong khi Cát Tiên được quản lý sinh thái khá tốt, Thành cổ lại xuống cấp nghiêm trọng do thiếu kinh phí; mật độ dịch vụ còn nhiều hạn chế tại du lịch Bửu Long, chưa có các quy định về Bảo vệ môi trường tại khu du lịch Núi Chứa Chan gây lo ngại về ô nhiễm và cảnh quan. Thách thức then chốt là sức ép đô thị hóa và nguồn lực tu bổ hạn chế.

Bình Phước nổi bật với hệ thống “địa chỉ đỏ” cách mạng: căn cứ Tà Thiết, đường ông xăng dầu Trường Sơn, điểm cuối đường Hồ Chí Minh 1973 và Vườn Quốc gia Bù Gia Mập - đa phần đã tu bổ tốt. Tuy nhiên, các danh thắng thiên nhiên như Núi Bà Rá, Sóc Bom Bo, Thác Mơ, cùng di tích khảo cổ Thành đất Lộc Tấn vẫn thiếu ngân sách khoanh vùng, trong khi nguy cơ khai thác lâm sản và du lịch tự phát luôn hiện hữu. Việc cân bằng bảo tồn rừng - phát triển kinh tế là bài toán cấp thiết.

8. Lợi ích xã hội của số hóa di sản

Số hóa mang lại lợi ích đa chiều: lưu giữ ký ức lịch sử; truyền cảm hứng giáo dục cho thế hệ trẻ; thúc đẩy du lịch bền vững; lan tỏa bản sắc văn hóa; hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia, hỗ trợ hoạch định chính sách; tạo giá trị kinh tế từ công nghiệp sáng tạo; đồng thời củng cố “an ninh văn hóa”, khẳng định chủ quyền trên không gian mạng.

9. Kết luận

Di sản văn hóa chỉ được bảo tồn khi nó được sử dụng và phát huy để phục vụ mục tiêu phát triển toàn diện con người Việt Nam. Di sản văn hóa phải được bảo tồn sống động trong đời sống của cộng đồng và tạo ra sinh kế bền vững cho cộng đồng. Trong thời gian tới, kinh tế di sản sẽ là động lực mới, tạo sự đột phá cho nền kinh tế, nâng cao vị thế địa phương và quốc gia, hướng tới phát triển bền vững với yếu tố quan trọng là sự tham gia của toàn xã hội.

Bảo tồn di sản là nhiệm vụ chiến lược nuôi dưỡng tâm hồn dân tộc, trong khi số hóa đóng vai trò chìa khóa mở rộng biên độ của ký ức và tri thức. Việt Nam đã có khung pháp lý và tiềm lực công nghệ nhất định; vấn đề còn lại là quyết tâm chính trị, sự phối hợp liên ngành và huy động nguồn lực xã hội. Khi **“di sản được số hóa và lưu trữ trên nền tảng đám mây”**, quá khứ không chỉ được lưu giữ, mà còn “sống” trong đời sống đương đại, góp phần xây dựng tương lai văn minh và phồn vinh hơn./.

Truyền thông chính sách công trong định hình bản sắc văn hóa - pháp lý sau sáp nhập Đồng Nai - Bình Phước

Nguyễn Thị Hằng

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Email: nguyenthihang01@dntu.edu.vn

1. LỜI MỞ ĐẦU

Sáp nhập hành chính là một quá trình cải cách tổ chức bộ máy nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng hợp lý nguồn lực phát triển. Tại Việt Nam, đề án sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước đã chính thức được Quốc hội thông qua theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 theo đúng thẩm quyền quy định tại Hiến pháp 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tỉnh mới vẫn mang tên Đồng Nai, trung tâm hành chính đặt tại thành phố Biên Hòa (sau sáp xếp là phường Trăn Biên mới, tỉnh Đồng Nai).

Tuy nhiên, sáp nhập không chỉ là một quá trình thay đổi địa giới hành chính, mà còn kéo theo hàng loạt biến đổi xã hội, nhận thức và tâm lý cộng đồng, đặc biệt là trong việc định vị lại bản sắc văn hóa – pháp lý của địa phương mới. Trong bối cảnh đó, truyền thông chính sách công đóng vai trò như một “cầu nối mềm”, giúp nhà nước truyền đạt thông tin, trấn an dư luận, và dẫn dắt quá trình đồng thuận xã hội.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH CÔNG

Truyền thông chính sách công (Public policy communication) là quá trình mà các cơ quan nhà nước sử dụng công cụ truyền thông để cung cấp thông tin, thúc đẩy tương tác và khuyến khích sự tham gia của công chúng trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách. Đây được xem là “mạch kết nối” giữa chính quyền và xã hội, góp phần bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu lực của chính sách [1].

Tại Việt Nam, truyền thông chính sách công ngày càng khẳng định vai trò trong quản lý nhà nước hiện đại. Không chỉ giúp “làm mềm” các thông tin pháp lý vốn khô cứng, truyền thông còn đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng đồng thuận xã hội, nâng cao năng lực thực thi và định hướng hành vi công dân [2].

Về bản chất, truyền thông chính sách không đơn thuần là hoạt động thông báo một chiều, mà bao gồm các chức năng: truyền đạt thông tin, xây dựng niềm tin, dẫn dắt nhận thức và phản hồi chính sách. Trong bối cảnh cải cách hành chính lớn như sáp nhập địa phương, truyền thông cần phát huy vai trò kênh đối thoại hai chiều, giúp chính quyền tiếp cận thực tiễn và điều chỉnh chính sách kịp

thời. Nếu được triển khai bài bản với ngôn ngữ gần gũi, chính xác và có sức thuyết phục, truyền thông chính sách sẽ góp phần giảm thiểu xung đột, tăng mức độ tuân thủ tự nguyện và củng cố niềm tin vào thể chế.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu kết hợp với phân tích - tổng hợp để làm rõ vai trò của truyền thông chính sách công trong bối cảnh sáp nhập hành chính. Trường hợp sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước được lựa chọn như một nghiên cứu tình huống tiêu biểu, tiếp cận từ góc nhìn chuyên môn trong lĩnh vực truyền thông và pháp lý.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Tác động của sáp nhập hành chính đến bản sắc văn hóa - pháp lý

Sáp nhập hành chính không chỉ là một tiến trình tổ chức - pháp lý nhằm tối ưu hóa bộ máy quản lý nhà nước, mà còn kéo theo nhiều thay đổi có chiều sâu đối với đời sống xã hội, đặc biệt là nhận thức cộng đồng và bản sắc địa phương. Các nghiên cứu trong nước và quốc tế đều ghi nhận rằng việc thay đổi địa giới, tên gọi và cơ cấu hành chính có thể ảnh hưởng đáng kể đến cảm giác ổn định pháp lý, tâm lý gắn bó và sự nhận diện cộng đồng của người dân tại các đơn vị hành chính mới.

Tại trường hợp Đồng Nai - Bình Phước, mặc dù tên tỉnh mới vẫn giữ nguyên là “Đồng Nai”, nhưng việc điều chỉnh địa giới, chuyển đổi hệ thống hành chính và tái phân bổ nhân sự đã tạo ra những ảnh hưởng nhất định đến nhận thức cộng đồng. Cảm giác mất biểu tượng (ví dụ: việc một số cơ quan cấp tỉnh của Bình Phước không còn tồn tại độc lập), cộng với lo ngại bị “hòa tan” trong bản sắc mới là những phản ứng tâm lý dễ gặp ở người dân. Đồng thời, sự thay đổi tên gọi đơn vị hành chính có thể gây khó khăn trong xác định địa vị pháp lý trong các giấy tờ, thủ tục ban đầu, đặc biệt đối với nhóm yếu thế như người dân tộc thiểu số, người lớn tuổi hoặc người có ít tiếp cận thông tin.

Nếu không có chiến lược truyền thông chính sách kịp thời và đúng trọng tâm, những hệ lụy này có thể dẫn đến trạng thái kháng cự mềm trong xã hội: nghi ngờ thể chế, giảm mức độ tuân thủ hành chính và mất kết nối với thiết chế công quyền tại địa phương mới.

4.2. Truyền thông chính sách công giúp định vị lại bản sắc và cấu trúc pháp lý

Truyền thông chính sách công giữ vai trò quan trọng trong việc “kể lại câu chuyện chính thức” của địa phương mới theo hướng tích hợp - kế thừa - phát triển. Không chỉ thông báo nghị quyết hay quy định, truyền thông cần kiến tạo cảm thức chung về một bản sắc mới, đồng thời trấn an tâm lý và định hướng hành vi của cộng đồng.

Thông qua ba chức năng chính: hợp nhất (xây dựng giá trị chung trên nền tảng hai vùng cũ), biểu tượng hóa (lựa chọn biểu tượng, hình ảnh đại diện) và dẫn đường pháp lý (hướng dẫn hệ thống tổ chức, thủ tục mới) - truyền thông góp phần định hình lại nhận thức xã hội trong giai đoạn chuyển đổi. Vai trò này đòi hỏi sự đồng hành của đội ngũ trí thức, những người không chỉ hiểu rõ văn hóa và pháp luật địa phương, mà còn có năng lực phản biện, lý giải và kết nối cộng đồng. Nếu thiếu định hướng rõ ràng, thông tin chính sách dễ rơi vào trạng thái “nửa vời”, gây hoang mang và phản ứng trái chiều trong xã hội. Khi đó, truyền thông không còn là cầu nối mà có thể trở thành điểm nghẽn trong quá trình chuyển đổi.

4.3. Bài học từ thực tiễn Đồng Nai - Bình Phước

Khảo sát ý kiến cử tri tại hai tỉnh trước thời điểm sáp nhập cho thấy mức độ đồng thuận cao: 97,9% người dân Bình Phước và 95% người dân Đồng Nai ủng hộ chủ trương. Tuy nhiên, đồng thuận chính trị không đồng nghĩa với đồng thuận về văn hóa - căn tính và đây chính là khoảng trống mà truyền thông chính sách cần lấp đầy.

Sau khi sáp nhập, tỉnh mới bao gồm 95 đơn vị hành chính cấp xã, và kế hoạch tái cơ cấu nhân sự gồm 1.400 cán bộ từ Bình Phước chuyển về Đồng Nai. Trong khi Đồng Nai mang đặc trưng đô thị hóa cao, kinh tế công nghiệp và dân cư tập trung, thì Bình Phước có cấu trúc xã hội nông nghiệp - lâm nghiệp, nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số (S'tiêng, Khmer, M'ông...). Sự khác biệt này đặt ra yêu cầu truyền thông cần vừa nhấn mạnh tính “đa dạng trong thống nhất”, vừa bảo vệ các yếu tố đặc trưng văn hóa của từng vùng.

4.4. Nguồn nhân lực truyền thông chuyên trách trong lĩnh vực chính sách công

Kinh nghiệm từ các địa phương từng thực hiện sáp nhập cho thấy: một chiến lược truyền thông chỉ thực sự hiệu quả khi có đội ngũ nhân lực truyền thông chuyên trách - những người vừa hiểu chính sách, vừa giỏi diễn đạt, vừa có năng lực tiếp cận cộng đồng. Đây không phải là đội ngũ truyền thông tiếp thị thông thường, mà là những người có hiểu biết sâu về cấu trúc nhà nước, hành vi xã hội và ngôn ngữ công quyền.

Tại tỉnh mới Đồng Nai (sau sáp nhập), việc phân bổ và đào tạo nguồn nhân lực truyền thông chính sách nên được xem là một phần trong tái thiết thể chế địa phương. Cần có cơ chế phối hợp giữa sở ngành liên quan với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan báo chí, truyền thông địa phương để xây dựng mạng lưới truyền thông chính sách hai chiều. Đặc biệt, cần ưu tiên phát triển năng lực truyền thông cho cán bộ cấp xã - nơi người dân tiếp xúc thường xuyên nhất với chính quyền.

5. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

5.1. Hoạch định chiến lược truyền thông theo tiến trình sáp nhập

Truyền thông chính sách công cần được thiết kế theo ba giai đoạn nối tiếp: trước, trong và sau sáp nhập. Trong giai đoạn chuẩn bị, truyền thông cần tập trung vào việc giải thích rõ căn cứ pháp lý, mục tiêu chính sách, lộ trình triển khai và những giá trị lâu dài mà việc sáp nhập mang lại. Đây là thời điểm quan trọng để tạo sự chuẩn bị tâm lý và đồng thuận ban đầu. Trong giai đoạn thực hiện sáp nhập, trọng tâm cần chuyển sang việc hướng dẫn người dân thích ứng với thay đổi - bao gồm thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và địa danh hành chính mới. Đồng thời, truyền thông phải có khả năng xử lý các thông tin sai lệch, phản hồi tiêu cực và khơi dậy cảm giác an toàn pháp lý. Sau khi quá trình sáp nhập hoàn tất, truyền thông cần tiếp tục củng cố bản sắc địa phương mới thông qua các hoạt động xây dựng hình ảnh, lan tỏa biểu tượng chung và khơi gợi niềm tự hào tập thể.

5.2. Xây dựng hệ sinh thái truyền thông chính sách tại tỉnh mới

Truyền thông không thể chỉ dựa vào các phương tiện chính thống, mà cần được tổ chức thành một hệ sinh thái đa tầng, gắn với đặc điểm địa phương. Trong đó, báo chí truyền thống giữ vai trò dẫn dắt định hướng thông tin, truyền thông số mở rộng phạm vi tiếp cận và tính lan tỏa, trong khi các kênh tương tác trực tiếp như đội ngũ cộng tác viên xã - phường, cán bộ đoàn thể, trí thức địa phương lại đóng vai trò kết nối, phiên dịch chính sách đến tận cơ sở. Việc phát triển biểu tượng chung cho tỉnh mới, từ logo, khẩu hiệu, đến các công trình biểu trưng cũng cần được truyền thông đồng bộ nhằm tạo nhận diện tập thể và tính gắn kết cộng đồng.

5.3. Tăng cường truyền thông hai chiều và cơ chế tham vấn công dân

Truyền thông chính sách hiệu quả không thể là hoạt động một chiều từ chính quyền đến người dân, mà cần được xây dựng như một cơ chế tương tác, phản hồi thường xuyên. Việc tổ chức các diễn đàn chính sách tại cấp tỉnh, cấp xã là một kênh quan trọng để người dân bày tỏ quan điểm, nêu kiến nghị, qua đó giúp chính quyền điều chỉnh chính sách cho sát với nhu cầu thực tiễn. Đồng thời, các khảo sát dư luận định kỳ cần được triển khai dưới hình thức linh hoạt, kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, nhằm thu thập dữ liệu thực tế về mức độ hiểu biết, đồng thuận và kỳ vọng của cộng đồng. Kết quả khảo sát cần được công bố công khai và phản hồi chính thức từ chính quyền để khẳng định tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

5.4. Phát triển đội ngũ truyền thông chính sách công chuyên nghiệp

Nguồn nhân lực truyền thông là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của chiến lược truyền thông chính sách công. Trong bối cảnh sáp nhập, việc xây

đội ngũ này cần được xem là một phần trong tái cấu trúc thể chế địa phương. Không chỉ nắm vững kỹ năng truyền thông, lực lượng này cần được đào tạo bài bản về pháp luật, tâm lý xã hội, văn hóa địa phương và hành vi công chúng.

Đội ngũ trí thức - đặc biệt trong các lĩnh vực truyền thông chính sách, pháp luật và xã hội học cần được nhìn nhận như lực lượng định hướng nhận thức, tạo dựng niềm tin và dẫn dắt công chúng tiếp cận chính sách một cách công bằng, nhân văn và có chiều sâu. Để phát huy hiệu quả, cần có cơ chế phối hợp giữa sở ngành liên quan với Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan báo chí và các trường đại học trong vùng nhằm hình thành mạng lưới truyền thông chính sách đồng bộ và gắn với thực tiễn địa phương.

6. KẾT LUẬN

Truyền thông chính sách công là nhân tố then chốt trong việc làm “mềm” quá trình sáp nhập hành chính. Không chỉ là công cụ truyền đạt, truyền thông còn góp phần kiến tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin và định hình bản sắc vùng trong giai đoạn chuyển đổi. Đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập Đồng Nai - Bình Phước, truyền thông đóng vai trò như “chất kết dính” giữa thiết chế mới và cộng đồng dân cư.

Để thực hiện hiệu quả, chiến lược truyền thông cần có sự tham gia tích cực của đội ngũ chuyên trách, đặc biệt là đội ngũ trí thức trong lĩnh vực truyền thông, pháp lý và khoa học xã hội. Không chỉ truyền đạt chính sách, lực lượng này còn góp phần tham vấn, định hướng nhận thức và tạo nền tảng đối thoại giữa nhà nước với người dân. Niềm tin và kỳ vọng vào đội ngũ trí thức cũng là sự khẳng định vai trò dẫn dắt trong hành trình kiến thiết một cộng đồng mới gắn kết và ổn định pháp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] OECD (2021), *Public Communication: The Global Context and the Way Forward*, OECD Publishing, Paris.

[2] Nguyễn Thị Thu Hằng (2019), “Truyền thông chính sách công trong quản lý nhà nước hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 11.

[3] Lê Quốc Lý (chủ biên), *Giáo trình Quản lý Nhà nước và Truyền thông Chính sách*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.

[4] Báo Đồng Nai (2023), baodongnai.com.vn

[5] Báo Bình Phước (2023), baobinhphuoc.com.vn

[6] Nguyễn Trung Thành (2025), “Sáp nhập hành chính – Bản sắc văn hóa không mai một”, *Tạp chí Việt Nam hội nhập*.

Văn hóa địa phương - Cơ hội và thách thức trong bối cảnh sau sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp

ThS. Hoàng Đức Nguyên

ThS. Dương Kinh Trường Chinh

Trường Đại học Văn hóa TP. HCM

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Đồng Nai

Phát biểu tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (24/11/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước”. Đảng ta xác định phát triển văn hóa hài hòa với kinh tế và tiến bộ xã hội là định hướng căn bản trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện tính ưu việt của chế độ.

Thực tiễn cho thấy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng và phát triển đất nước, Đảng luôn đặt trọng tâm vào xây dựng và phát triển văn hóa, xem đó là yếu tố thúc đẩy kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, vai trò của văn hóa càng rõ nét hơn, không chỉ thể hiện qua giá trị tinh thần mà còn là nguồn lực trực tiếp cho phát triển bền vững.

Trong bối cảnh tổ chức lại các đơn vị hành chính, ngoài việc tinh gọn bộ máy, đây còn là cơ hội định hình nền tảng phát triển lâu dài. Tái cấu trúc hành chính góp phần mở rộng không gian giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các vùng miền, làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc.

1. Cơ hội phát triển văn hóa địa phương từ việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp

Văn hóa địa phương là một thực thể văn hóa được hình thành, tồn tại và phát triển trong một không gian lãnh thổ nhất định, thể hiện qua một tập hợp các đặc trưng văn hóa về cách thức lao động sản xuất; về ăn, mặc, ở, đi lại và phương thức sử dụng chúng; về cách tổ chức xã hội và giao tiếp cộng đồng; về tín ngưỡng, quy tắc, phong tục và lễ hội; về các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật; về các sắc thái tâm lý của cư dân. Hay nói chung, nó bao trùm tất cả mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người sinh sống không gian lãnh thổ nhất định, từ đó tạo nên những đặc trưng riêng biệt, giúp phân biệt văn hóa của địa phương này với các địa phương khác.

Quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp góp phần tích hợp, giao thoa các giá trị văn hóa đặc thù của các địa phương. Trải dài trên khắp mảnh đất hình chữ S thân thương, địa phương nào cũng đang lưu giữ những giá trị văn hóa đặc sắc riêng biệt. Mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng, mỗi vùng miền có truyền thống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng...khác nhau. Một trong những tác động của quá trình sáp nhập đơn vị hành chính đến văn hóa là sự hội tụ của nhiều nét văn hóa đặc trưng lâu nay vốn tồn tại riêng biệt ở từng địa phương,

nay được tích hợp lại với nhau. Khi các nhóm dân cư khác nhau cùng sinh hoạt trong một địa bàn hành chính mới, đó là cơ hội để những nét văn hóa đặc trưng của từng cộng đồng có dịp tiếp xúc, trao đổi và lan tỏa. Nhờ vậy, các địa phương có thêm cơ hội để giới thiệu những nét đẹp văn hóa đặc trưng của mình đến đông đảo cộng đồng. Người dân không chỉ có cơ hội tìm hiểu lẫn nhau mà còn dần hình thành sự đồng cảm, tôn trọng những khác biệt, từ đó làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cộng đồng. Các lễ hội, phong tục và tập quán văn hóa truyền thống có không gian trình diễn rộng rãi hơn, thu hút đông đảo khán giả tham dự và thưởng thức, góp phần tạo nên sức lan tỏa sâu rộng. Đó cũng chính là một động lực thúc đẩy sự phát triển văn hóa. Bởi nếu được định hướng và tổ chức hợp lý, việc tích hợp các giá trị văn hóa sẽ trở thành đòn bẩy để hình thành bản sắc, đồng thời những giá trị văn hóa mới từ quá trình chung sống của người dân lại được sinh ra – hài hòa, đa dạng và giàu tính kế thừa, từ đó tiếp tục làm dày, làm giàu thêm nền văn hóa Việt Nam. Quá trình sáp nhập vì vậy sẽ mở ra nhiều cơ hội mới để phát triển du lịch dựa trên chất liệu văn hóa; nhiều địa phương có thể làm mới thương hiệu du lịch của mình, khi không gian du lịch được tích hợp thêm các giá trị văn hóa mới. Từ đó, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, để du lịch văn hóa đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế thông qua việc sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của người dân trong nước và xuất khẩu. Cụ thể mục tiêu chủ yếu đến năm 2020, ngành Du lịch văn hóa chiếm 10-15% trong tổng số khoảng 18.000-19.000 triệu USD doanh thu từ khách du lịch; đến năm 2030, ngành Du lịch văn hóa chiếm 15-20% trong tổng số khoảng 40.000 triệu USD doanh thu từ khách du lịch [2].

Ngoài ra, khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, nguồn lực được tập trung hiệu quả hơn, góp phần phát huy hiệu quả trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. Trong bối cảnh các đơn vị hành chính được sắp xếp lại, nhiều di sản văn hóa do thiếu điều kiện phục hồi hoặc phát triển nay có thể được quan tâm đầu tư, từ đó trở thành những điểm nhấn văn hóa mới. Việc hợp nhất các đơn vị hành chính mở ra cơ hội tái cấu trúc và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực vốn trước đây còn bị phân tán và manh mún. Thay vì duy trì nhiều thiết chế văn hóa như trung tâm văn hóa, nhà văn hóa còn nhỏ lẻ và gặp khó khăn về kinh phí, giờ đây có thể hình thành các không gian văn hóa quy mô lớn, được đầu tư bài bản, có sức lan tỏa rộng hơn. Đây không chỉ là nơi quy tụ các hoạt động biểu diễn, triển lãm hay sinh hoạt cộng đồng, mà còn là môi trường thuận lợi để nghệ sĩ phát huy sáng tạo và người dân tiếp cận các sản phẩm văn hóa chất lượng. Đồng thời là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa

- lĩnh vực đang trở thành trụ cột quan trọng trong nền kinh tế sáng tạo của thế kỷ 21.

Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính là cơ hội để khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết giữa các cộng đồng cư dân. Khi các vùng đất với lịch sử, văn hóa và truyền thống riêng biệt cùng hội tụ trong một đơn vị mới, sự đa dạng ấy sẽ trở thành nền tảng quý giá để hình thành một bản sắc văn hóa chung - nơi mà mọi người cùng chia sẻ giá trị, đồng thuận về tinh thần và gắn bó trong cuộc sống. Chính trong sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa địa phương ấy, con người buộc phải học cách tôn trọng sự khác biệt, nhìn nhận giá trị của nhau và cùng xây dựng một không gian sống chung hài hòa. Những lễ hội, phong tục, tập quán vốn chỉ diễn ra trong phạm vi một xã hay một làng nhỏ, giờ đây có thể lan rộng và trở thành di sản tinh thần chung của cộng đồng mới. Qua đó, sự đa dạng không bị hòa tan, mà được lan tỏa và gắn kết bởi một tinh thần chung: Cùng phát triển, cùng giữ gìn những gì tốt đẹp nhất.

Việc sống và làm việc trong một đơn vị hành chính mới cũng đòi hỏi các cộng đồng phải mở lòng hơn, hợp tác nhiều hơn và học cách xử lý những khác biệt một cách tích cực. Chính trong quá trình ấy, tinh thần “thống nhất trong đa dạng” được hình thành và nuôi dưỡng - mỗi người không đánh mất cội nguồn của mình, nhưng đồng thời cũng trở thành một phần của một tập thể rộng lớn hơn, mạnh mẽ hơn. Đây là cơ hội để các địa phương kế thừa những giá trị văn hóa vốn có, đồng thời khuyến khích sự sáng tạo, tiếp thu những yếu tố mới, phù hợp với thời đại nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Một bản sắc văn hóa địa phương “đa thanh nhưng hài hòa” có thể được hình thành - nơi sự khác biệt trở thành chất liệu để cộng đồng phát triển bền vững trên nền tảng thống nhất và tôn trọng lẫn nhau. Nhiều hoạt động văn hóa sẽ được tổ chức quy mô hơn, góp phần khơi dậy tinh thần đoàn kết và gắn bó giữa người dân các vùng.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp đã được thể hiện rõ trong các nghị quyết và kết luận quan trọng. Cụ thể, tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải căn cứ theo các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số; đồng thời phải chú trọng cân nhắc kỹ các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội”. Đồng thời, tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025, Bộ Chính trị đã chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó có việc sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã, nhằm thực hiện mô hình địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu

quả. Những quan điểm này khẳng định rằng việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính không chỉ nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn phải bảo đảm sự đồng thuận, đoàn kết và phát huy giá trị văn hóa của các cộng đồng dân cư. Việc kết hợp giữa sự đa dạng văn hóa và tinh thần đoàn kết sẽ tạo ra một môi trường phát triển bền vững, nơi mà mỗi cá nhân và cộng đồng đều được tôn trọng và gắn bó.

2. Thách thức cần vượt qua trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương từ việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp

Quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp tạo cơ hội giao thoa văn hóa giữa các địa phương, tuy nhiên một trong những khó khăn đáng lưu ý là việc xây dựng bản sắc văn hóa chung cũng gặp không ít khó khăn. Sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính, một trong những vấn đề phức tạp nhất là làm sao xây dựng được một bản sắc văn hóa chung mà vẫn tôn trọng và bảo tồn nguyên vẹn sự đa dạng văn hóa của từng vùng. Việc này không đơn thuần là gộp các giá trị văn hóa lại với nhau, mà đòi hỏi quá trình chất lọc, hài hòa và đồng thuận từ nhiều phía. Mỗi địa phương đều có lịch sử hình thành, phát triển cũng như những phong tục, tập quán, cách ứng xử, tín ngưỡng tôn giáo riêng đã hình thành qua nhiều thế hệ. Chính vì vậy, xây dựng bản sắc văn hóa chung không thể là việc làm vội vã, mà cần một quá trình lắng nghe, điều phối và sáng tạo để những nét riêng không bị đánh mất, và những giá trị chung được hình thành một cách tự nhiên, từ sự đồng thuận của chính cộng đồng đã sáng tạo và gìn giữ văn hóa.

Bên cạnh những cơ hội tích cực, việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cũng cần được chuẩn bị kỹ lưỡng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc thù của từng địa phương, bảo đảm gìn giữ sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh hội nhập.

Trên thực tế, quá trình giao thoa văn hóa sau sáp nhập có thể dẫn đến nguy cơ mai một hoặc mất đi một số nét văn hóa đặc sắc vốn tồn tại riêng biệt tại mỗi vùng. Những giá trị văn hóa chưa được khảo sát, nhận diện hoặc chưa đưa vào danh mục kiểm kê di sản văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa dễ bị lãng quên hoặc phai mờ theo thời gian.

Đặc biệt, di sản tư liệu - vốn mong manh và dễ bị tổn thương, đang đứng trước nguy cơ mai một nghiêm trọng. Nhiều tư liệu quý hiện vẫn phân tán trong bộ sưu tập cá nhân, tổ chức, hoặc tồn tại rải rác trong ký ức nhân chứng mà chưa được lưu trữ bài bản, khoa học. Sau các đợt sáp nhập hoặc thay đổi cơ cấu tổ chức, không ít tài liệu bị thất lạc, dẫn đến nguy cơ biến mất vĩnh viễn khỏi ký ức cộng đồng.

Di sản tư liệu là nguồn tài nguyên quý báu trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa, khoa học và giáo dục. Việc để mất những tư liệu này không chỉ là tổn thất

về mặt học thuật, mà còn khiến ký ức tập thể bị đứt đoạn, làm suy giảm khả năng kết nối giữa quá khứ và hiện tại.

3. Gợi ý một vài giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương trong sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp

Một là, có chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc trưng vùng miền. Cần có kế hoạch để bảo tồn các giá trị văn hóa, đặc biệt là văn hóa phi vật thể như lễ hội truyền thống, phong tục tập quán và các đặc trưng ngôn ngữ của các cộng đồng dân cư. Chính sách này cần đặc biệt chú trọng vào các địa phương có cộng đồng dân tộc thiểu số, nơi có sự khác biệt về phong tục và ngôn ngữ, nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa lâu đời của họ. Các lễ hội văn hóa truyền thống cần được duy trì và phát triển qua các hoạt động giao lưu giữa các cộng đồng, qua đó không chỉ bảo tồn mà còn nâng cao sự hiểu biết, hòa nhập giữa các dân tộc. Chính sách phải đảm bảo rằng mỗi di sản văn hóa, dù nằm ở một xã cũ hay một làng nhỏ, đều được ghi nhận và bảo vệ, để không một giá trị nào bị rơi vào quên lãng.

Hai là, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng sau khi sáp nhập. Việc tổ chức thường xuyên các hoạt động giao lưu như hội thi văn hóa, hội diễn nghệ thuật hay lễ hội truyền thống không chỉ tạo điều kiện để các cộng đồng tìm hiểu lẫn nhau, mà còn là dịp để giới thiệu các giá trị văn hóa đặc sắc riêng. Qua đó, tình cảm gắn kết giữa các cộng đồng được củng cố, đồng thời giúp người dân dễ dàng thích nghi và hòa nhập trong môi trường sống mới. Nhờ sự giao thoa và tiếp xúc thường xuyên, các cộng đồng có thể học hỏi lẫn nhau, góp phần hình thành nên một bản sắc văn hóa chung phong phú, đa dạng nhưng vẫn gìn giữ được những giá trị truyền thống cốt lõi.

Đồng thời, thường xuyên tổ chức đối thoại văn hóa, hội thảo giữa các cộng đồng để tạo sự thấu hiểu. Các buổi đối thoại văn hóa nên được tổ chức dưới nhiều hình thức linh hoạt như: Tọa đàm; các cuộc gặp gỡ, trao đổi giữa đại diện các cộng đồng dân cư; hay hội thảo chuyên đề do chính quyền chủ trì với sự tham gia của lực lượng nghiên cứu văn hóa và người dân. Qua những hoạt động này, mỗi bên có cơ hội trình bày nét riêng của mình, đồng thời lắng nghe, thấu hiểu và trân trọng sự đa dạng văn hóa của các cộng đồng khác. Đây không chỉ là bước đệm để hình thành sự hòa hợp trong đời sống văn hóa - xã hội sau sáp nhập, mà còn là nền tảng để xây dựng một bản sắc văn hóa mới mang tính dung hòa, đa chiều, nhưng vẫn giữ được chiều sâu lịch sử - truyền thống của từng vùng.

Ba là, lồng ghép giáo dục văn hóa vào hệ thống trường học. Các trường học, đặc biệt là ở những vùng sáp nhập - nơi hội tụ nhiều cộng đồng dân cư với nền tảng văn hóa khác nhau có thể và nên đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành và phát triển nhận thức về sự đa dạng văn hóa cho thế hệ trẻ. Các môn học

về văn hóa, lịch sử và phong tục tập quán của các vùng miền cần được đưa vào chương trình giảng dạy, không chỉ giúp học sinh hiểu biết về các giá trị văn hóa khác nhau mà còn giúp các em phát triển tinh thần tôn trọng, bảo vệ và phát huy những nét đẹp văn hóa riêng biệt. Hơn nữa, các hoạt động ngoại khóa như tham quan thực tế, trải nghiệm lễ hội truyền thống hay tham quan các di sản văn hóa cần được tổ chức thường xuyên nhằm mở rộng hiểu biết và nuôi dưỡng tình yêu văn hóa cho học sinh. Thông qua những chuyến đi thực tế đến các làng nghề, di tích lịch sử - văn hóa hay các địa điểm mang đậm bản sắc văn hóa vùng miền, học sinh không chỉ được học hỏi từ thực tiễn mà còn phát triển sự gắn bó với văn hóa dân tộc. Những trải nghiệm này giúp các em cảm nhận được sự phong phú, đa dạng của văn hóa Việt Nam và từ đó hình thành tư duy cởi mở, biết trân trọng giá trị truyền thống cũng như sự khác biệt giữa các vùng miền. Đây cũng là cơ hội để học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hình thành ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa trong thời đại hội nhập.

Bốn là, xây dựng và phát triển hệ thống truyền thông về văn hóa. Để nâng cao nhận thức cộng đồng về sự quan trọng của việc phát triển và giao thoa văn hóa, cần xây dựng hệ thống truyền thông hiệu quả. Các phương tiện truyền thông như đài phát thanh, truyền hình, báo chí và cổng thông tin điện tử của địa phương có thể dành một phần không gian lớn để giới thiệu các giá trị văn hóa của các cộng đồng dân cư trong khu vực sáp nhập. Những chương trình truyền hình, bài viết, phóng sự có thể giúp người dân hiểu rõ hơn về các lễ hội, phong tục tập quán, hoặc các di sản văn hóa đặc sắc của các địa phương. Bên cạnh đó, phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian, già làng, chức sắc tôn giáo trong việc bảo tồn và truyền dạy văn hóa địa phương. Họ có thể đóng vai trò cầu nối trong việc giáo dục và chia sẻ kiến thức văn hóa giữa các thế hệ.

Năm là, xây dựng các chương trình lưu giữ, số hóa di sản văn hóa. Một trong những giải pháp quan trọng nhằm bảo vệ bản sắc văn hóa trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính là xây dựng các chương trình bảo tồn và chuyển hóa di sản văn hóa sang dạng số hóa. Điều này không chỉ giúp lưu giữ lâu dài những giá trị văn hóa truyền thống mà còn tạo điều kiện để các thế hệ sau dễ dàng tiếp cận và hiểu biết về cội nguồn văn hóa của địa phương. Cụ thể, các hoạt động như ghi âm, ghi hình lễ hội dân gian, phong tục tập quán, làn điệu dân ca, tri thức dân gian, sau đó được số hóa và lưu trữ trên các nền tảng số, có thể giúp bảo tồn những nét văn hóa dễ bị mai một trong quá trình sáp nhập. Việc số hóa này cũng mở ra cơ hội để quảng bá văn hóa địa phương tới cộng đồng rộng lớn hơn thông qua các website, thư viện điện tử hoặc mạng xã hội. Đây không chỉ là biện pháp kỹ thuật mà còn là một cách tiếp cận mới, giúp gắn kết quá khứ với hiện tại, đồng thời giữ cho văn hóa sống động trong đời sống cộng đồng dù cơ cấu hành chính có thay đổi.

Tóm lại, mọi sự thay đổi đều mang đến cơ hội lẫn thách thức, nhưng nếu biết tận dụng, biết đặt văn hóa vào trung tâm của sự phát triển, thì sáp nhập không chỉ là bài toán hành chính, mà còn là cơ hội để phát triển văn hóa vững mạnh hơn, nơi kỷ ước và sáng tạo cùng song hành, nơi di sản không chỉ được bảo tồn mà còn tiếp tục viết nên những trang mới rực rỡ hơn. Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương trong quá trình sáp nhập đơn vị hành chính không phải là nhiệm vụ đơn giản, nhưng với các giải pháp đồng bộ sẽ tạo ra một môi trường văn hóa đa dạng, phong phú hơn, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương sau sáp nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.*
- 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.*
- 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.*
- 4. Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.*

Vai trò gắn kết của đội ngũ trí thức ngành công thương với doanh nghiệp và chính quyền tỉnh Đồng Nai mới sau khi sáp nhập

Phạm Châu Tuấn

Phó Trưởng phòng KHTCTH, Sở Công Thương Đồng Nai

MỞ ĐẦU

Việc triển khai chủ trương sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước theo định hướng của Trung ương không chỉ là bước đi chiến lược về tổ chức hành chính, mà còn mở ra những thời cơ mới cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ. Trong bối cảnh đó, đội ngũ trí thức ngành Công Thương đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kết nối doanh nghiệp - chính quyền, thúc đẩy hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Từ nhận thức đó, bài tham luận xin đề cập một số vấn đề liên quan đến vai trò gắn kết của đội ngũ trí thức ngành Công Thương, và đề xuất một số kiến nghị để phát huy hiệu quả hơn nữa nguồn lực này trong giai đoạn tới.

I. VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Cầu nối tri thức giữa chính quyền và doanh nghiệp

Với kiến thức chuyên môn sâu rộng và kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước, đội ngũ trí thức ngành Công Thương là lực lượng nòng cốt trong việc tham mưu chính sách, cụ thể hóa các chủ trương phát triển công nghiệp - thương mại phù hợp với điều kiện tỉnh mới sau sáp nhập.

Đặc biệt, trong việc triển khai các chương trình như Kế hoạch chuyển đổi số ngành Công Thương năm 2025, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, đội ngũ trí thức đã đóng vai trò chủ công trong truyền đạt, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách mới.

2. Đồng hành cùng doanh nghiệp trong chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh

Trong giai đoạn hiện nay, chuyển đổi số không còn là xu hướng mà là điều kiện sống còn của doanh nghiệp. Trí thức ngành Công Thương đã và đang hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nền tảng công nghệ như thương mại điện tử, hợp đồng điện tử, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây...

Mục tiêu đến năm 2025: tỷ trọng kinh tế số ngành công thương đạt tối thiểu 10% và trên 50% doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số. Đây chính là cơ hội và cũng là thách thức lớn, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ của đội ngũ trí thức.

3. Thúc đẩy liên kết vùng, hình thành chuỗi cung ứng liên tỉnh

Sau sáp nhập, không gian kinh tế - xã hội được mở rộng, nhưng đi kèm là thách thức về liên thông chính sách, kết nối thị trường, nguồn lực. Trí thức ngành Công Thương cần phát huy vai trò đầu mối trong tổ chức xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, phát triển công nghiệp hỗ trợ, từ đó hình thành các chuỗi giá trị liên tỉnh bền vững.

Đặc biệt, việc xây dựng các chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm công nghiệp nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao là mảng hoạt động cần có sự đồng hành sâu sát của đội ngũ này.

4. Góp phần xây dựng chính quyền số

Chính quyền số là một trong ba trụ cột của chương trình chuyển đổi số quốc gia. Trí thức ngành Công Thương đang trực tiếp góp phần hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, chuẩn hóa dữ liệu ngành, từ đó nâng cao hiệu quả điều hành, minh bạch hóa quản lý nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh.

II. KIẾN NGHỊ ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ GẮN KẾT

1. Tăng cường cơ chế trọng dụng trí thức

Tỉnh cần có chính sách thu hút, đãi ngộ, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức tham gia sâu vào các hội đồng tư vấn chính sách, tổ công tác liên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, chuyển đổi số.

2. Phát triển các chương trình đào tạo phối hợp giữa Sở Công Thương - Doanh nghiệp

Các chương trình tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm về công nghệ, pháp lý, hội nhập số nên được tổ chức định kỳ, giúp nâng cao năng lực đồng đều cho cả cơ quan quản lý lẫn doanh nghiệp.

3. Thiết lập các diễn đàn kết nối Chính quyền – Doanh nghiệp – Trí thức

Tổ chức các diễn đàn công nghiệp số, hội thảo chuyên đề, kết nối chuyên gia với doanh nghiệp nhằm chia sẻ mô hình thành công, tháo gỡ vướng mắc thực tiễn, và gắn kết hơn nữa ba thành phần quan trọng này.

KẾT LUẬN

Tiến trình sáp nhập tỉnh không chỉ là cơ hội phát triển về địa lý và nguồn lực, mà còn là lúc cần sự chung sức, đồng lòng của mọi lực lượng, đặc biệt là đội ngũ trí thức. Với vai trò cố vấn, kết nối, truyền đạt tri thức và triển khai thực tiễn, đội ngũ trí thức ngành Công Thương chính là “hạt nhân” thúc đẩy:

- Chính sách đi vào cuộc sống;
- Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo;
- Kinh tế số phát triển hiệu quả;
- Chính quyền số phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Sự phối hợp hiệu quả giữa Trí thức - Doanh nghiệp - Chính quyền sẽ là “chìa khóa vàng” hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới của tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập.

.....

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch số 433-KH/TU ngày 28/02/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của ngành Công Thương.

Nghị quyết số 21- NQ/ĐUSCT ngày 21/01/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ Sở Công Thương về thực hiện chuyển đổi số ngành công thương đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Hợp tác liên trường, liên ngành: Động lực phát triển trí thức Đồng Nai - Bình Phước sau sáp nhập

TS. Phạm Hùng Đức

Hiệu phó Trường Đại học Đồng Nai
Email: phamhungduc@gmail.com

TÓM TẮT

Bài tham luận này phân tích tiềm năng và đề xuất các mô hình hợp tác liên trường, liên ngành trong nghiên cứu và đào tạo của đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mới (hợp nhất từ Đồng Nai và Bình Phước). Trên cơ sở quán triệt tinh thần các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 về phát triển vùng Đông Nam Bộ và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, bài viết lập luận rằng việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ trí thức thông qua hợp tác chặt chẽ là yếu tố then chốt để giải quyết các vấn đề lớn của tỉnh và thúc đẩy phát triển bền vững. Các mô hình hợp tác từ trung tâm nghiên cứu liên ngành, chương trình đào tạo song bằng/liên kết, nền tảng chia sẻ nguồn lực số sẽ được đề xuất, đi kèm với các giải pháp cụ thể nhằm tối ưu hóa hiệu quả hợp tác, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ, biến tiềm lực trí thức thành động lực tăng trưởng bền vững cho tỉnh Đồng Nai mới.

Từ khóa: Hợp tác liên trường, liên ngành, trí thức, Đồng Nai mới, Nghị quyết 24-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW, nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển đổi số.

I. MỞ ĐẦU

Thực hiện Nghị quyết số 202/NQ-QH15 của Quốc hội, tỉnh Đồng Nai và Bình Phước sáp nhập thành tỉnh Đồng Nai mới. Đây không chỉ là một phép cộng cơ học về địa giới, mà là sự kiến tạo một không gian phát triển mới, một thực thể kinh tế - xã hội khổng lồ với quy mô dân số lên tới gần 4,4 triệu người và diện tích rộng lớn hơn 12.700 km² - tỉnh Đồng Nai mới chính thức trở thành một trong những tỉnh lớn nhất cả nước. Quy mô này đặt ra một yêu cầu quan trọng: tư duy phát triển của chúng ta không thể đi theo lối mòn, mà phải là một sự cộng hưởng sức mạnh mang tính đột phá. Trong không gian mới đó, động lực tăng trưởng không thể chỉ đến từ tài nguyên hữu hạn, mà phải đến từ nguồn vốn vô hạn của tri thức.

Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam bộ, không chỉ là một văn bản định hướng, mà chính là "đơn đặt hàng" cụ thể. Nghị quyết yêu cầu vùng Đông Nam Bộ phải trở thành trung tâm

kinh tế, tài chính, giáo dục và khoa học công nghệ hàng đầu, đóng góp trên 30% GDP cả nước. Đồng thời, Nghị quyết 57-NQ/TW nhấn mạnh rằng con đường để đạt được mục tiêu đó phải thông qua đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tỉnh Đồng Nai mới, với tiềm lực của một "công xưởng" công nghiệp hàng đầu (với 52 KCN theo quy hoạch) và một "vựa" nông sản chiến lược (với diện tích đất KCN tiềm năng hơn 18.000 ha và là thủ phủ cây công nghiệp), phải là lá cờ đầu trong việc hiện thực hóa khát vọng to lớn này.

Để thực thi nhiệm vụ đó, đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, sức mạnh của từng nhà khoa học, từng giảng viên riêng lẻ sẽ không đủ. Vì vậy, hợp tác liên trường, liên ngành không còn là một lựa chọn, mà là giải pháp chiến lược để biến tiềm năng thành sức mạnh, biến các "điểm sáng" tri thức đơn lẻ thành "một chòm sao" dẫn lối cho sự phát triển thịnh vượng và bền vững của tỉnh nhà.

II. CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ PHÁP LÝ CHO HỢP TÁC TRÍ THỨC

2.1. Lý thuyết hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhấn mạnh vai trò trung tâm của các trường đại học và viện nghiên cứu trong việc kết nối với doanh nghiệp, nhà nước và cộng đồng - hình thành mô hình hợp tác "ba nhà" hoặc mở rộng thành "bốn nhà" (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000). Mô hình này phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Đồng Nai mới, đặc biệt trong việc thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

2.2. Khung pháp lý và định hướng từ các Nghị quyết của Bộ Chính trị

Nghị quyết 24-NQ/TW (2022): Định hướng phát triển Đông Nam Bộ theo hướng kinh tế số, đô thị thông minh, hạ tầng hiện đại, công nghệ cao và nhân lực chất lượng cao. Nhấn mạnh vai trò liên kết vùng và xây dựng các trung tâm nghiên cứu - đào tạo.

Nghị quyết 57-NQ/TW (2024): Tập trung vào đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định đại học, viện nghiên cứu là lực lượng nòng cốt và yêu cầu hợp tác chặt chẽ giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

2.3. Yêu cầu từ Kế hoạch Liên tịch tổ chức Hội thảo "Niềm tin và kỳ vọng của đội ngũ trí thức trước tiến trình sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước": Khẳng định mục đích xây dựng mạng lưới kết nối trí thức lâu dài, phát huy vai trò phản biện, đề xuất giải pháp để đảm bảo trí thức có môi trường, cơ chế thuận lợi phát huy tài năng, trí tuệ. Đây chính là tiền đề cho các hoạt động hợp tác.

III. TIỀM NĂNG HỢP TÁC CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI MỚI

3.1. Nguồn lực con người (Đội ngũ trí thức):

Tỉnh Đồng Nai mới có trong tay một đội ngũ trí thức đa dạng và bổ trợ cho nhau một cách hoàn hảo. Một bên là "mật độ tri thức" cao của Đồng Nai,

với hệ thống nhiều trường đại học, cao đẳng. Riêng Trường Đại học Đồng Nai đã có một đội ngũ hùng hậu với gần 50 Tiến sĩ và 2 Phó giáo sư, có thể mạnh về đào tạo đa ngành và nghiên cứu ứng dụng công nghiệp. Còn ở Bình Phước, với “chuyên gia thực tế” tại các trường Cao đẳng, am hiểu sâu sắc về nông lâm nghiệp, tài nguyên bản địa và văn hóa địa phương.

Sự kết hợp này tạo ra một đội ngũ vừa có nền tảng học thuật vững chắc, vừa am hiểu sâu sắc thực tiễn, có khả năng giải quyết các bài toán liên ngành phức tạp từ công nghiệp 4.0, Logistics thông minh đến nông nghiệp bền vững và bảo tồn sinh thái.

3.2. Cơ sở vật chất và hạ tầng nghiên cứu:

Các trường đại học ở Đồng Nai, trong đó riêng Trường Đại học Đồng Nai hiện có các phòng thí nghiệm chuyên ngành, thư viện với số lượng lớn đầu sách và cơ sở dữ liệu học thuật. Việc chia sẻ thiết bị nghiên cứu giữa các đơn vị (như thiết bị phân tích môi trường, nghiên cứu vật liệu) giúp tối ưu hóa nguồn lực, tránh lãng phí. Đồng thời, cần phát triển hạ tầng số như thư viện số, cơ sở dữ liệu dung chung về nghiên cứu và chuyên gia để tăng cường chia sẻ tri thức. Trong khi đó, Bình Phước sở hữu tài sản vô giá là quỹ đất rộng lớn, có thể trở thành một "đại phòng thí nghiệm" cho các dự án thực nghiệm quy mô lớn mà Đồng Nai đang thiếu.

Các nghiên cứu trong phòng lab của các trường đại học ở Đồng Nai có thể được đưa ra thử nghiệm ngay tại một trung tâm thực nghiệm quy mô hàng chục hecta ở Bình Phước. Quỹ đất này chính là không gian để xây dựng các thung lũng công nghệ nông nghiệp, các trung tâm thử nghiệm năng lượng tái tạo, hay các khu đô thị đại học trong tương lai. Đây là sự bổ trợ lý tưởng: nơi "bộ não" nghiên cứu sẽ có "không gian" để triển khai.

3.3. Kinh nghiệm và mạng lưới đối tác:

Các trường đại học ở Đồng Nai có mạng lưới đối tác là các tập đoàn công nghiệp, doanh nghiệp FDI trong 52 KCN và các viện nghiên cứu quốc tế. Trong khi đó, các trường ở Bình Phước có mối liên kết chặt chẽ với các hiệp hội ngành hàng nông sản chiến lược (điều, cao su, hồ tiêu), các hợp tác xã và cộng đồng địa phương. Hợp tác liên trường sẽ mở rộng mạng lưới, tăng cường cơ hội tiếp cận nguồn lực, đặt hàng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Chia sẻ kinh nghiệm quản lý, vận hành các dự án khoa học công nghệ, phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế.

IV. MÔ HÌNH HỢP TÁC LIÊN NGÀNH, LIÊN TRƯỜNG: ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT

Các mô hình hợp tác bám sát các mục tiêu phát triển của tỉnh Đồng Nai mới và định hướng từ Nghị quyết 24-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW.

4.1. Hợp tác trong Nghiên cứu khoa học và Đổi mới sáng tạo (R&D và Innovation):

Thành lập các Trung tâm/Viện Nghiên cứu liên kết Chiến lược:

Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ số & Công nghiệp 4.0 Đồng Nai: Tập trung nghiên cứu về Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Big Data), Tự động hóa, Vật liệu mới, Công nghệ sinh học ứng dụng trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Mục tiêu là tạo ra các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số của tỉnh, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW (Bộ Chính trị, 2024). (Tỉnh Đồng Nai mới là tỉnh có số lượng khu công nghiệp lớn nhất nước với 52 KCN).

Viện Nghiên cứu Phát triển Đô thị Thông minh và Hạ tầng Bền vững: Giải quyết các bài toán về quy hoạch đô thị thông minh, phát triển hệ thống giao thông đa phương thức, quản lý môi trường, xử lý chất thải, và thích ứng biến đổi khí hậu trong bối cảnh đô thị hóa nhanh. Đây là yêu cầu của Nghị quyết 24-NQ/TW về phát triển vùng Đông Nam Bộ (Bộ Chính trị, 2022).

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao và Chuỗi giá trị toàn cầu: Tập trung vào công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa trong canh tác và chăn nuôi, chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc. Đặc biệt khai thác thế mạnh về đất đai và cây công nghiệp của Bình Phước (cây điều, hồ tiêu, cao su) và các vùng nông nghiệp của Đồng Nai (Bình Phước là tỉnh có diện tích cây điều lớn nhất cả nước, cần ứng dụng công nghệ để nâng cao giá trị chuỗi sản xuất (Niên giám Thống kê Bình Phước, 2023)).

Các Nhóm nghiên cứu liên ngành, liên trường giải quyết vấn đề cụ thể của tỉnh:

- + Nghiên cứu về quản lý tài nguyên nước hiệu quả trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên lưu vực sông Đồng Nai, bao gồm các chuyên gia thủy lợi, môi trường, kinh tế, xã hội.

- + Nghiên cứu đánh giá tác động xã hội và kinh tế của quá trình sáp nhập, từ đó đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển đổi cho người dân và doanh nghiệp.

4.2. Hợp tác trong Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Chương trình đào tạo liên kết và song bằng: Xây dựng các chương trình đào tạo mới, tiên tiến, đáp ứng trực tiếp nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển của tỉnh Đồng Nai mới. *Ví dụ:* Chương trình Cử nhân/Kỹ sư Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (Đại học Đồng Nai) liên kết với Thạc sĩ Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng (từ một trường đại học có thế mạnh ở TP. Hồ Chí Minh) để cung cấp nhân lực cho hệ thống cảng biển, logistics lớn của Đồng Nai mới.

- Đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao năng lực: Mạng lưới Đại học Đồng Nai mới phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ,

công chức, viên chức của tỉnh về quản trị công hiện đại, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, kinh tế xanh, quản lý đô thị thông minh. Điều này trực tiếp thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 57-NQ/TW và 24-NQ/TW về cải cách hành chính và phát triển vùng (Bộ Chính trị, 2022; 2024).

- **Cơ chế chia sẻ giảng viên, chuyên gia và sinh viên:**

+ Xây dựng nền tảng “Giảng viên và Chuyên gia chung”. Tập hợp dữ liệu về các chuyên gia, giảng viên giỏi của tất cả các trường trong tỉnh Đồng Nai mới. Kết hợp mời giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia từ các trường/viện đối tác trong nước và quốc tế đến giảng dạy các học phần chuyên sâu, hướng dẫn nghiên cứu.

+ Tổ chức các chương trình “học kỳ trao đổi”, “học kỳ doanh nghiệp” giúp trao đổi sinh viên giữa các trường, gửi sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp trong tỉnh Đồng Nai mới, cũng như với bên ngoài tỉnh để mở rộng kiến thức và kỹ năng thực tế.

4.3. Hợp tác xây dựng Hạ tầng và Nền tảng dùng chung,

- Xây dựng "Thư viện số và Hệ tri thức Đồng Nai mới": Xây dựng một cổng thông tin duy nhất, tích hợp toàn bộ tài nguyên số (sách điện tử, tạp chí khoa học, cơ sở dữ liệu quốc tế) mà các trường đang có. Mọi giảng viên, nhà khoa học, sinh viên trong tỉnh đều có thể truy cập bằng một tài khoản chung.

- Phát triển "Mạng lưới Phòng thí nghiệm mở" (Open Lab Network): Xây dựng một bản đồ số hóa các phòng thí nghiệm và trang thiết bị nghiên cứu trọng điểm trên toàn tỉnh. Các nhà khoa học có thể đăng ký trực tuyến để sử dụng thiết bị tại một đơn vị khác theo một quy chế phối hợp rõ ràng.

V. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HIỆU QUẢ HỢP TÁC

5.1. Vai trò dẫn dắt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai mới:

- **Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù:** Xây dựng các nghị quyết, quyết định cụ thể về khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các dự án hợp tác liên trường, liên ngành. Có thể thành lập Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo riêng của tỉnh, ưu tiên cho các hoạt động hợp tác.

- **Cơ chế công nhận và ứng dụng kết quả:** Xây dựng quy định rõ ràng về việc công nhận và đưa kết quả nghiên cứu từ các dự án hợp tác vào thực tiễn quản lý, sản xuất của tỉnh.

- **Tạo môi trường thuận lợi:** Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo "cơ chế mở" cho việc ký kết và triển khai các thỏa thuận hợp tác giữa các bên.

5.2. Nâng cao năng lực và vai trò điều phối của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai mới:

Liên hiệp Hội cần đóng vai trò trung tâm trong việc kết nối các nhà khoa học, tổ chức các diễn đàn, hội thảo định kỳ, chuyên đề để thúc đẩy trao đổi, hình

thành ý tưởng và nhóm nghiên cứu mới. Phát huy vai trò phản biện xã hội, tư vấn chính sách khoa học công nghệ cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

5.3. Đầu tư đồng bộ vào hạ tầng số và nền tảng chia sẻ dữ liệu:

Xây dựng hệ thống thư viện số liên thông giữa các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh.

Phát triển cơ sở dữ liệu tập trung về đội ngũ chuyên gia, các công trình nghiên cứu, kết quả đề tài khoa học công nghệ của tỉnh, có cơ chế truy cập và chia sẻ phù hợp.

Ứng dụng các công nghệ quản lý dự án trực tuyến, điện toán đám mây để hỗ trợ hiệu quả các nhóm nghiên cứu liên trường.

5.4. Gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và cộng đồng:

Thúc đẩy mô hình hợp tác "Đại học - Viện - Doanh nghiệp - Nhà nước" (bốn nhà) trong nghiên cứu và đào tạo. Doanh nghiệp cần chủ động đặt hàng nghiên cứu, tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo để đảm bảo tính ứng dụng và đáp ứng thị trường;

Các đề tài nghiên cứu cần xuất phát từ các vấn đề cấp bách, ưu tiên của tỉnh Đồng Nai mới, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi.

5.5. Đánh giá, khen thưởng và lan tỏa thành công:

Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả của các dự án hợp tác một cách minh bạch, định kỳ.

Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc vào hoạt động hợp tác khoa học và đào tạo, tạo động lực cho sự phát triển. Lan tỏa các câu chuyện thành công để truyền cảm hứng và thúc đẩy các hoạt động hợp tác khác.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1. Kết luận:

Hợp tác liên trường và liên ngành không chỉ là một lựa chọn mà là một chiến lược then chốt để phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của đội ngũ trí thức Đồng Nai - Bình Phước trong giai đoạn sáp nhập và phát triển mới. Đây là yếu tố quyết định để hiện thực hóa các mục tiêu cao cả của Nghị quyết 24-NQ/TW về phát triển vùng Đông Nam Bộ và Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai mới trở thành một cực tăng trưởng năng động và bền vững.

6.2. Kiến nghị:

- **Với Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai mới:** Kính đề nghị Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai mới quan tâm, chỉ đạo sát sao, có các chính sách đột phá, bố trí nguồn lực xứng đáng và tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất để thúc đẩy mạnh

mẽ các hoạt động hợp tác liên trường, liên ngành trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

- **Với các Bộ, ngành Trung ương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ):** Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, có chính sách hỗ trợ cụ thể cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh đang trong giai đoạn chuyển đổi, xây dựng các mô hình hợp tác đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp.

- **Với các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn:** Kính đề nghị các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mới và khu vực đổi mới tư duy, vượt qua các rào cản hành chính và cục bộ, đề xuất và triển khai các sáng kiến hợp tác liên ngành, liên trường vì sự phát triển chung của tỉnh và khu vực.

- **Trường Đại học Đồng Nai:** Với vai trò là một cơ sở giáo dục đại học chủ chốt tại địa phương, Trường Đại học Đồng Nai cam kết sẽ tiên phong và chủ động trong việc triển khai các sáng kiến hợp tác, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển phồn vinh của tỉnh Đồng Nai mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2022) Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2. Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
3. Thủ tướng chính phủ (2025), Quyết định số 1131/QĐ-TTg, ngày 12/6/2025 của Thủ tướng chính phủ về việc Ban hành danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược
4. Đại học Đồng Nai. (2024), Nghị quyết số 79/NQ-HĐT ngày 12/01/2023 của Hội đồng trường Đại học Đồng Nai; thực hiện Kế hoạch 277/KH-ĐHĐN thực chiến lược phát triển trường Đại học Đồng Nai giai đoạn 2025-2030.
5. Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). The dynamics of innovation: From National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of university-industry-government relations. *Research Policy*, 29(2), 109-123.
6. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam: <https://vusta.vn/tu-van-phan-bien.html>
7. Tình hình kinh tế xã hội Quý I/2025 – Tỉnh Đồng Nai, <https://www.dongnai.gov.vn/Pages/newsdetail.aspx?NewsId=53583&CatId=122>
8. Tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng năm 2025 – tỉnh Bình Phước, <https://binhphuoc.gov.vn/vi/ctk/san-pham/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-4-va-4-thang-nam-2025-734.html>

Thực trạng và giải pháp xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập.

Hạnh Linh

Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Đồng Nai

I. Đánh giá thực trạng và sự đóng góp của lực lượng trí thức khoa học công nghệ trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua.

Như chúng ta đều biết Khoa học và công nghệ là động lực để phát triển đất nước, giữ vai trò quyết định để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, XII và XIII của Đảng đã xác định nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong quá trình CNH - HĐH đất nước. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách, chủ trương tập trung phát triển nông nghiệp, nâng cao đời sống cho nông dân nhằm từng bước xóa đi khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

Trong những năm qua, đóng góp của khoa học và công nghệ đã quyết định trực tiếp đến năng suất và chất lượng sản phẩm, trong đó có sản phẩm nông nghiệp. Việc nghiên cứu ứng dụng và triển khai các Chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp trở thành nhân tố quan trọng đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần không nhỏ trong việc hoàn thiện các tiêu chí đánh giá công nhận đạt nông thôn mới (NTM) của tỉnh. Bộ mặt nông thôn của tỉnh đã thay đổi rất nhiều, trong đó không thể phủ nhận vai trò của đội ngũ trí thức của tỉnh luôn gắn bó với bà con nông dân để góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng của các sản phẩm nông nghiệp tiềm năng trên địa bàn.

Tính đến tháng 4/2025, tỉnh Đồng Nai có 111/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) nâng cao đạt 95,7% mục tiêu đề ra, ngoài ra có 33/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vượt mục tiêu năm 2025. Đồng Nai cũng đạt kết quả cao trong mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Năm 2023, huyện Xuân Lộc đạt huyện NTM nâng cao. Năm 2024 Đồng Nai có thêm 02 huyện Định Quán và Thống Nhất. Ngoài ra hai huyện Cẩm Mỹ và Vĩnh Cửu cũng đang được các sở ngành thẩm tra hồ sơ. Với kết quả đó, hiện tại Đồng Nai đang đứng thứ hai cả nước về số xã nông thôn mới nâng cao. Thành quả này đã giúp cho thu nhập bình quân của người nông dân đạt trên 90 triệu đồng/năm. Giá trị sản xuất ngành nông-lâm - thủy sản tăng bình quân 4,38% năm. Cơ cấu cây trồng từng bước được chuyển đổi, tăng dần diện tích cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản xuất đạt chuẩn xuất khẩu.

Về giải pháp đã được thực hiện trên lĩnh vực khoa học công nghệ.

Để đạt được các kết quả trên, thời gian qua, hoạt động khoa học công nghệ với sự đóng góp của đội ngũ trí thức của tỉnh Đồng Nai đã tập trung vào một số nội dung:

1. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất: Với mục tiêu đẩy mạnh nghiên cứu triển khai ứng dụng và phát triển các sản phẩm gắn với việc triển khai các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các đề tài về nông nghiệp đã nghiên cứu và triển khai được một số tiến bộ kỹ thuật về qui trình công nghệ và sản phẩm chất lượng cao. Đặc biệt, đã ứng dụng công nghệ sinh học tạo ra các giống mới, các qui trình tạo cây trồng sạch bệnh (tre bát độ, tre Tứ quý, bưởi, phong lan, mít, mía), vật nuôi (dê Boer, bò sữa lai HF). Một số kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án đã được ứng dụng vào thực tiễn, là động lực để thúc đẩy người dân tham gia chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, góp phần phát triển kinh tế và mở rộng dịch vụ như du lịch sinh thái vườn, bảo tồn đa dạng sinh học và nhân rộng các loài lan rừng, tạo điều kiện để có thể thương mại hóa, thúc đẩy quá trình CNH - HĐH nông nghiệp và nông thôn của tỉnh.

2. Đối với cây ăn quả: với việc áp dụng công nghệ ghép, nuôi cấy mô, nhân hom đã nhân nhanh các giống mới có năng suất cao, các giống cây ăn quả quý để phục vụ sản xuất (giống bưởi đường lá cam ít hạt). Sản lượng cây ăn quả tiếp tục tăng hàng năm, ước tính tỷ lệ diện tích sử dụng giống mới trong sản xuất cây ăn quả hiện nay là trên 70%.

3. Về chăn nuôi: với việc đẩy mạnh ứng dụng những tiến bộ mới về di truyền, khai thác có hiệu quả nguồn gen quý của vật nuôi, lai tạo các giống ngoại nhập, chọn tạo các giống vật nuôi có năng suất cao phù hợp với điều kiện Việt Nam, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành chăn nuôi. Các kết quả về chăn nuôi đã mở ra triển vọng lớn cho chăn nuôi gia cầm tại các nông hộ gia đình, tạo nguồn thu nhập cho nông dân; Đã đưa ứng dụng công nghệ cấy truyền phôi để tạo đàn bò hạt nhân hướng sữa cho năng suất cao, đạt 3.400 - 4000 lít/chu kỳ cao gấp 1,5 lần giống bò sữa thường; công tác “sind hoá” đàn bò được đưa vào áp dụng trong thực tế sản xuất.

4. Các kết quả nghiên cứu và ứng dụng đã xây dựng được nhiều mô hình trình diễn về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ phục

vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với vùng sinh thái, đảm bảo ổn định sản xuất, từng bước phát triển các ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ phục vụ sản xuất.

5. Thông qua hoạt động nghiên cứu ứng dụng và triển khai các dự án (bao gồm dự án NTMN), các mô hình ứng dụng KH-CN tiên tiến đã được chuyển giao đến người dân như: triển khai xây dựng mô hình tại các nông hộ, tập huấn kỹ thuật mới, hội nghị đầu bờ, tổ chức cho đi tham quan học tập kinh nghiệm và về thực hiện ngay trên đất của mình.

Hội thi sáng tạo kỹ thuật trong nông dân thông qua việc xây dựng các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi điển hình tiên tiến, kinh nghiệm, sáng tạo của nông dân trong hoạt động ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ thực tiễn vào sản xuất kinh doanh dịch vụ, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phù hợp với từng địa phương. Đó là những hoạt động nhằm thúc đẩy ứng dụng tiến bộ KH-CN vào thực tiễn sản xuất.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong hội viên nông dân. Nhằm góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân ở các xã, Hội Nông dân tỉnh đã triển khai rất nhiều nội dung thông qua các chương trình tập huấn, đào tạo với phương châm cầm tay chỉ việc, thông qua đó đã xây dựng được nhiều mô hình mô hình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện tỉnh Đồng Nai.

II. Tỉnh Đồng Nai mới sau khi sáp nhập. Một số giải pháp đề xuất thực hiện.

Tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập có diện tích hơn 12.700 km², quy mô dân số hơn 4,2 triệu người, có 95 đơn vị hành chính cấp phường/xã. Trong đó, tỉnh Đồng Nai (cũ) có 55 phường/xã, tỉnh Bình Phước (cũ) có 40 đơn vị hành chính cấp phường/xã. Việc thành lập tỉnh Đồng Nai mới sẽ tạo thế và lực mới trong việc xây dựng và phát triển kinh tế xã hội. Là điều kiện để tạo sự thay đổi về cơ cấu sản xuất, cơ cấu ngành nghề, tổ chức sinh hoạt xã hội, tổ chức không gian kiến trúc xây dựng, thu hút nguồn lực đầu tư, phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ. Sau khi sáp nhập, tỉnh Đồng Nai mới sẽ có 23 phường và 72 xã, để tiếp tục chương trình xây dựng nông thôn mới tại 72 xã mới cần có sự rà soát,

đánh giá, tính toán nguồn lực của các xã mới và xác định mục tiêu mới xây dựng NTM đến năm 2030.

Có thể nói đây là một khối lượng công việc hết sức to lớn, sự thay đổi toàn diện về nhận thức, tư duy và tầm nhìn trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn 2026-2030. Đứng trên phương diện vĩ mô thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần tham mưu cho Chính Phủ xây dựng Chương trình và các bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2026-2030 để làm cơ sở cho các địa phương nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch; tính toán nguồn lực và xác định mục tiêu xây dựng NTM đến năm 2030 cho địa phương mình.

Lẽ dĩ nhiên Bộ tiêu chí để xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu có nhiều nội dung quan trọng khác nhau nhưng với góc độ Khoa học và Công nghệ xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp góp phần xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới.

Thứ nhất: Theo số liệu thống kê cho thấy sau khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai mới sẽ có 23 phường và 72 xã, với kết quả đạt được trong thời gian qua, cần có sự đánh giá và thống kê lại về tiến trình thực hiện NTM của tỉnh trong điều kiện mới, từ đó xây dựng chương trình mục tiêu xây dựng NTM của tỉnh cho giai đoạn 2025-2030 phù hợp.

Thứ hai: Cần nghiên cứu những vấn đề phát triển liên quan xây dựng NTM. Xây dựng NTM cần gắn chặt với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn. Phát triển NTM phải triển khai song song với đô thị hóa nông thôn bền vững và tăng cường liên kết nông thôn-đô thị. Gắn kết xây dựng NTM với đẩy nhanh đô thị hóa đặc biệt là các vùng ven đô thị. Thời gian qua, quá trình phát triển đô thị hóa ở Đồng Nai có phát triển nhanh nhưng do những điều kiện địa lý khách quan vẫn còn đa số bộ phận dân cư sống ở nông thôn (cả ở Đồng Nai cũ và Bình Phước cũ).

Thứ ba: Khi thực hiện xây dựng NTM ở tỉnh Đồng Nai mới cũng cần hết sức quan tâm nghiên cứu những vấn đề dân tộc và tôn giáo. Tỉnh Đồng Nai sau khi sáp nhập sẽ là tỉnh có nhiều dân tộc, nhiều tín đồ của các tôn giáo khác nhau. Vì vậy, cần phải có những giải pháp để xây dựng NTM cho phù hợp.

Thứ tư: Nâng cao năng lực sáng tạo, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ và khởi nghiệp ở nông thôn. Đẩy mạnh việc chuyên nghiệp hóa và doanh nhân hóa nông dân, gắn với thu hút đầu tư doanh nghiệp và khởi nghiệp nông thôn để tạo lập và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp bền vững.

Thứ năm: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ cho nông dân: Nhằm góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân các xã. Cần xây dựng điểm cung cấp thông tin KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã mới hình thành, đảm bảo mỗi xã mới có từ 2 đến 3 điểm vừa làm nhiệm vụ cung cấp thông tin KHCN vừa **kết hợp phổ cập bình dân học vụ số cho nông dân, từng bước xây dựng một thể hệ nông dân số.**

Thứ sáu: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn với các hướng dẫn, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi phù hợp với đặc điểm sinh thái, thổ nhưỡng của các xã, cung cấp và cho phép tìm kiếm trao đổi với nhiều nhà khoa học, chuyên gia tư vấn những vấn đề về nông nghiệp - nông thôn.

Thứ bảy: Tổ chức triển khai các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, **ứng dụng công nghệ sinh học** trong sản xuất nông nghiệp, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bằng nhiều hình thức thích hợp tới đông đảo nông dân. Xây dựng các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi điển hình tiên tiến, kinh nghiệm, sáng tạo của nông dân trong hoạt động ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Hỗ trợ bảo vệ tài sản trí tuệ cho nông dân và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- *Phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn (<https://nhandan.vn>)*
- *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm BCH TW Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
- *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

Tham luận của Hội Sinh vật cảnh Bình Phước

ThS. KTS. Bùi Thanh Tùng

Phó Chủ tịch Hội Sinh Vật cảnh tỉnh Bình Phước

Kính thưa quý lãnh đạo, quý đại biểu và các nhà khoa học!

Tôi xin phép được trình bày bài tham luận với tư cách là Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh tỉnh Bình Phước - một hội thành viên trong hệ thống Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật.

Việc Quốc hội thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15, hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước thành tỉnh mới là bước đi lớn mang tính chiến lược, đánh dấu một chặng đường phát triển mới. Song hành với kỳ vọng lớn là những nỗi niềm rất thật, đặc biệt đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động chuyên sâu như chúng tôi.

I. CƠ HỘI MỞ RA

Việc hình thành một tỉnh có quy mô dân số hơn 4,3 triệu người, GRDP cao, đội ngũ trí thức dồi dào, chắc chắn sẽ mang lại nhiều cơ hội để kết nối nguồn lực, mở rộng không gian học thuật và nâng cao giá trị các hoạt động nghiên cứu - tư vấn - phản biện - phổ biến kiến thức. Nếu biết nắm bắt, hệ thống hội, trong đó có các hội đặc thù như Hội Sinh Vật Cảnh, sẽ có điều kiện vươn lên chuyên nghiệp hơn, hiệu quả hơn.

II. NHỮNG TRĂN TRỞ, BĂN KHOĂN

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi chia sẻ một cách chân thành rằng: ngay cả khi chưa sáp nhập, mối liên kết giữa Liên hiệp hội với các hội thành viên đã gặp không ít khó khăn. Một phần vì khoảng cách địa lý giữa các huyện trong tỉnh Bình Phước vốn đã xa; một phần vì đặc thù của hội hoạt động dựa vào tâm huyết và điều kiện cá nhân là chính, rất mong manh nếu thiếu cơ chế hỗ trợ.

Nay khi nhập tỉnh, trụ sở tỉnh mới đặt tại Biên Hòa - một khoảng cách hàng trăm cây số, chúng tôi càng thêm lo lắng:

- Liệu tiếng nói của các hội thành viên cơ sở vùng sâu như chúng tôi có còn được lắng nghe và trân trọng như trước?

- Việc tham gia các hội nghị, tọa đàm, phối hợp chuyên môn liệu có bị rút ngắn vì khoảng cách và kinh phí?

- Những hội nhỏ, hội xã hội nghề nghiệp như Sinh Vật Cảnh có bị “hòa tan” giữa một hệ thống lớn mạnh hơn hay không?

- Những băn khoăn ấy không phải vì lo ngại cải cách, mà bởi chúng tôi tha thiết được đồng hành một cách thực chất trong công cuộc đổi mới.

III. KIẾN NGHỊ

- Giữ vững và nâng cao vai trò của các hội thành viên, nhất là các hội tại địa bàn Bình Phước cũ - nơi đang cần thêm sự tiếp sức để không bị tụt lại phía sau.

- Tăng cường cơ chế kết nối từ xa giữa Liên hiệp hội và các hội thành viên thông qua chuyển đổi số: tổ chức họp trực tuyến, tập huấn chuyên đề online, xây dựng hệ thống thông tin hai chiều.

- Có cơ chế tài chính hỗ trợ cụ thể cho các hội đặc thù, trong đó ưu tiên về kinh phí tham dự các hoạt động của tỉnh mới; Hỗ trợ triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng, như những sản phẩm đạt giải tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật do Liên hiệp hội tổ chức; Khuyến khích phối hợp giữa hội - doanh nghiệp - trường học, viện nghiên cứu để chuyển giao sáng kiến thành sản phẩm phục vụ cộng đồng.

- Ban hành Quy chế phối hợp chính thức giữa Liên hiệp hội với các hội thành viên và với doanh nghiệp, trường học, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh, nhằm tạo “hệ sinh thái khoa học công nghệ” vận hành hiệu quả, không phân biệt địa bàn xuất phát.

IV. KỶ VỌNG CHÂN THÀNH

- Là người làm nghề sinh vật cảnh, chúng tôi hiểu: cây muốn vươn cao thì rễ phải sâu, đất phải tốt. Một hệ thống hội muốn phát triển, thì các hội thành viên phải được nuôi dưỡng bằng sự quan tâm, đồng hành, lắng nghe và hỗ trợ kịp thời.

- Chúng tôi không mong sự ưu ái, chỉ mong được đặt vào đúng vị trí, được lắng nghe tiếng nói của mình, dù là từ vùng đất xa như Lộc Ninh, Bù Đăng hay Bù Gia Mập; bởi ở đó vẫn có những con người âm thầm giữ lửa sáng tạo, gắn bó với khoa học bằng tất cả tình yêu nghề.

V. LỜI KẾT

Sắp nhập mở ra một cơ hội mới nhưng không bỏ lại ai phía sau. Nếu các hội thành viên được quan tâm đúng mức, tạo điều kiện hoạt động, thì chính họ sẽ là những “cánh tay nối dài” góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh mới.

Xin trân trọng cảm ơn sự lắng nghe và mong được tiếp tục đồng hành.

Trí thức trẻ tỉnh Đồng Nai (mới): Giữa kỳ vọng đổi mới và nguy cơ “vô hình hóa”

¹ Nguyễn Huỳnh Bạch Sơn Long

² Nguyễn Văn Liệt

¹ Hội Hóa học tỉnh Đồng Nai

² LHH Khoa học & Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai

TÓM TẮT

Bài tham luận đề cập đến vai trò và thực trạng của lực lượng trí thức trẻ trong tiến trình hình thành tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập. Với lợi thế về tri thức, công nghệ và tinh thần đổi mới, trí thức trẻ là lực lượng nòng cốt để thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập. Tuy nhiên, họ đang đối diện với nguy cơ bị “vô hình hóa” do chưa có cơ chế phát huy phù hợp, bị hạn chế tiếng nói trong chính sách và thiếu không gian sáng tạo.

Từ đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp thiết thực như: thành lập Hội Trí thức trẻ, xây dựng Diễn đàn “Tiếng nói trí thức trẻ”, hình thành Quỹ Hỗ trợ Khởi nghiệp và Trung tâm Đổi mới sáng tạo, đồng thời thúc đẩy cơ chế phản biện và tham gia chính sách một cách chủ động, hiệu quả.

Từ khóa: trí thức trẻ, Đồng Nai mới, sáp nhập, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khởi nghiệp, phản biện chính sách.

1. MỞ ĐẦU

Việc sáp nhập tỉnh Đồng Nai và Bình Phước theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 không chỉ là sự kiện hành chính - tổ chức, mà còn là cơ hội lớn để xây dựng một tỉnh Đồng Nai mới năng động, hiện đại, hài hòa giữa công nghiệp tiên tiến và phát triển xanh, bền vững. Trong quá trình này, lực lượng trí thức trẻ với nền tảng học vấn, khả năng thích nghi nhanh với công nghệ và khát vọng cống hiến - được kỳ vọng là nhóm tiên phong thúc đẩy đổi mới và hội nhập quốc tế. Song thực tiễn cho thấy, họ vẫn chưa có một vị trí tương xứng, thiếu không gian để thể hiện vai trò và còn ít được lắng nghe trong hoạch định chính sách.

Bài tham luận này mong muốn làm rõ thực trạng đó, đồng thời đề xuất một số hướng đi cụ thể nhằm nâng cao vị thế và đóng góp thiết thực của trí thức trẻ vào sự phát triển của tỉnh Đồng Nai mới.

2. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG RÀO CẢN ĐỐI VỚI TRÍ THỨC TRẺ

2.1. Tiềm năng và lực lượng hiện có

Tỉnh Đồng Nai mới hiện đang hình thành một hệ sinh thái phát triển đa ngành, trong đó lực lượng trí thức trẻ có thể được nhận diện qua ba nhóm chính:

Chuyên gia công nghệ: Đang làm việc trong các khu công nghiệp, doanh nghiệp FDI, tham gia vào lĩnh vực tự động hóa, logistics, AI và chuyển đổi số.

Nhà nghiên cứu và khởi nghiệp: Sinh viên, giảng viên trẻ, các startup hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học, môi trường.

Cán bộ trẻ khu vực công: Công chức, viên chức trẻ tại các cơ quan hành chính, tích cực trong cải cách thủ tục và phát triển chính phủ điện tử.

Theo thống kê cuối năm 2024: Vốn FDI vào Đồng Nai đạt khoảng 1,5 tỷ USD; Bình Phước đạt gần 639 triệu USD.

Đây là minh chứng cho sự hấp dẫn của vùng đất mới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để trí thức trẻ phát triển và cống hiến.

2.2. Những rào cản hiện hữu

Tuy vậy, lực lượng trí thức trẻ đang gặp phải không ít khó khăn:

Thiếu cơ chế phát huy tiếng nói: Tỷ lệ trí thức trẻ tham gia phản biện chính sách còn thấp; họ chưa có không gian để đưa ra đề xuất và đóng góp chiến lược.

Văn hóa tổ chức truyền thống: Nhiều cơ quan, doanh nghiệp vẫn vận hành theo mô hình thứ bậc, chưa cởi mở với đổi mới từ lớp trẻ.

Khoảng cách phát triển giữa hai vùng: Đồng Nai công nghiệp hóa mạnh mẽ trong khi Bình Phước vẫn thiên về nông - lâm nghiệp, dẫn đến chênh lệch về cơ hội và nguồn lực.

Áp lực cạnh tranh toàn cầu: Trí thức trẻ phải không ngừng học hỏi để theo kịp xu thế AI, công nghệ số, chuỗi giá trị toàn cầu.

Chưa có hệ sinh thái tài chính hỗ trợ sáng kiến: Việc thiếu quỹ đầu tư, chính sách ưu đãi khiến các ý tưởng đổi mới khó bước ra thị trường.

3. BA TRỤ CỘT CHÍNH SÁCH: TIẾNG NÓI - ĐỘNG LỰC - TRÁCH NHIỆM

3.1. Tiếng nói: Được lắng nghe, được phản biện

Thành lập Hội Trí thức trẻ Đồng Nai mới, trực thuộc Liên hiệp Hội KH&KT, làm đầu mối quy tụ, tư vấn và phản biện các chính sách quan trọng.

Tổ chức Diễn đàn “Tiếng nói trí thức trẻ” định kỳ hằng năm, do UBND tỉnh bảo trợ, có cơ chế tiếp nhận và phản hồi chính thức từ các cơ quan chức năng.

Quy hoạch cán bộ trẻ có mục tiêu rõ ràng: Đề xuất đến năm 2030, ít nhất 20% lãnh đạo cấp phòng/sở là cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn cao.

3.2. Động lực: Hệ sinh thái đổi mới và khởi nghiệp

Xây dựng Quỹ Hỗ trợ Khởi nghiệp trí thức trẻ, với sự tham gia của nhà nước và doanh nghiệp, hỗ trợ tài chính cho ý tưởng khả thi.

Hình thành Trung tâm Đổi mới Sáng tạo tỉnh Đồng Nai mới, kết nối với các tập đoàn công nghệ lớn như NVIDIA, Siemens, VNPT...

Chương trình Mentor–Mentee: Kết nối trí thức trẻ với các chuyên gia trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ kỹ năng, định hướng và ươm tạo ý tưởng.

3.3. Trách nhiệm: Cống hiến vì cộng đồng

Thế chế hóa cơ chế phản biện: Mở rộng vai trò của trí thức trẻ trong đánh giá, phản biện các dự án lớn như sân bay Long Thành, khu công nghiệp Đồng Phú, đô thị xanh tại Bình Phước...

Lan tỏa giá trị xã hội: Khuyến khích trí thức trẻ tham gia các chương trình thiện nguyện, đào tạo kỹ năng số cho nông dân, bảo tồn di sản văn hóa, hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trí thức trẻ không chỉ là một lực lượng lao động có trình độ, mà còn là tài nguyên chiến lược trong công cuộc xây dựng một tỉnh Đồng Nai mới năng động

- hội nhập - bền vững. Việc lắng nghe, hỗ trợ và trao quyền cho lực lượng này cần trở thành một chính sách nhất quán, nhằm khai mở tiềm năng đổi mới thể chế và phát triển toàn diện.

Kiến nghị cụ thể:

Thành lập Hội Trí thức trẻ Đồng Nai mới, với chức năng tư vấn, kết nối và phản biện chính sách.

Tổ chức định kỳ Diễn đàn “Tiếng nói trí thức trẻ” do UBND tỉnh bảo trợ.

Thiết lập hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, gắn với chuyển đổi số và công nghệ cao.

Tạo cơ chế tham gia chính sách rõ ràng và bình đẳng, đảm bảo trí thức trẻ được đóng góp thực chất vào sự phát triển chung.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo kinh tế xã hội Đồng Nai (2024).
<https://thongke.dongnai.gov.vn/Pages/newsdetail.aspx?NewsId=1232&CatId=94>, [Cục thống kê tỉnh Đồng Nai]
2. Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030.
[<https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=203726&tagid=6&type=1>]
3. Công văn số 3443/UBND-THNC về việc triển khai thực hiện tuyên truyền phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên của cả nước và 10% của tỉnh Đồng Nai, <https://dongnai.gov.vn/Shared%20Documents/2025-CV-3443.pdf>
4. Đề án "Phát hiện, bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ Việt Nam giai đoạn 2022-2030", <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206794>
5. Nghị quyết số 60-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12/4/2025).
6. Thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và NVIDIA (2024).
[www.chinhphu.vn]
7. Tình hình kinh tế xã hội tháng 12 và năm 2024, <https://binhphuoc.gov.vn/vi/ctk/san-pham/tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-12-va-nam-2024-723.html> [Cục thống kê tỉnh Bình Phước]
8. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2024). [www.gso.gov.vn]
9. <https://e.vnexpress.net/news/business/companies/why-do-young-people-prefer-job-hopping-4808536.html>
10. <https://vneconomy.vn/techconnect//bo-ke-hoach-va-dau-tu-day-manh-hoat-dong-doi-moi-sang-tao.htm>
11. <https://tuoitre.vn/binh-phuoc-dan-dau-tang-truong-2024-don-co-hoi-moi-20250425091811019.htm>
12. <https://www.dongnai.gov.vn/pages/newsdetail.aspx?NewsId=49451&CatId=0>

Vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số: Đổi mới sáng tạo trong cuộc cách mạng trí thức

ThS. Đinh Thành Trung

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa tri thức và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, nền kinh tế thế giới đang dần chuyển mình sang mô hình kinh tế tri thức, nơi mà công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành những nguồn lực cốt lõi, thay thế cho tài nguyên vật chất truyền thống. Kinh tế số không chỉ làm thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh mà còn định hình lại vai trò của con người trong chuỗi giá trị (Đặng Thị Việt Đức, 2022). Trong đó, trí thức trẻ là nhóm người có học vấn cao, thành thạo công nghệ, sở hữu khả năng tư duy linh hoạt và sáng tạo - được xem là lực lượng có tiềm năng dẫn dắt quá trình đổi mới và thích ứng trong cuộc cách mạng số.

Tại Việt Nam, những năm gần đây chứng kiến một làn sóng chuyển đổi số mạnh mẽ được Chính phủ khởi xướng và thúc đẩy không ngừng. Trọng tâm của chiến lược quốc gia này là kiến tạo nên một Việt Nam số toàn diện, thể hiện rõ qua ba trụ cột then chốt: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Trong chiến lược này, trí thức trẻ được đặt nhiều kỳ vọng, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học-công nghệ, giáo dục, y tế và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Các chương trình như Đề án 844 (Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025); Đề án phát triển nhân lực chất lượng cao, hay việc phát triển mô hình đại học số đều cho thấy nỗ lực chính sách nhằm trao cơ hội cho thế hệ trí thức trẻ tham gia vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Bên cạnh những kỳ vọng đó vẫn còn tồn tại một số khó khăn và rào cản. Mặc dù trí thức trẻ được xem là lực lượng nòng cốt cho đổi mới sáng tạo trong xã hội hiện đại, nhưng trong thực tiễn - đặc biệt là tại khu vực công, các cơ quan hành chính và viện nghiên cứu công lập thì họ vẫn thường bị giới hạn trong những vai trò mang tính kỹ thuật thuần túy, ít có cơ hội thể hiện tư duy độc lập hay tham gia vào quá trình hoạch định chính sách ở cấp chiến lược. Điều này tạo nên cảm giác bị “vô hình hóa”, khiến nhiều người chọn cách rời bỏ hệ thống công lập để gia nhập khu vực tư nhân, khởi nghiệp hoặc ra nước ngoài học tập và làm việc.

Vì vậy, nghiên cứu vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Câu hỏi đặt ra không chỉ là họ có tiềm năng gì, mà quan trọng hơn: họ đang ở đâu trong chuỗi giá trị đổi mới quốc gia? Liệu họ có được tạo điều kiện để khẳng định mình như những tác nhân kiến tạo, hay vẫn đang phải chật vật để tìm chỗ đứng trong một hệ thống chưa thực sự sẵn sàng cho tư

duy mới? Bài viết này hướng đến việc khám phá cơ hội, thách thức và các giải pháp chính sách cần thiết để phát huy vai trò của trí thức trẻ trong cuộc cách mạng tri thức hiện nay.

2. Cơ sở lý luận

Để phân tích vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số, đặc biệt dưới góc nhìn đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên tri thức, nghiên cứu này được xây dựng trên ba nền tảng lý thuyết chính: (1) Lý thuyết vốn con người (Human Capital Theory), (2) Lý thuyết đổi mới sáng tạo (Innovation Theory) và (3) Mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (Innovation Ecosystem Framework).

2.1. Lý thuyết vốn con người

Lý thuyết vốn con người do Gary Becker (1964) phát triển, cho rằng năng suất lao động và sự phát triển kinh tế phụ thuộc vào trình độ học vấn, kỹ năng và kiến thức của con người. Trong bối cảnh nền kinh tế số, vốn con người không chỉ là yếu tố sản xuất mà còn là nguồn lực chiến lược, đặc biệt khi tri thức và năng lực đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành yếu tố cốt lõi tạo ra giá trị.

Đối với trí thức trẻ, những người có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ, có kỹ năng số và tư duy phản biện, việc được đầu tư phát triển sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh không chỉ cho tổ chức mà còn cho nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, Becker (1993) cũng nhấn mạnh rằng nếu môi trường xã hội không tạo điều kiện cho việc khai thác vốn con người hiệu quả thì sự đầu tư vào giáo dục và đào tạo có thể trở nên lãng phí.

2.2. Lý thuyết đổi mới sáng tạo

Lý thuyết đổi mới do Schumpeter (1934) đề xuất nhấn mạnh vai trò của những cá nhân hoặc nhóm có khả năng phá vỡ trạng thái cũ để tạo ra cái mới, những “doanh nhân đổi mới”. Trong nền kinh tế số, đổi mới không chỉ là công nghệ mà còn là sự thay đổi mô hình tư duy, tổ chức, quản trị tri thức và cả hành vi xã hội. Trí thức trẻ, với sự năng động, khả năng ứng dụng công nghệ và tư duy sáng tạo có thể đóng vai trò là những “tác nhân đổi mới” trong hệ thống kinh tế xã hội. Tuy nhiên, nếu thiếu cơ chế hỗ trợ, họ dễ bị đẩy ra bên lề hệ thống và mất động lực đóng góp.

2.3. Mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Mô hình hệ sinh thái đổi mới nhấn mạnh đến mối liên kết giữa các yếu tố cấu thành đổi mới: chính sách, tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học, nhà khoa học và xã hội (Autio và cộng sự, 2014). Trong hệ sinh thái đó, trí thức trẻ cần không gian để sáng tạo, nguồn lực để triển khai ý tưởng và một nền văn hóa tôn trọng sự khác biệt, mạo hiểm và phản biện.

Từ ba trụ cột lý thuyết nêu trên, có thể khẳng định rằng: trí thức trẻ không chỉ là người thụ hưởng tri thức, mà là lực lượng sản xuất ra tri thức và giá trị đổi

mới trong nền kinh tế số. Tuy nhiên, vai trò này chỉ được phát huy khi có hệ sinh thái đổi mới phù hợp, môi trường trao quyền thực chất và chính sách đầu tư hiệu quả vào vốn con người.

3. Cơ hội của trí thức trẻ trong nền kinh tế số

Những chuyển biến từ môi trường chính sách đến hạ tầng công nghệ và nhu cầu thị trường đang mở ra không gian mới để lực lượng này trở thành tác nhân đổi mới sáng tạo chủ lực trong thời đại mới.

- Bối cảnh chuyển đổi số tạo ra “sân chơi mới” cho trí thức trẻ

Khác với các mô hình kinh tế truyền thống vốn thiên về kinh nghiệm, hệ thống cấp bậc hay thâm niên, nền kinh tế số lại đề cao năng lực sáng tạo, khả năng ứng dụng công nghệ và tư duy thích ứng nhanh. Đây là những ưu thế đặc trưng của trí thức trẻ, họ không cần phải “đợi đến lượt” mà hoàn toàn có thể chứng minh giá trị bằng sản phẩm, giải pháp hoặc dự án đổi mới cụ thể. Nhiều trí thức trẻ tham gia nghiên cứu AI, phát triển nền tảng giáo dục trực tuyến, chuyển đổi dữ liệu y tế số hay ứng dụng blockchain trong truy xuất nguồn gốc nông sản v.v đã khẳng định năng lực cạnh tranh trên cả thị trường trong nước và quốc tế.

- Chính sách quốc gia thúc đẩy đổi mới sáng tạo tạo điều kiện thuận lợi

Chính phủ Việt Nam thời gian qua đã ban hành nhiều chương trình chiến lược để hỗ trợ trí thức trẻ tham gia vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Đề án 844, Chiến lược quốc gia về nghiên cứu và phát triển AI đến năm 2030, các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC), v.v. Không chỉ có chính sách đầu tư mà còn có các cuộc thi khởi nghiệp, diễn đàn sáng tạo trẻ, học bổng tài năng... tạo ra “cửa sổ cơ hội” cho những người trẻ có năng lực thực chất.

- Sự phát triển của các công ty công nghệ

Nhiều tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp và tổ chức phi chính phủ hiện đang có nhu cầu rất lớn trong việc tuyển dụng và hợp tác với trí thức trẻ, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi số, dữ liệu lớn, công nghệ tài chính, y tế số, giáo dục trực tuyến, nông nghiệp thông minh v.v. Từ đó mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp, dự án nghiên cứu ứng dụng hoặc hợp tác liên ngành giúp trí thức trẻ không bị giới hạn bởi hệ thống hành chính truyền thống.

- Trí thức trẻ có lợi thế trong việc kiến tạo mạng lưới tri thức xuyên biên giới

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ và khả năng kết nối qua các nền tảng số giúp trí thức trẻ dễ dàng tham gia vào các cộng đồng học thuật toàn cầu, các dự án nghiên cứu hợp tác hoặc các sáng kiến mở. Đây chính là lợi thế mà các thế hệ đi trước ít có điều kiện phát triển. Điều này không chỉ tạo ra cơ hội “học từ thế giới” mà còn giúp họ trở thành cầu nối lan tỏa tri thức về địa phương, từ đó nâng cao chất lượng hoạch định chính sách và quản trị nhà nước.

4. Những thách thức đối với trí thức trẻ trong nền kinh tế số

Dù đứng trước nhiều cơ hội để phát huy vai trò trong nền kinh tế số, nhưng trí thức trẻ vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản vô hình và hữu hình trong hành trình khẳng định vị thế. Những thách thức này không chỉ đến từ môi trường chính sách hay thể chế, mà còn xuất phát từ tâm lý xã hội, văn hóa tổ chức và giới hạn trong chính hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện hành. Nếu không được nhận diện và giải quyết kịp thời, các thách thức này có thể khiến một lực lượng đầy tiềm năng rơi vào trạng thái thụ động, hoài nghi hoặc rút lui khỏi quá trình kiến tạo giá trị xã hội.

Thứ nhất: Thiếu cơ chế trao quyền và ghi nhận đóng góp. Một trong những thách thức lớn nhất mà trí thức trẻ thường gặp là sự thiếu hụt cơ chế trao quyền và tham gia ra quyết định ở cấp chiến lược. Dù có năng lực chuyên môn, trí thức trẻ thường chỉ được giao các nhiệm vụ kỹ thuật, ngắn hạn hoặc đóng vai trò hỗ trợ cho các nhóm ra quyết định lớn tuổi hơn.

Thứ hai: Văn hóa tổ chức còn nặng tính cấp bậc, thiếu không gian sáng tạo. Trong nhiều cơ quan hành chính, viện nghiên cứu hoặc doanh nghiệp nhà nước, tư duy quản trị truyền thống theo cấp bậc và thâm niên vẫn còn phổ biến. Điều này khiến các đề xuất mới từ trí thức trẻ bị nghi ngại hoặc thậm chí bác bỏ vì cho rằng "chưa đủ kinh nghiệm" hoặc "thiếu tính thực tế".

Thứ ba: Thiếu hệ sinh thái hỗ trợ đổi mới sáng tạo bền vững. Dù chính phủ có nhiều chính sách hỗ trợ nhưng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại địa phương vẫn chưa phát triển đồng đều, đặc biệt ở ngoài các thành phố lớn. Nhiều trí thức trẻ chia sẻ rằng họ có ý tưởng nhưng không có chỗ để thử nghiệm, không có quỹ để phát triển sản phẩm, không có người hướng dẫn để đồng hành, khiến quá trình hiện thực hóa đổi mới bị gián đoạn.

Thứ tư: Áp lực tự khẳng định và bất ổn nghề nghiệp. Trí thức trẻ thường phải đối mặt với áp lực lớn trong việc khẳng định bản thân giữa một hệ thống chưa thực sự tin tưởng họ. Họ phải liên tục chứng minh năng lực, đổi mới, cập nhật tri thức, trong khi các cơ hội nghề nghiệp ổn định lại tương đối ít và khó tiếp cận nếu không đi theo lộ trình truyền thống. Điều này dẫn đến tình trạng “chạy hai hệ”: vừa làm công việc chính, vừa tìm kiếm cơ hội bên ngoài”, gây mất cân bằng và giảm hiệu quả đóng góp lâu dài.

Những thách thức mà trí thức trẻ đang đối mặt không chỉ là vấn đề cá nhân, mà là hệ quả của một hệ sinh thái chưa đủ tin tưởng, chưa đủ linh hoạt và chưa đủ cơ chế động viên dài hạn. Để lực lượng này không bị "vô hình hóa" trong nền kinh tế số, cần có các giải pháp mạnh mẽ, đa chiều và mang tính chuyển đổi từ bên trong hệ thống tổ chức.

5. Giải pháp

Việc phát huy vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số không thể chỉ dừng ở những tuyên bố mang tính định hướng mà cần được cụ thể hóa bằng những cơ chế hành động rõ ràng, bền vững và nhất quán từ cấp thể chế đến môi trường tổ chức.

Thứ nhất: Thiết lập cơ chế trao quyền thực chất và minh bạch cho trí thức trẻ. Để vượt qua tình trạng “có năng lực nhưng không có tiếng nói”, cần xây dựng cơ chế lồng ghép trí thức trẻ vào các quá trình ra quyết định, phản biện và hoạch định chính sách.

- Thành lập các hội đồng tư vấn trẻ, hoặc nhóm chuyên gia dưới 40 tuổi trong các tổ chức chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, viện nghiên cứu.

- Thiết kế quy trình đánh giá và ghi nhận đề xuất đổi mới dựa trên kết quả thực tiễn thay vì thâm niên hành chính.

- Ban hành quy định bắt buộc tỷ lệ tham gia trí thức trẻ trong các chương trình trọng điểm về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo cấp địa phương và quốc gia.

Thứ hai: Xây dựng môi trường tổ chức hỗ trợ sáng tạo và liên kết. Các tổ chức công và tư cần điều chỉnh văn hóa làm việc để tạo dựng môi trường đón nhận sự khác biệt và đổi mới.

- Áp dụng mô hình quản trị linh hoạt, giảm thiểu rào cản cấp bậc, thúc đẩy làm việc theo dự án.

- Đưa nội dung quản trị sáng tạo, tư duy phản biện vào đào tạo nội bộ và các kỳ đánh giá nhân sự.

Thứ ba: Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ trí thức trẻ đổi mới tại địa phương. Chính quyền và các tổ chức trung gian cần chủ động đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo dành riêng cho trí thức trẻ.

- Thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, tạo không gian thử nghiệm và ươm mầm các sáng kiến của trí thức trẻ địa phương.

- Phát triển các quỹ hỗ trợ ý tưởng khởi nghiệp khoa học công nghệ, ưu tiên cho nhóm dưới 40 tuổi.

- Kết nối doanh nghiệp - trường đại học - cơ quan công quyền để chia sẻ nguồn lực, dữ liệu và tri thức, mở ra không gian ứng dụng thực tiễn cho các sáng kiến của trí thức trẻ.

Thứ tư: Ổn định tâm lý nghề nghiệp và phát triển động lực lâu dài. Giải pháp quan trọng không kém là tạo dựng niềm tin và động lực nội tại cho trí thức trẻ.

- Thiết lập lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, trong đó công nhận đóng góp dựa trên hiệu quả đổi mới thay vì chỉ dựa vào thời gian công tác.

- Áp dụng chính sách khen thưởng, truyền thông nội bộ, ghi nhận công khai các đóng góp từ nhóm trí thức trẻ.
- Hỗ trợ trí thức trẻ tham gia chương trình đào tạo, nghiên cứu quốc tế để nâng cao năng lực và mở rộng mạng lưới học thuật, chuyên môn.

6. Kết luận

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số đang trở thành dòng chảy chủ đạo của sự phát triển, lực lượng trí thức trẻ không chỉ là người thụ hưởng thành quả của thời đại mà còn là chủ thể kiến tạo tương lai. Với khả năng tiếp cận công nghệ mới, tư duy đổi mới và tinh thần dấn thân, họ đang nắm giữ nhiều cơ hội để tham gia sâu vào quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam theo hướng sáng tạo và bền vững. Quan trọng hơn cả, trí thức trẻ cần được coi là đối tác đồng kiến tạo, chứ không chỉ là "lực lượng dự phòng" hay "đối tượng hỗ trợ". Chỉ khi được trao quyền thực chất, được tin tưởng và được đồng hành trong các chiến lược phát triển, họ mới có thể phát huy trọn vẹn vai trò là tác nhân đổi mới trong cuộc cách mạng tri thức.

Tài liệu tham khảo:

Autio, E., Thomas, L. D. W., & Gann, D. M. (2014). *The Rise of the Ecosystem: The Evolution of Innovation Systems*. *Research Policy*, 43(3), 469–487. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2013.08.010>

Becker, G. S. (1964). *Human Capital: A Theoretical and Empirical Analysis, with Special Reference to Education*. University of Chicago Press.

Becker, G. S. (1993). *Human Capital: A Theoretical and Empirical Analysis* (3rd ed.). University of Chicago Press.

Đặng Thị Việt Đức. Mô hình kinh tế số tại Việt Nam (2022). *Tạp chí Khoa học Chính sách và Quản lý của ĐHQGHN* 38(2):88-99. DOI: 10.25073/2588-1116/vnupam.4345

Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030

Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"

Schumpeter, J. A. (1934). *The Theory of Economic Development*. Harvard University Press.

Trí thức trẻ tỉnh Đồng Nai - đón vận hội - trách nhiệm đối mới cùng kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc

Th.S Trịnh Thị Tình
Trưởng Chính trị tỉnh Đồng Nai

Tóm tắt:

Trí thức trẻ là bộ phận những người trẻ tuổi, bao gồm thanh niên, sinh viên, người mới ra trường và bước vào thị trường lao động, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu, tư duy độc lập, sáng tạo, ham học hỏi và luôn nỗ lực vươn lên. Đây là lực lượng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và quá trình công nghiệp hóa gắn liền với chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và kinh tế tri thức trở thành yêu cầu tất yếu và khách quan - không chỉ đối với cả nước, mà còn đối với tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Từ khóa: Trí thức trẻ, kỷ nguyên mới, trách nhiệm, sáng tạo...

1. Đón đầu khí thế mới - vận hội mới

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt trọn niềm tin và kỳ vọng lớn lao vào thế hệ trẻ. Người từng nhấn mạnh: *“Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội.”* Những lời dạy của Bác không chỉ là sự nhắn gửi mà còn chứa đựng triết lý sâu sắc về giáo dục, về xây dựng con người, về trách nhiệm với Tổ quốc. Theo tinh thần đó, mỗi thanh niên, đặc biệt là đội ngũ trí thức trẻ - cần nhận thức rõ vai trò và sứ mệnh của mình trong sự nghiệp phát triển và bảo vệ đất nước, góp phần hiện thực hóa khát vọng đề *“non sông Việt Nam trở nên tươi đẹp hơn.”*

Tỉnh Đồng Nai mới được hình thành từ việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước - một bước đi lớn trong cải cách thể chế và tinh gọn bộ máy hành chính. Sau sáp nhập, Đồng Nai mới trở thành địa phương có quy mô dân số và diện tích nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (diện tích tự nhiên hơn 12.700 km²; dân số gần 4,5 triệu người), đồng thời giữ vai trò là cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Việc mở rộng không gian phát triển tạo ra thế và lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong việc quy hoạch các khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút các nhà đầu tư chiến lược với dư địa lớn từ vùng đất Bình Phước.

Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng hiện đại đang được hoàn thiện, nổi bật là các tuyến cao tốc, Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Cảng biển Phước An (huyện Nhơn Trạch) - cảng biển có khả năng tiếp nhận tàu container lên đến 60.000 tấn. Những điều kiện này mở ra cơ hội mạnh mẽ cho phát triển logistics, xuất nhập khẩu, thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ hiện đại.

Về kinh tế, Đồng Nai hiện đứng trong nhóm đầu cả nước. Năm 2024, GRDP toàn tỉnh đạt hơn 260.200 tỷ đồng, tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước. Bình Phước cũng ghi nhận bước tiến mạnh mẽ, với GRDP đạt hơn 115.000 tỷ

đồng, tăng gấp 92 lần so với năm 1997 - năm tái lập tỉnh, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 9,4%, riêng năm 2024 đạt 9,32%, cao nhất Đông Nam Bộ và xếp thứ 11 cả nước.

Với những tiềm năng to lớn nêu trên, Đồng Nai mới không chỉ là một cực phát triển quan trọng của miền Nam, mà còn là trung tâm công nghiệp hàng đầu cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực chăn nuôi và nông nghiệp công nghệ cao, với thế mạnh về cây công nghiệp dài ngày như cao su, điều, sầu riêng và nhiều loại cây ăn trái khác.

Trong tiến trình đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò then chốt. Họ là lực lượng lao động trí tuệ, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu, tư duy độc lập, năng lực sáng tạo, tinh thần yêu nước và lý tưởng gắn bó với Đảng, với dân tộc. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo tri thức, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời là nhân tố trung tâm trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Trong đó, lực lượng trí thức trẻ có vị trí đặc biệt. Họ là những người trẻ có năng lực tiếp cận nhanh với khoa học - công nghệ hiện đại, có khát vọng vươn lên, sẵn sàng dấn thân, đổi mới và sáng tạo. Được đào tạo bài bản trong thời kỳ đất nước chuyển mình mạnh mẽ, họ chính là nguồn lực quý báu, góp phần tạo nên sức mạnh cạnh tranh của địa phương và quốc gia trên trường quốc tế.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: *“Tương lai của thanh niên tức là tương lai của nước nhà.”* Người viết trong thư gửi thanh niên: *“Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải học tập và làm việc để chuẩn bị cho tương lai đó.”*

Đồng Nai hiện nay có một lực lượng trí thức khá đông đảo, có khả năng hội nhập và hấp thu tri thức mới tốt. Tuy nhiên, để vươn tầm quốc tế, cần tăng cường tận dụng hiệu quả nguồn lực trí thức Việt Nam ở nước ngoài. Việc kết nối chặt chẽ giữa đội ngũ trí thức trong và ngoài nước sẽ tạo nên một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho địa phương. Trong đó, Nghị quyết 57-NQ/TW là bước đột phá mang tầm chiến lược, mở ra hướng đi mới trong phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - yếu tố then chốt cho tăng trưởng bền vững trong kỷ nguyên mới.

2. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - cơ hội và thách thức với trí thức trí thức trẻ.

Trong mỗi kỷ nguyên phát triển, dân tộc đều phải đối mặt với những yêu cầu lịch sử khách quan, đòi hỏi các giai tầng trong xã hội cùng chung sức, đồng lòng nhằm thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược đã đề ra. Trong định hướng phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: từ Đại hội XIV,

Việt Nam chính thức bước vào một giai đoạn phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, hành trang tiến vào kỷ nguyên này là tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân. Cùng với đó là khát vọng xây dựng một đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, văn hóa và con người Việt Nam. Trong đó, nguồn lực con người được xem là nền tảng; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực mới; còn chuyển đổi số là bước đột phá chiến lược để đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Trong bối cảnh ấy, dân tộc Việt Nam buộc phải vươn lên mạnh mẽ, xác lập vị thế vững chắc trên trường quốc tế. Điều này không chỉ mở ra những cơ hội lớn, mà còn đặt ra không ít thách thức đối với đội ngũ trí thức trẻ, đặc biệt là tại tỉnh Đồng Nai - địa phương đang trong quá trình tái cấu trúc và phát triển với quy mô lớn.

Những thách thức có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, sau khi sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước, bộ máy chính trị và công tác cán bộ về cơ bản đã được kiện toàn. Tuy nhiên, để vận hành thông suốt và hiệu quả, vẫn cần thêm thời gian để đội ngũ cán bộ, trong đó có lực lượng trí thức trẻ, tiếp cận, thích nghi với môi trường và điều kiện làm việc mới.

Thứ hai, lực lượng trí thức trẻ trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ lõi, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo... còn khá mỏng. Nhiều sinh viên ưu tú của địa phương sau khi tốt nghiệp thường lựa chọn ở lại các đô thị lớn hoặc ra nước ngoài học tập, làm việc, trong khi tỷ lệ trở về công tác, cống hiến cho quê hương vẫn còn hạn chế.

Thứ ba, dù số lượng trí thức trẻ đông đảo, song số lượng trí thức tinh hoa, bao gồm chuyên gia đầu ngành và lớp kế cận có năng lực tại tỉnh vẫn còn rất ít. Cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài chưa thật sự đột phá, khó có thể giữ chân được người tài, nhất là những cá nhân có ảnh hưởng lớn và giàu tiềm năng phát triển.

Thứ tư, công tác phối hợp giữa các đơn vị, đặc biệt là giữa tổ chức Đoàn với các sở, ban, ngành trong việc phát hiện, bồi dưỡng và hỗ trợ tài năng trẻ ở một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ và hiệu quả. Việc chia sẻ dữ liệu, theo dõi tiến độ phát triển của các cá nhân sau khi được tuyên dương chưa được thực hiện thường xuyên và hệ thống. Nhiều địa phương chưa thực hiện việc thống kê, quản lý và cập nhật dữ liệu tài năng trẻ. Tỉnh vẫn thiếu một hệ cơ sở dữ liệu chung để phục vụ việc liên kết, giám sát và tạo điều kiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, kết nối tài năng giữa các cấp Đoàn và các cơ quan chuyên môn

3. Đề xuất một số giải pháp phát huy vai trò của trí thức trẻ trong kỷ nguyên mới

Để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức trẻ trong *kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, điều kiện tiên quyết là cần xây dựng được một lực lượng trí thức trẻ đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, có mặt trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên tinh thần đó, xin đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, cần có bước đột phá trong nhận thức của cả hệ thống chính trị và xã hội về vai trò của trí thức trẻ. Đây chính là bước gỡ điểm nghẽn mang tính thể chế, nhằm mở ra không gian phát triển mới cho đội ngũ này. Việc nhận thức đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng và giá trị chiến lược của trí thức trẻ đối với sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hết sức cần thiết. Từ đó, các cấp, các ngành cần có chiến lược cụ thể để phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân của đội ngũ trí thức trẻ, đặc biệt là lực lượng trí thức tinh hoa, trong việc dẫn dắt và lan tỏa tri thức cho xã hội.

Thứ hai, tạo lập môi trường làm việc thuận lợi và có chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với trí thức trẻ. Cần ban hành và triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách thu hút nhân tài trẻ về công tác tại tỉnh Đồng Nai, bao gồm: đầu tư cơ sở vật chất hiện đại; mở rộng cơ hội thăng tiến, phát triển chuyên môn; thực thi chế độ đãi ngộ hợp lý và cạnh tranh. Quan trọng hơn cả là xây dựng được môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, khuyến khích tự do tư duy và sáng tạo. Đây là điều kiện tiên quyết để đội ngũ trí thức trẻ - đặc biệt là trí thức tinh hoa - có thể toàn tâm toàn ý cống hiến, góp phần vào bước phát triển đột phá của tỉnh trong kỷ nguyên mới. Song song đó, cần chú trọng công tác biểu dương, khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Thứ ba, đầu tư có trọng điểm vào các cơ sở giáo dục đại học, học viện nghiên cứu, nhằm hình thành hệ sinh thái đào tạo - bồi dưỡng nhân tài chất lượng cao. Cần có cơ chế đặc thù để xây dựng các trường đại học trọng điểm, đóng vai trò trung tâm trong đào tạo đội ngũ trí thức trẻ kế cận. Việc phát triển các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo sẽ là nền tảng quan trọng để Đồng Nai đi tắt, đón đầu trong nền kinh tế tri thức và công nghiệp 4.0.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác phát hiện, tôn vinh và lan tỏa giá trị của tài năng trẻ. Việc tuyên truyền, tổ chức các sự kiện vinh danh người tốt, việc tốt, trí thức tiêu biểu nên được lồng ghép với các chương trình lớn, có sự tham gia của cộng đồng chuyên gia, trí thức, các nhân vật có ảnh hưởng tích cực trong xã hội. Qua đó góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần học tập, sáng tạo, cống hiến và trách nhiệm xã hội của trí thức trẻ.

Thứ tư, tăng cường kết nối và tạo nền tảng hội nhập quốc tế cho trí thức trẻ. Cần thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế, giao lưu học thuật, trao đổi tri thức với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học trong và ngoài nước. Đây là phương thức quan trọng để nâng cao năng lực hội nhập toàn cầu của trí thức trẻ, nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra sâu rộng và tác động toàn diện đến mọi mặt đời sống.

Kết luận

Trong khí thế đổi mới toàn diện, đặc biệt là tiến trình tinh gọn bộ máy và tái cấu trúc tổ chức hành chính, việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước đã mở ra một vận hội phát triển mới cho tỉnh Đồng Nai. Với đầy đủ cả thế và lực, Đồng Nai mới đang từng bước khẳng định vị thế là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa năng động của khu vực phía Nam, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của đất nước.

Để hiện thực hóa khát vọng đó, bên cạnh vai trò điều hành của hệ thống chính trị, đội ngũ trí thức trẻ tỉnh nhà cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy trí tuệ, lòng nhiệt huyết và khát vọng cống hiến. Đây chính là lực lượng tiên phong trong công cuộc đổi mới tư duy, thúc đẩy khoa học - công nghệ, lan tỏa tinh thần sáng tạo và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Trước yêu cầu mới của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trí thức trẻ tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục phát huy tinh thần xung kích, bản lĩnh, đổi mới và hội nhập. Họ chính là những “ngọn đuốc” dẫn đường về tri thức, góp phần kiến tạo một xã hội phát triển trên nền tảng tri thức và giá trị nhân văn.

Cùng với đó, các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn và toàn xã hội cần tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi và xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý để đội ngũ trí thức trẻ có thể phát huy tối đa năng lực, phẩm chất và vai trò của mình. Chỉ khi trí thức trẻ được trao cơ hội và niềm tin, họ mới có thể vững bước đi lên, cùng dân tộc viết tiếp hành trình vươn mình trong thời đại mới - thời đại của khát vọng phát triển, của hội nhập toàn cầu và của những giá trị bền vững.

“Gắn kết trí thức - doanh nghiệp - chính quyền: mô hình nào là tối ưu?”

TS. Trần Thanh Đại

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Email: tranthanhдай@dntu.edu.vn

Phần mở đầu

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, một vùng lãnh thổ không thể tiếp tục dựa vào khai thác tài nguyên hay mở rộng hạ tầng vật chất, mà cần chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, đổi mới thể chế và sự phối hợp liên ngành. Trong hệ quy chiếu đó, tam giác quan hệ giữa trí thức - doanh nghiệp - chính quyền ngày càng được xem là động lực phát triển bền vững, đặc biệt trong điều kiện kinh tế chuyển đổi.

Việc sáp nhập Đồng Nai và Bình Phước là một bước đi chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh vùng. Tuy nhiên, việc sáp nhập không nên chỉ dừng ở hành chính - địa giới, mà cần hình thành một hệ sinh thái sáng tạo, nơi các bên cùng đồng sáng tạo, đồng thực thi và đồng hưởng lợi. Trong bối cảnh đó, mô hình Triple Helix của Etzkowitz và Leydesdorff (2000) [1] - nhấn mạnh sự phối hợp giữa đại học, doanh nghiệp và chính quyền - nổi lên như một khung lý thuyết phù hợp cho các vùng tái cấu trúc như Đồng Nai mở rộng.

Theo Ranga và Etzkowitz (2015) [9], Triple Helix không chỉ mô tả sự hợp tác ba bên, mà còn gợi mở quá trình chuyển hóa vai trò của từng chủ thể - từ bị động sang đồng kiến tạo, từ đơn lẻ sang tương tác thể chế. Ở Việt Nam, dù đã xuất hiện hợp tác đại học - doanh nghiệp, nhưng như Nguyễn Việt Hà (2018) [5] nhận xét, hệ thống vẫn thiếu các thiết chế trung gian và hành lang pháp lý để thể chế hóa mô hình này. Phùng Xuân Nhạ (2009) [8] cũng nhấn mạnh việc cần xây dựng cơ chế điều phối hiệu quả giữa ba nhà - trường, doanh nghiệp, chính quyền - để tạo ra nguồn nhân lực sáng tạo và thích ứng.

Vì vậy, sáp nhập tỉnh không chỉ là bước cải cách tổ chức mà còn là cơ hội định hình lại cấu trúc phát triển vùng trên nền tảng liên kết ba trụ cột. Điều quan trọng không chỉ là sự đồng hiện diện mà là sự phối hợp chiến lược, tầm nhìn chung và đồng thuận thể chế. Câu hỏi trung tâm đặt ra là: mô hình nào tối ưu để hiện thực hóa mối gắn kết thực chất giữa Trí thức - Doanh nghiệp - Chính quyền?

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Trong quá trình kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, mô hình Triple Helix - nhấn mạnh hợp tác giữa đại học, doanh nghiệp và chính quyền - được công nhận là cấu trúc tổ chức hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng dựa trên tri thức [1]. Etzkowitz & Leydesdorff (2000) cho rằng, mô hình này tạo ra “không gian đổi mới lai hóa” - nơi các chủ thể không chỉ giữ vai trò truyền thống, mà còn hoán đổi chức năng để cùng đồng kiến tạo chính sách và công nghệ.

Triple Helix đặc biệt phù hợp với xu hướng dịch chuyển sang nền kinh tế tri thức, khi giá trị được tạo ra từ tri thức, đổi mới và phối hợp thể chế. Leydesdorff (2012) nhấn mạnh đây không chỉ là khung lý thuyết phân tích mà còn là nền tảng chính sách giúp tái cấu trúc quan hệ giữa các tác nhân địa phương [3].

Nghiên cứu tổng quan của Galvão et al. (2019) chỉ ra rằng mô hình đã được triển khai thành công ở nhiều quốc gia, thông qua thiết lập các thể chế trung gian như hội đồng ba bên hay trung tâm công - tư - đổi mới [2]. Tại Việt Nam, TP.HCM, Đà Nẵng và Quảng Ninh đã thử nghiệm các yếu tố Triple Helix qua các mô hình trung tâm đổi mới, hội đồng phát triển nhân lực, hay cơ chế đặt hàng nghiên cứu - phản ánh khả năng nội địa hóa mô hình trong bối cảnh địa phương [5, 7].

Với Đồng Nai mở rộng, sau sáp nhập với Bình Phước, có ba lợi thế rõ rệt để triển khai Triple Helix: (i) hệ thống trường đại học, viện nghiên cứu phát triển - cung cấp nhân lực và tri thức [4]; (ii) mạng lưới hơn 50 khu công nghiệp - tạo điều kiện ứng dụng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [5]; và (iii) vị trí chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - thuận lợi cho thương mại hóa đổi mới.

Đặc biệt, quá trình tái cấu trúc chính quyền cấp tỉnh là thời điểm vàng để tích hợp ba mục tiêu phát triển vào một thiết kế thể chế chung. Nếu có sự điều phối trung lập và chính sách rõ ràng, mô hình Triple Helix tại Đồng Nai mở rộng có thể trở thành điển hình quốc gia về phát triển dựa trên tri thức và chuyển đổi số.

Tổng kết lại, trên nền tảng lý luận quốc tế và điều kiện thực tiễn hiện hữu, tỉnh mới hoàn toàn có khả năng hiện thực hóa một mô hình Triple Helix tích hợp - không chỉ như công cụ tăng trưởng, mà còn là trục điều phối thể chế hướng đến phát triển bền vững trong kỷ nguyên tri thức.

3. Thực trạng gắn kết hiện nay (trước sáp nhập)

Trước thời điểm sáp nhập, cả Đồng Nai và Bình Phước đã có những nỗ lực riêng lẻ trong việc thúc đẩy hợp tác giữa ba trụ cột: đại học - doanh nghiệp - chính quyền. Tuy nhiên, các mối liên kết này vẫn mang tính tự phát, thiếu cơ chế điều phối và chưa hình thành hệ sinh thái đổi mới hoàn chỉnh.

Nguyễn Việt Hà (2018) [5] chỉ ra rằng phần lớn trường đại học tại Việt Nam vẫn chủ yếu đóng vai trò “cung cấp dịch vụ nghiên cứu”, lệ thuộc vào các hợp đồng ngắn hạn và thu từ chuyển giao công nghệ chiếm tỷ trọng thấp. Hợp tác thường xuất hiện ở giai đoạn “hậu nghiên cứu”, thay vì tham gia vào hoạch định chính sách hay chiến lược công nghệ ngay từ đầu.

Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp - nhất là SMEs - khó tiếp cận viện - trường do thiếu niềm tin và năng lực R&D nội bộ. Trương Văn Tuấn (2012) [4] nhận định sự chênh lệch giữa nghiên cứu học thuật và nhu cầu thị trường là rào cản lớn, trong khi nền tảng trung gian chuyển ngữ giữa “ngôn ngữ học thuật” và “ngôn ngữ thị trường” gần như vắng mặt [2, 6].

Chính quyền địa phương tuy đã quan tâm đến đổi mới sáng tạo, nhưng chưa thể hiện vai trò “kiến tạo thể chế” như mô hình Triple Helix đòi hỏi [9].

Các hỗ trợ vẫn manh mún, chưa có hội đồng đổi mới hay trung tâm điều phối chính sách ba bên như đề xuất bởi Phùng Xuân Nhạ (2009) [8] và Leidesdorff (2012) [3].

Hạn chế này được phản ánh trong các chỉ số đổi mới địa phương – cả hai tỉnh đều không nằm trong nhóm dẫn đầu, cho thấy hệ sinh thái đổi mới còn ở dạng “tiền cấu trúc” [1]. Đồng thời, “văn hóa liên kết” giữa ba nhà còn yếu. Phạm Thị Ly (2016) [7] nhấn mạnh rằng đại học chưa hình thành văn hóa hợp tác lâu dài, trong khi doanh nghiệp vẫn e ngại chia sẻ dữ liệu và lợi ích.

Tóm lại, thực trạng trước sáp nhập cho thấy ba trụ cột vẫn thiếu niềm tin, thiếu cơ chế phối hợp và thiếu động lực bền vững. Tuy nhiên, chính khoảng trống này lại mở ra một “cơ hội thể chế vàng” để tái cấu trúc mô hình hợp tác ba bên theo hướng tích hợp và hiệu quả hơn trong bối cảnh mới [2, 9].

4. Đề xuất mô hình tối ưu: “Tam đồng” - Đồng sáng tạo, Đồng thực thi, Đồng hưởng lợi

Trong quá trình tái cấu trúc không gian hành chính giữa Đồng Nai và Bình Phước, một mô hình hợp tác hiệu quả giữa trí thức, doanh nghiệp và chính quyền là yêu cầu chiến lược nhằm thiết lập nền tảng phát triển dài hạn. Dựa trên mô hình Triple Helix của Etzkowitz & Leydesdorff (2000) [1], chúng tôi đề xuất cấu trúc “Tam đồng” gồm ba trụ cột: Đồng sáng tạo, Đồng thực thi, và Đồng hưởng lợi.

a. Đồng sáng tạo

Giai đoạn đầu tiên này đòi hỏi sự tham gia chiến lược của ba bên trong thiết kế chính sách và ưu tiên đổi mới. Các Hội đồng liên ngành cần được thành lập theo lĩnh vực (như chuyển đổi số, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao...) để cùng hoạch định chiến lược và phân bổ nguồn lực. Trường đại học cần giữ vai trò trung tâm tri thức, không chỉ đào tạo mà còn đồng kiến tạo giải pháp phát triển. Theo Perkmann et al. (2013), sự tham gia của giảng viên từ giai đoạn chiến lược làm tăng mạnh hiệu quả hợp tác đại học - doanh nghiệp.

b. Đồng thực thi

Việc chuyển ý tưởng thành hành động đòi hỏi các cơ chế phối hợp thể chế cụ thể. Theo Ranga & Etzkowitz (2015) [9], cần thiết lập “cơ chế điều phối thể chế” giúp xác định rõ vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi chủ thể. Các đề tài nghiên cứu nên được đặt hàng từ thực tiễn và đồng quản lý bởi đại diện ba bên để đảm bảo tính minh bạch. Vai trò của nhà nước trong việc hỗ trợ pháp lý và tài chính là yếu tố then chốt, đặc biệt với các dự án có độ rủi ro cao.

c. Đồng hưởng lợi

Một rào cản lớn là thiếu cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng. Mô hình “Tam đồng” đề xuất chia lợi ích theo hai dạng:

- **Vật chất:** phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa nghiên cứu theo thỏa thuận;
- **Phi vật chất:** ghi nhận đóng góp vào hồ sơ công vụ, hồ sơ sáng chế, thương hiệu doanh nghiệp.

Theo Galvão et al. (2019) [2], thiếu minh bạch trong phân phối lợi ích là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến đứt gãy hợp tác nghiên cứu - đổi mới.

Mô hình “Tam đồng” không chỉ phù hợp với bối cảnh sáp nhập tỉnh, mà còn giúp tái cấu trúc vai trò các bên trong nền kinh tế tri thức. Với cam kết chính trị, khung phối hợp rõ ràng và cơ chế phân phối lợi ích minh bạch, tỉnh Đồng Nai mở rộng có tiềm năng trở thành hình mẫu bản địa hóa sáng tạo cho Triple Helix tại Việt Nam.

5. Các kiến nghị cụ thể: Hướng đến thể chế hóa mô hình Tam đồng trong tỉnh mới

Trong bối cảnh tái cấu trúc hành chính giữa Đồng Nai và Bình Phước, việc hiện thực hóa mô hình “Tam đồng” - gồm Đồng sáng tạo, Đồng thực thi, Đồng hưởng lợi - dựa trên nền tảng Triple Helix (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000) đòi hỏi một hệ thống chính sách và cấu trúc điều phối cụ thể, thay vì chỉ dừng ở cấp độ khái niệm. Để tránh tình trạng hợp tác hình thức, cần thiết lập một hành lang pháp lý đủ mạnh và thể chế minh bạch để ba bên - trí thức, doanh nghiệp và chính quyền - phối hợp thực chất.

Một chính sách khung điều phối cấp tỉnh nên được ban hành nhằm xác định rõ nguyên tắc phối hợp, cơ chế đặt hàng và phân chia lợi ích - như Etzkowitz & Leydesdorff (2000) nhấn mạnh, Triple Helix chỉ vận hành hiệu quả khi có cải cách thể chế phù hợp [1]. Đồng thời, cần thành lập một cơ quan điều phối trung gian có tính trung lập như đề xuất của Ranga & Etzkowitz (2015) [9], nhằm gắn kết ba trụ cột và tư vấn cho chính quyền trên nền tảng chuyên môn độc lập.

Ngoài ra, mô hình tổ chức các “tổ tác chiến trí tuệ” - nhóm chuyên gia tư vấn thường trực theo ngành - cần được thể chế hóa như một thành phần cố định trong chu trình hoạch định chính sách, đảm bảo sự hiện diện lâu dài và tương tác liên ngành (Perkmann et al., 2013) [6]. Song song, các cơ chế khuyến khích nội tại như quỹ hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp liên kết với nhà trường, và công nhận thành tích cho trí thức thực hiện nghiên cứu thực tiễn là những yếu tố thiết yếu để tạo động lực và duy trì sự tham gia tích cực của ba bên.

Như Galvão et al. (2019) chỉ ra, minh bạch lợi ích là điều kiện tiên quyết để duy trì hợp tác bền vững trong mô hình đổi mới sáng tạo [2]. Do đó, những kiến nghị trên không chỉ là giải pháp chính sách mà còn là nền tảng thể chế để Đồng Nai – Bình Phước triển khai thành công Triple Helix theo hướng nội địa hóa.

6. Kết luận

Trong tiến trình định hình mô hình phát triển cho tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập với Bình Phước, việc gắn kết ba chủ thể: trí thức - doanh nghiệp - chính quyền không chỉ là một giải pháp kỹ thuật, mà là lựa chọn chiến lược để xây dựng một nền kinh tế tri thức và hệ sinh thái thể chế linh hoạt. Mô hình Triple Helix (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000) cho thấy rằng sự phối hợp ba bên - cùng kiến tạo chính sách, cùng thực thi và cùng chia sẻ lợi ích - có thể nâng cao năng lực đổi mới hệ thống một cách bền vững.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy Triple Helix có thể được nội địa hóa để phù hợp với điều kiện từng vùng. Tuy nhiên, để mô hình này vận hành hiệu quả, ba yếu tố nền tảng là bắt buộc: (1) ý chí chính trị và sự cam kết dài hạn từ lãnh đạo

tính; (2) thể chế phối hợp rõ ràng về trách nhiệm - quyền hạn - lợi ích; và (3) đồng thuận xã hội, đặc biệt từ đội ngũ khoa học, doanh nghiệp và người dân.

Lựa chọn đặt “Tam giác Trí thức - Doanh nghiệp - Chính quyền” làm trung tâm điều phối chiến lược không chỉ thể hiện tầm nhìn phát triển mới, mà còn xác lập một tuyên ngôn về mô hình đổi mới thể chế bền vững. Đây là tiền đề để Đồng Nai mở rộng không chỉ theo kịp, mà còn dẫn dắt làn sóng đổi mới vùng trong bối cảnh hậu sáp nhập.

Tài liệu tham khảo

1. Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). *The dynamics of innovation: from National Systems and “Mode 2” to a Triple Helix of university–industry–government relations*. *Research Policy*, 29(2), 109–123. [https://doi.org/10.1016/S0048-7333\(99\)00055-4](https://doi.org/10.1016/S0048-7333(99)00055-4)
2. Galvão, A., Mascarenhas, C., Marques, C., Ferreira, J., & Ratten, V. (2019). Triple helix and its evolution: a systematic literature review. *Journal of Science and Technology Policy Management*, 10(3), 812–833. <https://doi.org/10.1108/JSTPM-10-2018-0103>
3. Leydesdorff, L. (2012). *The Triple Helix, Quadruple Helix, ..., and an N-Tuple of Helices: Explanatory Models for Analyzing the Knowledge-Based Economy?* *Journal of the Knowledge Economy*, 3(1), 25–35. <https://doi.org/10.1007/s13132-011-0049-4>
4. Trương Văn Tuấn (2012). Thực trạng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế. *Tạp chí Khoa học ĐHSP TP.HCM*, Số 37, 73–82.
5. Nguyễn Việt Hà. (2018). *Mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và ứng dụng mô hình Triple Helix nhằm thúc đẩy mối quan hệ này tại Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 127(5A), 119–131. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v127i5A.5030>
6. Perkmann, M. et al. (2013). Academic engagement and commercialisation: A review of the literature on university–industry relations. *Research Policy*, 42(2), 423–442. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2012.09.007>
7. Phạm Thị Ly. (2016). *Về quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Về quan hệ hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp – Lypham.net*
8. Phùng Xuân Nhạ. (2009). Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh*, 25, 1–8.
9. Ranga, M., & Etzkowitz, H. (2015). *Triple Helix systems: an analytical framework for innovation policy and practice in the Knowledge Society*. *Entrepreneurship and knowledge exchange*, 107-148.

Gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương sau sáp nhập - hướng tới hợp tác đổi mới sáng tạo bền vững

CN. Ngọc Nữ
Hiệp Hội Doanh nghiệp

Tóm tắt

Bài viết phân tích vai trò và thực trạng gắn kết giữa đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương trong bối cảnh các địa phương đang chuẩn bị sáp nhập. Tác giả cho rằng, mặc dù trí thức đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới và phát triển bền vững nhưng sự phối hợp với hai chủ thể còn lại vẫn thiếu chặt chẽ, thiếu cơ chế hỗ trợ và chưa có tính chiến lược. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp gồm thiết lập cơ chế điều phối, hài hòa mục tiêu giữa các bên, định danh trí thức địa phương, mở rộng quyền sáng tạo và ổn định tâm lý trong giai đoạn chuyển tiếp. Những gợi ý này nhằm xây dựng nền tảng cho một mô hình hợp tác hiệu quả, hướng đến phát triển tri thức và sáng tạo tại địa phương.

Từ khóa: Chính quyền địa phương, Đổi mới sáng tạo, Doanh nghiệp, Gắn kết ba bên, Trí thức

1. Mở đầu

Trong thời đại mà toàn cầu hóa và chuyển đổi số không còn là xu thế tương lai, mà đổi mới sáng tạo là yêu cầu tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của mỗi địa phương. Trí thức, với vai trò là lực lượng kiến tạo, tích lũy và lan tỏa tri thức, từ lâu đã được xem như nền tảng trung tâm cho quá trình phát triển dựa trên đổi mới và sáng tạo tri thức (Drucker, 1993; Nonaka & Takeuchi, 1995). Tuy đội ngũ trí thức luôn được đánh giá là lực lượng chiến lược trong phát triển tri thức và đổi mới sáng tạo, nhưng tại nhiều địa phương ở Việt Nam hiện nay, mối liên kết giữa trí thức với doanh nghiệp và chính quyền vẫn chưa được khai thác một cách hiệu quả và bền vững. Trong bối cảnh một số tỉnh, thành đang bắt đầu triển khai kế hoạch sáp nhập địa giới hành chính nhằm tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị, vấn đề đặt ra không chỉ nằm ở khía cạnh tổ chức lại hệ thống hành chính công, mà còn mở ra một cơ hội hiếm có để thiết lập lại cấu trúc hợp tác ba bên giữa chính quyền - trí thức - doanh nghiệp.

Theo lý thuyết “Triple Helix” của Etzkowitz và Leydesdorff (2000), sự phối hợp linh hoạt và chiến lược giữa ba chủ thể này là điều kiện cần thiết để hình thành và vận hành một hệ sinh thái đổi mới tri thức hiệu quả. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự phối hợp này tại cấp địa phương còn tương đối lỏng lẻo, thiếu cơ chế rõ ràng để gắn kết ba bên một cách dài hạn. Trong khu vực công, trí thức - đặc biệt là trí thức trẻ vẫn thường bị giới hạn trong vai trò kỹ thuật hoặc hỗ trợ, ít có cơ hội tham gia vào quá trình hoạch định chính sách hay đề xuất chiến lược phát triển. Ở chiều ngược lại, nhiều doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến việc khai thác sản phẩm tri thức trong nước, trong khi chính quyền địa

phương lại thiếu thiết chế điều phối hiệu quả giữa các bên (Ca, 2002 ; Thơ và Thuyền, 2021 ; Yên và cộng sự, 2019)

Một nguyên nhân sâu xa của thực trạng này là sự thiếu vắng các mô hình trung gian có khả năng chuyển giao tri thức từ nghiên cứu sang ứng dụng, từ giảng đường đến thị trường (Chesbrough, 2003). Các nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo tại địa phương, quỹ hỗ trợ sáng kiến của trí thức trẻ, hay hội đồng tư vấn chính sách liên ngành có thể đóng vai trò “cầu nối chiến lược” giúp khơi thông luồng tri thức và tăng cường hợp tác thực chất giữa các bên (Powell & Grodal, 2005).

Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu này hướng đến việc nhận diện thực trạng và đề xuất mô hình gắn kết hiệu quả giữa đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai sáp nhập tỉnh. Mục tiêu là góp phần xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bền vững, trong đó đội ngũ trí thức không chỉ là người truyền đạt tri thức mà trở thành đối tác đồng kiến tạo trong quá trình hình thành chính sách, phát triển công nghệ và thúc đẩy thị trường tri thức tại địa phương.

2. Thực trạng gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương

Hiện tại, mô hình tam giác sáng tạo (Triple Helix)-bao gồm đại diện trí thức (trường đại học, viện nghiên cứu), doanh nghiệp và chính quyền-đang được kỳ vọng là bản đồ phát triển bền vững, nhưng trên thực tế tại Việt Nam, sự gắn kết này còn khá lỏng lẻo. Một khảo sát của Vụ Giáo dục đại học cho thấy, trung bình một cơ sở giáo dục hợp tác với khoảng 60 doanh nghiệp, nhưng chủ yếu dưới dạng tiếp nhận sinh viên thực tập (90%) hoặc trao học bổng (70%), trong khi chỉ 30% tham gia thiết kế chương trình hoặc nghiên cứu chung có chiều sâu khi doanh nghiệp chưa thấy rõ năng lực sẵn có của trường (Vụ Giáo dục đại học, 2022). Các thiếu hụt về cơ chế phối hợp và minh bạch chính sách khiến gắn kết vẫn còn dừng ở mức "giao lưu hành chính" hơn là hợp tác đổi mới thực chất.

Đại học Quốc gia TP HCM, ĐHQG Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội vừa ký kết triển khai Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đây được xem là một mô hình liên kết có chiều sâu giữa "3 nhà" gồm nhà nước - nhà trường - nhà doanh nghiệp. Ba bên cùng phối hợp không chỉ để tạo ra đột phá trong khoa học công nghệ, mà còn phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thời đại số. Tuy nhiên, các mô hình liên kết này vẫn tập trung vào các đại học lớn, chưa lan rộng và còn thiếu sự tham gia sâu của chính quyền địa phương và trí thức tại địa phương sáp nhập, những nơi rất cần thiết để triển khai sáng kiến và đổi mới.

Ở góc độ chính quyền, Luật Giáo dục đại học sửa đổi (2018) và Nghị định 15/2021 về hợp tác công-tư đã mở đường cho các trường đại học chủ động liên kết doanh nghiệp, song việc thực thi ở cấp địa phương còn hạn chế. Các địa phương thường thiếu thông tin về năng lực nghiên cứu của trí thức và nhu cầu cụ thể từ doanh nghiệp để kết nối hiệu quả. Mặt khác, mối liên hệ giữa chính

quyền và khu vực doanh nghiệp cũng đang gặp khó trong vai trò điều phối, đặc biệt tại các tỉnh sáp nhập. Chính quyền chưa có mô hình điều phối linh hoạt để thúc đẩy sự xuất hiện của các thiết chế chuyển giao tri thức, như trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, quỹ hỗ trợ nghiên cứu liên ngành v.v. Theo mô hình của Etzkowitz & Leydesdorff (2000), sự tương tác đa chiều giữa đại diện các bên là “yếu tố sống còn” cho nền kinh tế tri thức, nhưng hiện vẫn ở mức khởi đầu hoặc bị phân mảnh.

3. Một số thách thức khi gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương

Thứ nhất, thiếu cơ chế phối hợp ba bên rõ ràng và hiệu quả. Hiện tại, chưa có một khung pháp lý hoặc mô hình điều phối nào được thiết kế riêng để quản lý và thúc đẩy sự hợp tác giữa trí thức - doanh nghiệp - chính quyền sau sáp nhập. Việc thiếu cơ chế đồng bộ dẫn đến các hoạt động gắn kết còn rời rạc, thiếu định hướng chiến lược và không có tổ chức trung gian để kết nối lợi ích các bên.

Thứ hai, khác biệt về văn hóa tổ chức và kỳ vọng giữa các bên. Trí thức thường ưu tiên giá trị học thuật, minh chứng khoa học và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; trong khi doanh nghiệp chú trọng tốc độ, hiệu quả và lợi nhuận; còn chính quyền lại thiên về thủ tục hành chính và tuân thủ quy định. Sự khác biệt về cách tiếp cận và ngôn ngữ chuyên môn khiến việc hợp tác thiếu sự đồng thuận và niềm tin chiến lược.

Thứ ba, chưa phát huy hết tiềm năng trí thức địa phương. Đội ngũ trí thức tại địa phương vẫn chưa được định danh rõ năng lực chuyên môn, thiếu cơ chế “đặt hàng nghiên cứu” từ doanh nghiệp và chính quyền. Điều này dẫn đến tình trạng “chưa biết mời ai - làm gì - phục vụ mục tiêu gì”, khiến trí thức trở nên mờ nhạt trong quá trình thiết kế chính sách hay triển khai sáng kiến địa phương.

Thứ tư, tâm lý thụ động hoặc bị “đóng khung” vai trò của trí thức. Nhiều trí thức trẻ, đặc biệt trong khu vực công còn ít có cơ hội thể hiện tư duy sáng tạo hoặc tham gia vào hoạch định chính sách. Điều này làm mất động lực cống hiến và hạn chế khả năng đồng hành cùng doanh nghiệp và chính quyền.

Thứ năm, giai đoạn sáp nhập đi kèm nhiều thay đổi về bộ máy, nhân sự, đơn vị hành chính, từ đó dễ tạo nên sự xáo trộn, tâm lý chờ đợi, e dè hoặc ngại thay đổi trong cả ba nhóm chủ thể. Trong giai đoạn chưa ổn định, việc xây dựng mô hình liên kết mới càng khó khăn hơn.

4. Đề xuất giải pháp

Nhằm ứng phó với các thách thức đã đưa ra, phần tiếp theo đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm củng cố và phát huy vai trò gắn kết giữa trí thức, doanh nghiệp và chính quyền trong tiến trình chuẩn bị sáp nhập địa giới hành chính.

Thứ nhất: Thiết lập cơ chế điều phối ba bên linh hoạt và bền vững. Cần thành lập một cơ quan hoặc tổ chức trung gian tại cấp tỉnh, chẳng hạn như trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc hội đồng cố vấn phát triển cùng với sự tham gia trực tiếp của đại diện giới trí thức, doanh nghiệp và chính quyền. Tổ chức này sẽ

đóng vai trò kết nối, giúp xác định các ưu tiên phát triển, tiếp nhận nhu cầu từ doanh nghiệp và chính quyền, chuyển giao đến đội ngũ trí thức, đồng thời theo dõi việc thực hiện và đánh giá hiệu quả các sáng kiến chung.

Thứ hai: Hài hòa kỳ vọng và thúc đẩy niềm tin chiến lược giữa các bên. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn đối thoại định kỳ hoặc chuỗi hội thảo kết nối doanh nghiệp - trí thức - chính quyền, nơi các bên cùng trao đổi về nhu cầu, mục tiêu và thách thức của nhau. Việc thiết kế các dự án “đồng kiến tạo” (co-creation projects), trong đó mỗi bên đóng góp một phần cụ thể (trí thức, vốn, cơ chế), sẽ giúp các bên nhìn nhận rõ hơn về vai trò và giá trị của đối tác còn lại.

Thứ ba: Định danh và phát huy năng lực đội ngũ trí thức địa phương. Chính quyền địa phương nên xây dựng “Cơ sở dữ liệu trí thức địa phương”, đây là một hệ thống ghi nhận thông tin chuyên môn, thành tựu nghiên cứu, lĩnh vực thế mạnh của đội ngũ trí thức, từ đó tạo điều kiện để mời họ tham gia phản biện, tư vấn hoặc triển khai các nhiệm vụ cấp tỉnh. Đồng thời, cần có cơ chế “đặt hàng nghiên cứu” theo nhu cầu thực tiễn và khuyến khích chuyển giao kết quả nghiên cứu vào ứng dụng.

Thứ tư: Trao quyền và mở rộng không gian sáng tạo cho trí thức. Chính quyền và các cơ quan cần thiết kế lại hệ thống đánh giá, bổ nhiệm và giao nhiệm vụ theo hướng trao quyền học thuật cho đội ngũ trí thức, đặc biệt là các cán bộ trẻ. Cần tạo ra các “vùng thử nghiệm an toàn”, nơi trí thức được phép thử Đúng-sai trong việc đề xuất ý tưởng đổi mới.

Thứ năm: Bảo đảm ổn định tâm lý và tầm nhìn dài hạn trong giai đoạn sáp nhập. Trước, trong và sau quá trình sáp nhập, cần có kế hoạch truyền thông minh bạch, đảm bảo rằng đội ngũ trí thức không bị xem là “phụ trợ” mà là nhân tố trung tâm trong tái cấu trúc và phát triển địa phương mới. Việc ban hành các cam kết chính sách về sử dụng trí thức, kèm theo lộ trình cụ thể, sẽ giúp củng cố niềm tin, ổn định tâm lý và giữ chân đội ngũ này.

5. Kết luận

Trong bối cảnh các địa phương chuẩn bị sáp nhập, việc thiết lập mối liên kết bền vững giữa đội ngũ trí thức, doanh nghiệp và chính quyền không chỉ giúp tận dụng hiệu quả nguồn lực hiện có mà còn tạo động lực mới cho đổi mới sáng tạo. Để điều đó trở thành hiện thực, cần những cơ chế linh hoạt, minh bạch và định hướng dài hạn nhằm đảm bảo trí thức không chỉ được lắng nghe mà còn thực sự tham gia vào quá trình kiến tạo chiến lược phát triển cho tỉnh mới một cách chủ động và hiệu quả. Đây chính là chìa khóa để đảm bảo sự phát triển hài hòa, hiệu quả và giàu bản sắc cho tỉnh mới hình thành.

Tài liệu tham khảo

Chesbrough, H. (2003) *Open Innovation: The New Imperative for Creating and Profiting, from Technology*. Harvard Business School Press, Boston.

Chính phủ (2021). Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Drucker, P. (1993) *Post Capitalist Society*. Harper Business, New York.

Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). The dynamics of innovation: From National Systems and “Mode 2” to a Triple Helix of university–industry–government relations. *Research Policy*, 29(2), 109–123. [https://doi.org/10.1016/S0048-7333\(99\)00055-4](https://doi.org/10.1016/S0048-7333(99)00055-4)

Nghị quyết 57-NQ/TW. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-nha-dat/nghi-quyet-57nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-s-1134.html>.

Nonaka, I. and Takeuchi, H. (1995) *The Knowledge-Creating Company: How Japanese Companies Create the Dynamics of Innovation*. Oxford University Press, New York.

Powell, W. W., & Grodal, S. (2005). “Network of Innovators,” In: J. Fagerberg, D. Mowery and R. R. Nelson, Eds., *The Oxford Handbook of Innovation*, Oxford University Press, Oxford, 2005, pp. 56-85.

Tô Anh Thơ và Lê Thị Như Thuyền. RÀO CẢN THỂ CHẾ VÀ TÂM LÝ ĐỐI VỚI Ý ĐỊNH KINH DOANH CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM (2021). *Tạp chí Nghiên cứu Quản lý Ba Lan* 24(1):428-440. DOI: 10.17512/pjms.2021.24.1.25

Trần Ngọc Ca. *Học tập năng lực công nghệ để nâng cấp công nghiệp Việt Nam: Thách thức của toàn cầu hóa* (2002).

Trần Thị Bạch Yến, Lê Bình Minh và Trần Thu Hương. *Phân tích các rào cản đối với sự phát triển đổi mới ở các nền kinh tế mới nổi: Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của Việt Nam như một trường hợp thực nghiệm* (2019). *Tạp chí Kinh tế và Tài chính Châu Á* 9(1):64-77. DOI: 10.18488/journal.aefr.2019.91.64.77

Vụ Giáo dục đại học. (2022). Báo cáo khảo sát hợp tác đại học – doanh nghiệp tại 135 cơ sở. <https://giaoducthoidai.vn/buc-tranh-hop-tac-dai-hoc-doanh-nghiep-tai-viet-nam-post604742.html>

Tôi và khoai lang, khoai mì

Nghệ nhân Hoàng Đình Nguyễn

1- Từ củ khoai lang

Những ngày cuối tháng 11/2024 gia đình tôi có dịp du lịch ở Nhật Bản, tôi được ghé thăm một ngôi làng cổ dưới chân núi Phú Sĩ. Thư thả dạo trên con đường đất nhỏ ngoằn ngoèo ken dày các bức tường tạo bởi những bụi thông xanh thẫm và luống hoa đủ màu sắc. Làng cổ Oshino Hakkai cách thủ đô Tokyo 100km, nằm ở khoảng giữa hai hồ Kawaguchiko và Yamanakako. Nơi đây từng là khu vực của hồ thứ 6 trong những hồ bao quanh núi Phú Sĩ. Tuy nhiên do sự thay đổi của địa hình và khí hậu mà hồ đã bị cạn nước và hình thành nên làng cổ Oshino Hakkai như ngày nay. Mỗi năm làng cổ thu hút nhiều khách tham quan bởi vẻ đẹp thơ mộng và lãng mạn. Đặc biệt nhờ vị trí đặc địa gần núi Phú Sĩ - biểu tượng của xứ Phù Tang, làng Oshino Hakkai là nơi lý tưởng để du khách ngắm nhìn núi Phú Sĩ hùng vĩ khi chỉ nằm cách ngọn núi khoảng 14km về phía Đông Bắc và cách thủ đô Tokyo hơn 100km.



Du khách ghé thăm ngôi làng cổ này sẽ không khỏi ấn tượng bởi 8 hồ nước bao quanh làng. Đặc biệt, phần đáy của hồ có cấu tạo chủ yếu là thạch nham do quá trình kiến tạo địa chất và lấy nguồn nước từ băng tuyết chảy từ trên đỉnh của núi Phú Sĩ.

Bước vào làng Oshino Hakkai từ xa tôi đã nghe mùi khoai lang nướng thơm lừng bốc lên. Không kìm nổi cảm xúc, tôi đi nhanh đến chỗ mấy người già đang bán khoai nướng.

Trong làng, phần lớn là những người luống tuổi, hầu hết bọn trẻ ra thành phố hay những khu công nghiệp làm việc để có thu nhập cao hơn. Vì vậy những bà nội trợ chỉ tập trung vào những quầy chế biến để trở tài nhào bột và nướng bánh gạo trộn trà xanh, nướng khoai, nướng bắp chào mời du khách.

Bạn đã ăn khoai lang nướng của Nhật Bản chưa? Nếu chưa thì cũng nên tìm ăn một lần cho biết bạn nhé. Ở trong nước tôi được nghe nói nhiều nông dân Nhật sang Việt Nam thuê đất để trồng khoai lang, cứ tưởng chuyện bịa cho vui, bởi lẽ quê tôi là vùng đất trồng khoai. Từ lúc sinh ra đến khi lên 7, lên 8 tuổi trong chén cơm tôi ăn có đến hơn hai phần ba là khoai lang.

Ở Nhật, củ khoai lang được cắt làm đôi theo chiều dọc đem nướng trên bếp lò đốt bằng than củi. Gọi là ăn thử cho biết nên vợ chồng tôi chỉ mua nửa củ khoai. Khoai lang nóng hổi, thật thơm và ngon giống như loại khoai lang mật ở Đà Lạt. Ăn xong khoai, một điều mà tôi nhớ mãi, giá nửa củ khoai lang là: 300 yên (¥) (tương đương với 65.000 VNĐ). Nghĩ mà thương cho những người nông dân quê tôi, mãi đến bây giờ người ta vẫn chưa thoát ra khỏi câu hỏi “trồng cây gì, nuôi con gì” vì thế càng trồng, càng nuôi càng thất bại phải đem đất cho thuê...

Khoai lang, khoai mì, không những tôi quen biết chúng từ rất lâu mà còn gắn chặt với cuộc đời tôi từ thuở ấu thơ, nó trở thành những kỷ niệm không bao giờ quên...

Tốt nghiệp phổ thông, tôi được tuyển thẳng vào khoa Hóa- Thực phẩm của trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Có thể nói thế hệ chúng tôi là thế hệ đầu tiên trong cả nước được đào tạo chính quy trong ngành Công nghiệp Chế biến thực phẩm.

Năm 1971 tốt nghiệp đại học ra trường với tấm bằng đỏ, tôi về nhận công tác tại Ty Công nghiệp Nam Hà (tỉnh ghép Nam Định và Hà Nam). Từ đây tôi lại được điều về một cụm công nghiệp chế biến thực phẩm, với cương vị là kỹ sư theo dõi việc lắp đặt thiết bị trên các dây chuyền sản xuất thực phẩm do các nước Xã hội Chủ nghĩa giúp đỡ như: Xưởng bánh mì Ba Lan, mì sợi Liên Xô, xưởng bích quy, bột dinh dưỡng, và nước đá của Rumani. Cũng tại đây đang xây dựng thêm một xưởng sản xuất kẹo do Việt Nam thiết kế. Tất cả những sản phẩm từ trong cụm công nghiệp này đều là những mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trong những năm tháng chiến tranh ngày ấy.

Riêng xưởng sản xuất kẹo trên dây chuyền cơ giới, do những kỹ sư của Viện thiết kế - Bộ Lương thực - Thực phẩm chuyên giao.

Thời bao cấp, nhất là trong những năm chiến tranh phá hoại của Mỹ, đời sống nhân dân ta rất thiếu thốn các loại đường, bánh, kẹo và nhu yếu phẩm. Những người trong nghề mới biết, muốn sản xuất ra được những viên kẹo cứng trước hết phải có đường và mạch nha...Kẹo cứng mà thiếu mạch nha, viên kẹo sẽ không giòn, kẹo mềm thiếu mạch nha kẹo sẽ dai và không mềm.

Biết được tầm quan trọng của mạch nha trong công nghiệp sản xuất kẹo. Vì thế Viện thiết kế dựa vào danh mục máy móc thiết bị của nước bạn viện trợ, đã bổ sung thêm một dây chuyền sản xuất mạch nha từ khoai lang. Công trình này được đặt tên là: “xưởng nha khoai” dựa trên đồ án thiết kế tốt nghiệp đại học của Thứ trưởng Đặng Giá, tôi vẫn là người chịu trách nhiệm chính trên công trường. Cuối năm 1974 xưởng nha khoai được đưa vào sản xuất thử. Mẻ mạch nha đầu tiên được sản xuất từ bột khoai lang ra đời, mọi người nhìn nhau ngao ngán. Mạch nha vừa loãng vừa đen như thế này thì không thể sản xuất ra những viên kẹo sáng bóng hấp dẫn được. Nhưng trong hoàn cảnh vô cùng thiếu thốn hồi ấy “méo mó có hơn không”.

Những năm tháng ấy, nếu có đưa ra những yêu cầu kỹ thuật trong sơ chế thì người nông dân cũng sẽ không có điều kiện để làm, do giá thu mua không đủ bù đắp cho sản xuất. Tuy nhiên, từ khi có xưởng “nha khoai” ra đời, những người nông dân trồng khoai lang ở Xuân-Trường, Trục-Ninh, Ý- Yên, Nhân- Hòa, Nhân - Hậu đã mừng rỡ tưởng rằng: từ củ khoai lang, ngành công nghiệp chế biến thực phẩm có thể biến chúng thành một loại đường để chế tạo ra nhiều loại sản phẩm bánh kẹo và các loại nước giải khát vv...

2 – Đền củ khoai mì

Cây khoai mì (sắn) là một loại cây lương thực dễ trồng và dễ chăm sóc nhất. Là loại cây sinh trưởng khỏe, cây sử dụng tốt đất cằn kiệt, thích hợp với vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiệt độ thích hợp là 18 - 30°C, thời gian sinh trưởng 8 - 9 tháng, trồng vào tháng 2 - 3 cho năng suất cao nhất, khoai mì được trồng chủ yếu lấy củ để sản xuất tinh bột khoai mì.

Tinh bột là một trong những thành phần chính (chúng chiếm 10 -30% chất khô) trong các loại cây lương thực như: lúa gạo, lúa mì, đại mạch, bắp (ngô), khoai lang, khoai mì (sắn) khoai tây. Trong những loại cây lương thực này thì củ khoai mì có chứa hàm lượng tinh bột cao nhất.

Khoai mì tươi có hàm lượng chất khô 38-40%, còn lại là nước (H₂O). Trong chất khô của khoai mì tinh bột chiếm từ 16-32%, Protein: 0,8-2,5%, chất béo: 0,2-0,3, chất xơ: 1,1-1,7%, chất tro 0,6-0,9%, và muối.

Ngành công nghiệp chế biến chưa phát triển, củ khoai mì chỉ dùng làm chất độn thay một phần lương thực chính là gạo, bắp vv...Khoai mì để nguyên vỏ nướng chín, ăn trực tiếp ngon đến tuyệt vời, nhưng món khoai mì đem bóc vỏ rửa sạch rồi đem luộc chín chấm với muối mè hay hành mỡ lại là món ngon đơn giản và phổ biến nhất.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi được trở về nhận công tác tại Ty Công nghiệp Đồng Nai. Thời gian đầu mới tiếp quản, công việc chính của tôi vẫn là đọc và nghiên cứu tài liệu trong công nghệ sản xuất của các ngành hóa học và thực phẩm trong khu Kỹ nghệ Biên Hòa còn lưu trữ do Sonadezi (Cơ quan quốc gia Khuếch trương và phát triển khu Kỹ nghệ) của chính quyền Việt Nam Cộng hòa để lại. Qua tài liệu tôi nhận ra rằng, công nghiệp chế biến thực phẩm của miền Nam đang đi theo chiều phát triển công nghệ mới của Nhật, Mỹ, Đài Loan...Tôi thực sự nhận ra nhu cầu, vai trò rộng lớn của tinh bột khoai mì trong công nghiệp sản xuất: Bột ngọt, mì ăn liền, công nghiệp chưng cất rượu, cồn, dấm, và sản xuất dược phẩm, bánh phồng tôm, đường mạch nha...

Gần hai năm trời vừa thiết kế vừa gia công chế tạo và lắp đặt hoàn chỉnh máy móc thiết bị công nghệ. Cuối năm 1978 nhà máy Tinh bột Biên Hòa đã cho ra đời mẻ tinh bột đầu tiên.

Sản xuất tinh bột tức là ta phải xay nghiền củ khoai mì ra thành bột nhuyễn rồi thông qua các công đoạn tách xơ bã, ly tâm lắng lọc nhiều lần loại bỏ hết tạp chất có trong củ khoai mì, chỉ giữ lại phần tinh bột. Sau khi sấy khô ta thu được tinh bột khô.

Tinh bột khô của chúng tôi sản xuất ra, hơi ngả vàng một chút nhưng nhược điểm này có thể khắc phục được. Tôi biết chắc rằng chất lượng của chúng đảm bảo phục vụ rất tốt cho các ngành chế biến khác.

Sau khi nhà máy tinh bột đi vào hoạt động, do yêu cầu của lãnh đạo tỉnh, nhà máy chế tạo và lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mì sợi để kịp chế biến phục vụ đời sống công nhân và nhân dân trong khu công nghiệp.

Cuối năm 1978 nhà máy Tinh bột Biên Hòa được chuyển giao về Ty lương thực Đồng Nai quản lý. Riêng tôi được Ty Công nghiệp giữ lại để giao công tác mới đó là: Khôi phục sản xuất và đưa vào hoạt động Xí nghiệp Mạch nha Đồng Nai.

Muốn sản xuất ra mạch nha, trước hết phải có tinh bột khoai mì, tinh bột đã chủ động sản xuất được bằng khoai mì của các địa phương từ Long Thành, Thống Nhất, Định Quán vv. Tuy nhiên xưởng mạch nha đã ngừng sản xuất khá lâu nên thời gian kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị quả thực rất khó khăn.

Xưởng mạch nha nằm bên bờ sông Đồng Nai, ngay thành phố Biên Hòa, tuy mặt bằng nhỏ bé nhưng xét về quy trình công nghệ nó được xếp vào tiên tiến thời bấy giờ, muốn tu bổ sửa chữa máy móc rất khó tìm phụ tùng thay thế. Vì thế từ ngày nhận nhiệm vụ về xí nghiệp, gần một năm sau chúng tôi mới có thể đưa xí nghiệp vào sản xuất.

Mạch nha là tên gọi chung của nhóm đường đơn: Fructoza, maltoza, glucoza có chung công thức cấu tạo: $C_6H_{12}O_6$. Mạch nha là nhu cầu không thể thiếu trong công nghiệp sản xuất bánh, kẹo, nước giải khát lên men và các chế phẩm của ngành dược.

Sản xuất mạch nha là chuyển hóa tinh bột thành đường mạch nha bằng cách ngâm tinh bột khoai mì khô thành một dịch sữa bột rồi vận chuyển chúng chạy qua một hệ thống thiết bị: Hồ Hóa, đường hóa (thủy phân), tẩy màu, trung hòa, lọc ép thành nước nha trong rồi cô đặc chúng trong thiết bị cô đặc chân không. Cuối cùng ta thu được sản phẩm mạch nha dạng đặc. Chỉ bấy nhiêu thôi, đọc cũng vã mồ hôi và đã thấy chán rồi, trong khi đó chúng tôi còn phải lo chạy các loại hóa chất để phục vụ cho quá trình sản xuất ra Mạch nha.

Sau khi đã chuẩn bị tương đối những yêu cầu cần thiết, Xí nghiệp mạch nha Đồng Nai làm văn bản gửi các ban ngành xin chỉ tiêu được mua tinh bột phục vụ sản xuất. Trong thời gian này, nhà máy Tinh bột Biên Hòa đã ngưng sản xuất tinh bột để tập trung vào nhiệm vụ chế biến lương thực, do vậy chúng tôi chủ động tìm đến tỉnh Tây Ninh, lặn lội đến các huyện sát biên giới Campuchia để mua tinh bột phục vụ cho sản xuất.

Thế đấy, hết khoai lang, đến khoai mì hành tỏi tôi tôi dữ lắm, may mà những năm tháng ấy tuy cuộc sống thiếu thốn nhưng tuổi trẻ năng động và sôi nổi, cùng với tập thể anh em đồng nghiệp chung lưng góp sức.

Từ năm 1989 của thế kỷ trước, sản phẩm mạch nha của chúng tôi đã cung cấp cho hầu hết các xí nghiệp bánh kẹo trong cả nước để sản xuất ra những mặt hàng xuất khẩu cho khối Xã hội Chủ nghĩa.

Khi đất nước bắt đầu vào thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển. Bà Linda một Việt kiều ở Hồng Kông là người được Công ty bột ngọt Vedan (Đài Loan) cử làm đại diện thăm dò tìm hiểu chính sách đầu tư ở Việt Nam. Mọi chính sách ưu đãi đầu tư đều đã có công ty Donavik (Công ty dịch vụ Việt kiều Đồng Nai) cung cấp. Nhưng khi trình bày về khả năng cung ứng nguyên liệu cho sản xuất bột ngọt, anh Hai Nà lúc bấy giờ là Phó Bí thư Tỉnh ủy đã trực tiếp giao nhiệm vụ này cho tôi và anh Huân (Trước khi nghỉ hưu anh là PGĐ Sở KHĐT) xuống vùng nguyên liệu: Phú Mỹ-Long Thành, (ngày ấy huyện Nhơn Trạch chưa tách khỏi Long Thành) nắm bắt tình hình để báo cáo.

Từ nhiệm vụ mới được giao này, một lần nữa tôi đã nhận ra rằng: Tinh bột khoai mì là nguyên liệu chính để sản xuất ra bột ngọt (mì chính) trong công nghệ chế biến tiên tiến nhất mà thế giới hiện nay đang thịnh hành. Tinh bột khoai mì có thể chuyển hóa thành dịch đường và đậm bằng phương pháp lên men, sau đó chúng được trung hòa, tẩy lọc, cô đặc và trợ tinh, kết tinh, thành những hạt bột ngọt. Bột ngọt và mì chính do tên gọi khác nhau nhưng chúng có chung một công thức hóa học và tên khoa học là: Mono Glutamatnatri.

Ngày nay do nhu cầu sản xuất chế biến trong ngành công nghiệp thực phẩm, đòi hỏi phải được cung cấp nguồn tinh bột khoai mì rất lớn do vậy ngoài việc phải có vùng đất chuyên canh, ngành nông nghiệp của chúng ta đã nhập về nhiều giống khoai mì có năng suất và hàm lượng tinh bột rất cao.

Để bạn hiểu rõ hơn về cây khoai mì, tôi sẽ giới thiệu lý lịch trích ngang của cây khoai mì cho bạn đọc hiểu và con đường phát triển, thâm nhập của cây khoai mì vào Việt Nam cũng lòng vòng như chính tôi tìm đến nó.

Khoai mì (cây sắn) có tên tiếng Anh là cassava hay còn gọi là manio. Khoai mì có nguồn gốc ở vùng nhiệt đới của châu Mỹ La tinh và được trồng cách đây khoảng 5.000 năm. Quê hương sinh ra cây khoai mì được giả thiết tại vùng đông bắc của nước Brazil thuộc lưu vực sông Amazon, nơi có nhiều chủng loại khoai mì trồng và hoang dại. Bằng chứng về nguồn gốc khoai mì trồng là những di tích khảo cổ ở Venezuela niên đại 2.700 năm trước công nguyên, di vật thể hiện củ khoai mì ở vùng ven biển Peru khoảng 2000 năm trước công nguyên. Những lò nướng bánh khoai mì ở phía Bắc Colombia niên đại khoảng 1.200 năm trước công nguyên. Những hạt tinh bột hóa thạch được phát hiện tại Mexico có tuổi từ năm 900 đến năm 200 trước công nguyên.

Cây khoai mì được người Bồ Đào Nha đưa đến Congo của châu Phi vào thế kỷ 16. Ở châu Á, khoai mì được du nhập vào Ấn Độ khoảng thế kỷ 17 và Sri Lanka đầu thế kỷ 18. Sau đó, khoai mì được trồng ở Trung Quốc, Myanma và các nước châu Á khác ở cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19.

Khoai mì được du nhập vào Việt Nam khoảng giữa thế kỷ 18. Từ ngày nhập hộ khẩu vào Việt Nam, trong suốt quá trình phát triển, cho đến ngày nay tỉnh Tây Ninh chính là thủ phủ của khoai mì. Cả nước ta có diện tích trồng khoai mì trên 700.000 ha, chỉ riêng Tây Ninh đã chiếm gần 600.000 ha. Với năng suất trung bình hiện nay 30 tấn củ/ha, các chuyên gia kinh tế đã tính toán rằng: chỉ riêng chế biến tinh bột khoai mì, mỗi năm chúng ta có thể thu được 2 tỷ USD.

Đồng Nai chúng ta có diện tích trồng khoai mì đứng vào hàng thứ 2 trong cả nước. Từ ngày tỉnh Bình Phước hợp nhất với Đồng Nai thành tỉnh Đồng Nai

mới; với kỳ vọng chúng ta sẽ mở rộng vùng sản xuất nông nghiệp sang hướng Bình Phước. Nhiều nhà hoạch định chính sách đã lên kế hoạch như sau:

1. Bình Phước có thể trở thành vùng nguyên liệu cho khoai lang - khoai mì không?

Câu trả lời là “Hoàn toàn có thể”, thậm chí là rất tiềm năng, bởi vì:

a) Điều kiện tự nhiên phù hợp:

- Bình Phước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất bazan màu mỡ và quỹ đất nông nghiệp còn rộng (hơn 430.000 ha), phù hợp cho cây trồng cạn, trong đó có **khoai lang và khoai mì (sắn)**.
- Một số huyện có tiềm năng lớn như: **Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh, Phú Riềng** - có đất đồi và khí hậu tương đồng với các vùng chuyên canh sắn tại Tây Ninh hay Đồng Nai.

b) Thực tiễn sản xuất:

- Bình Phước hiện đã có một số diện tích **trồng sắn nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chế biến tinh bột tại huyện Bù Đăng và Bù Gia Mập**. Ngoài ra, còn có diện tích khoai lang rải rác tại Phước Long và Đồng Xoài.
- Sau khi sáp nhập, các **chính sách liên kết vùng**, quy hoạch vùng nguyên liệu giữa hai tỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Bình Phước trở thành **vệ tinh nguyên liệu bổ sung cho các nhà máy tại Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch**.

2. Hiện nay cây giống khoai lang - khoai mì có gì thay đổi?

a) Giống khoai mì:

- Việt Nam đã **du nhập và lai tạo nhiều giống khoai mì có năng suất cao** từ Viện Nghiên cứu Nông nghiệp (CIAT), đáng kể như:
 - **KM94, KM419, KM140, KM440** - cho năng suất trung bình từ 30-45 tấn/ha, hàm lượng tinh bột cao (25-30%).
 - **Giống KM140, KM505** - kháng bệnh khảm lá virus, phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh đang lan rộng ở khu vực phía Nam.
- Việc ứng dụng công nghệ **tưới tiết kiệm, canh tác hữu cơ và giống sạch bệnh** đã được triển khai tại một số mô hình lớn ở Đồng Nai và Tây Ninh.

b) Giống khoai lang:

- Giống **khoai lang Nhật ruột tím, ruột vàng** (IPomoea batatas) được nhân rộng và có giá trị xuất khẩu cao, đặc biệt tại Vĩnh Long, Đắc Lắc, và nay đã được **trồng thử nghiệm tại Đồng Nai và Bình Phước**.
- Một số giống nội địa được cải thiện như: **Khoai lang HL491, HL518**, tăng khả năng chịu hạn và năng suất 25-30 tấn/ha.

Sau khi Đồng Nai - Bình Phước hợp nhất, có thể đề xuất:

- **Mở rộng quy hoạch vùng nguyên liệu khoai mì tại Bù Đăng, Bù Gia Mập** để hỗ trợ ổn định nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tinh bột, mì ăn liền, bột ngọt.
- **Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác đầu tư và bao tiêu sản phẩm**, nhất là với các giống khoai mì KM và khoai lang Nhật.
- **Xây dựng vùng sản xuất giống sạch bệnh** phục vụ cho cả hai tỉnh, đồng thời ứng dụng chuyển đổi số để quản lý vùng nguyên liệu.

Giờ đây, khi Đồng Nai và Bình Phước đã trở thành một thể thống nhất, tôi lại càng tin tưởng hơn vào tương lai của những củ khoai lang - khoai mì từng theo tôi suốt cả đời người. Bình Phước, với đất đỏ bazan rộng lớn và khí hậu tương đồng Tây Ninh, đang nổi lên như một vùng nguyên liệu đầy tiềm năng cho cây khoai mì và khoai lang. Những huyện như Bù Đăng, Bù Gia Mập, Lộc Ninh hay Phú Riềng đều có thể trở thành những vùng trồng chuyên canh, góp phần ổn định đầu vào cho các nhà máy chế biến tinh bột, bột ngọt và bánh kẹo ở Biên Hòa - Long Thành. Tôi nghe nói hiện nay, ngành nông nghiệp đã nhập nội nhiều giống mới: khoai mì thì có KM94, KM140, KM505 vừa cho năng suất cao vừa kháng bệnh tốt; khoai lang thì phổ biến giống ruột tím, ruột vàng của Nhật, thị trường rất ưa chuộng. So với thời của chúng tôi - khi mẻ mạch nha đầu tiên còn đen đúa, chua chát và đầy tiều nuối - thì nay giống tốt, công nghệ tốt, thị trường lại mở rộng... Chỉ cần quyết tâm quy hoạch và liên kết vùng hợp lý, tôi tin rằng Đồng Nai mới hoàn toàn có thể trở thành trung tâm chế biến tinh bột lớn của cả nước và biết đâu đó, những củ khoai lấm lem của một thời nghèo khó lại một lần nữa bừng sáng giữa thời hợp nhất và hội nhập.

Đồng Nai 7/2025
Hoàng Đình Nguyễn

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	THÔNG TIN	TRANG
1	<i>Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học</i>	Ban Tổ chức	2
2	<i>Gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp để nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW</i>	TS. Lê Anh Đức Trường Đại học Đồng Nai	5
3	<i>Tinh gọn tổ chức - Không tinh giản trí tuệ</i>	ThS. Nguyễn Văn Liệt Phó Chủ tịch Phụ trách Liên hiệp Hội Đồng Nai	11
4	<i>Phát huy hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức trong phát triển tỉnh Đồng Nai (mới): Từ nhận diện đến giải pháp</i>	ThS. Nguyễn Ngọc Vũ Phó Chủ tịch Liên hiệp Hội Đồng Nai	15
5	<i>Kế thừa và phát huy nguồn lực trí thức sau sáp nhập hai tỉnh</i>	ThS. Lại Doãn Anh Tuấn Trường Đại học Hùng Vương, TP. HCM	18
6	<i>Niềm tin và kỳ vọng của trí thức khi sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước: Từ chuyển mình địa phương đến vươn tầm quốc gia</i>	PGS.TS. Mai Xuân Quyết Hội khoa học Tâm lý - Giáo dục tỉnh Đồng Nai	23
7	<i>Hợp nhất hai trong một - Sức mạnh đoàn kết của đội ngũ trí thức - trụ cột của kỷ nguyên vươn mình</i>	ThS. Lê Văn Nghĩa Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai	30
8	<i>Niềm tin và kỳ vọng của trí thức khi sáp nhập tỉnh - cơ hội và thách thức với các tổ chức khoa học và công nghệ</i>	ThS. Đoàn Quang Trọng Phó Tổng Giám đốc Công ty Cao su Bình Long	37
9	<i>Xây dựng đội ngũ trí thức Đồng Nai: cơ hội và thách thức mới</i>	ThS. Phạm Gia Hải Nguyên Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai	40

10	<i>Phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao sau sáp nhập tỉnh Đồng Nai - Bình Phước: vai trò đội ngũ trí thức</i>	Trần Anh Minh Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	44
11	<i>Chiến lược thu hút và giữ chân đội ngũ trí thức khi hợp nhất hai tỉnh Đồng Nai - Bình Phước</i>	KS. Phạm Văn Tuyền Chuyên viên Liên hiệp các Hội KH&KT Đồng Nai	49
12	<i>Niềm tin và kỳ vọng của trí thức trẻ đối với quá trình sáp nhập tỉnh và tinh gọn bộ máy</i>	ThS. Chung Minh Tâm Đại học Mở TP.HCM	55
13	<i>Tỉnh Đồng Nai mới - Chương mới cho lịch sử phát triển</i>	TS. Nguyễn Xuân Tiến Trường Đại học Văn hóa TP. HCM	58
14	<i>Vai trò của Liên hiệp Hội Đồng Nai trong tập hợp, đoàn kết trí thức, định hình bản sắc văn hóa - lịch sử và thúc đẩy khoa học công nghệ tỉnh sau sáp nhập</i>	Trần Hồng Quyết Phó Chánh Văn phòng Liên hiệp Hội Đồng Nai	62
15	<i>Mở rộng không gian địa lý gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai mới</i>	ThS. Trần Quang Toại Chủ tịch Hội khoa học Lịch sử Đồng Nai	66
16	<i>Xây dựng bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập: Thuận lợi, thách thức và đề xuất chiến lược</i>	PGS.TS. Trần Hoài Anh Trường Đại học Văn hóa TP.HCM	72
17	<i>Vai trò của trí thức trong việc định hình bản sắc văn hóa, lịch sử và khoa học công nghệ của tỉnh Đồng Nai mới sau sáp nhập</i>	TS. Bùi Quang Xuân Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	76
18	<i>Bảo tồn và số hóa di sản văn hóa thời chuyển đổi số: Cơ hội và thực tiễn tại Đồng Nai (mới)</i>	CN. Lê Thanh Hương Đoàn Luật sư Đồng Nai	80
19	<i>Truyền thông chính sách công trong định hình bản sắc văn hóa - pháp lý sau sáp nhập Đồng Nai - Bình Phước</i>	Nguyễn Thị Hằng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	85

20	<i>Văn hóa địa phương - Cơ hội và thách thức trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp</i>	ThS. Hoàng Đức Nguyên ThS. Dương Kinh Trường Chinh Trường Đại học Văn hóa TP. HCM Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Đồng Nai	90
21	<i>Vai trò gắn kết của đội ngũ trí thức ngành công thương với doanh nghiệp và chính quyền tỉnh Đồng Nai mới sau khi sáp nhập</i>	Phạm Châu Tuấn Phó trưởng phòng, Sở Công Thương Đồng Nai	97
22	<i>Hợp tác liên trường, liên ngành: Động lực phát triển trí thức Đồng Nai - Bình Phước sau sáp nhập</i>	TS. Phạm Hùng Đức Hiệu phó Trường Đại học Đồng Nai	100
23	<i>Thực trạng và giải pháp xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập.</i>	Hạnh Linh Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Đồng Nai	107
24	<i>Tham luận của Hội Sinh vật cảnh Bình Phước</i>	ThS. Bùi Thanh Tùng P.Chủ tịch Hội Sinh Vật Cảnh tỉnh Bình Phước	112
25	<i>Trí thức trẻ tỉnh Đồng Nai (mới): Giữa kỳ vọng đổi mới và nguy cơ “vô hình hóa”</i>	Ng. Huỳnh Bạch Sơn Long Nguyễn Văn Liệt Hội Hóa học Đồng Nai Liên hiệp Hội Đồng Nai	114
26	<i>Vai trò của trí thức trẻ trong nền kinh tế số: Đổi mới sáng tạo trong cuộc cách mạng tri thức</i>	ThS. Đinh Thành Trung Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai	117
27	<i>Trí thức trẻ tỉnh Đồng Nai - đón vận hội - trách nhiệm đổi mới cùng kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc</i>	Th.S Trịnh Thị Tình Trưởng Chính trị tỉnh Đồng Nai	123
28	<i>“Gắn kết trí thức - doanh nghiệp - chính quyền: Mô hình nào là tối ưu?”</i>	TS. Trần Thanh Đại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	128

29	<i>Gắn kết đội ngũ trí thức với doanh nghiệp và chính quyền địa phương sau sáp nhập - hướng tới hợp tác đổi mới sáng tạo bền vững</i>	CN. Ngọc Nữ Hội viên Hội Doanh nghiệp trẻ	133
30	<i>Tôi và khoai lang, khoai mì</i>	NN. Hoàng Đình Nguyễn	138